

VĂN ĐỀ

NGUYỆT SAN CHÍNH TRỊ KINH TẾ XÃ HỘI VĂN HÓA

Số 48

Tháng 7-1971

vũ đình lưu	1	thức tỉnh triết lý
nguyên nhật duật	13	một mối bận khoăn
du tử lê	18	kẻ tật nguyên
mai thảo	28	ghi nhận trong tháng
đặng phùng quân	32	sáng tạo, thơ
trần hoài thư	37	người con gái của nhà thơ đức tin
phạm cao hoàng	45	sương bên sông
albert camus	49	chết sương
hoàng ngọc tuần	60	trời hay mưa khi trở về
mường mán	72	luồng khói
viên linh	80	tiệc khó
vĩnh lộc	83	tân cơn gió loạn

CHỦ NHIỆM SÁNG LẬP: **VŨ CÔNG TRỰC**
QUẢN LÝ: **Bà BÙI THỊ HÒA-KHANH**
BÀI VỞ GỬI CHO: **MAI THẢO**

Tòa soạn : 38, Phạm Ngũ Lão, Saigon

VŨ ĐÌNH LƯU

thức tỉnh triết lý

Nhìn vào xã hội Việt Nam ngu muội, thức thủ, thụ động, eo ọt dưới chế độ Pháp thuộc và xã hội ngày nay hăng say trên mọi cạnh khía sinh hoạt, có một ý thức mãnh liệt về giống nòi, tổ quốc, tiến bộ, chúng ta hẳn phải công nhận thực tại đó chứng minh rằng sự thức tỉnh quốc gia là một sự kiện hiển nhiên, một luồng sinh khí làm hồi sinh tiềm năng xã hội sau 80 năm lắng đọng.

Quốc gia thức tỉnh là điều kiện tâm lý tiên khởi để dân tộc có ý chí huy động khả năng sáng tạo đem lại sự tiến hóa xã hội. Chúng ta cần nhận định khuynh hướng ấy về hai phương diện tư tưởng và hành động, đúng hơn, hình nhi thượng học và hình nhi hạ học.

Về phương diện hình nhi thượng học, có sự cố gắng phục hồi nền văn hóa của dân tộc thể hiện qua các lãnh vực đạo đức, văn học, nghệ thuật. Sự phục hồi ấy có ý nghĩa nổi lại mối dây liên tục làm cho tư tưởng quá khứ khô cứng trong thời gian 80 năm nay tiếp tục luân lưu trong giòng sống để thế hệ hiện đại và tương lai tìm nguồn sinh khí mà đáp ứng với các vấn đề của đời sống đặt ra. Trong 80 năm qua chúng ta không có vấn đề ấy vì văn hóa Pháp lãnh trách nhiệm đỡ đầu, người dân chỉ có việc hội nhập cái gọi là văn hóa Tây Phương.

Trách nhiệm suy tầm bản thể hình nhi thượng học ấy ngày nay hầu như là mối bận tâm của Phật học và Tây học hai quan niệm về học vấn ở Việt nam ngày nay. Tây học đặt dưới sự chỉ đạo của Thiên Chúa Giáo, gia tài của người Pháp để lại là Ki Tô Giáo, như vậy vấn đề đặt ra là tìm hiểu thái độ tâm linh và chiều hướng tư tưởng triết học của Tây Phương. Đối với Phật học thì có một sự cố gắng hồi sinh Đông Phương Học bên cạnh sự nghiên cứu Tây Học, dưới sự chỉ đạo của tinh thần Phật Giáo.

Phật Giáo đã xác định những vấn đề tâm linh, giáo dục, học thuật, tư tưởng như sau :

« Đạo Phật không phải là « tôn giáo » mà cũng không phải là « triết học ». Tư tưởng triết học của đạo Phật chỉ là hậu quả tất yếu của sự sinh thành biến chứng trong sinh hoạt tâm linh con người theo đạo Phật... Thái độ tâm linh của đạo Phật nằm trong con người, do con người, bởi con người và cho con người... tất cả thái độ ấy là phá bỏ kiến chấp tức là phá ngã chấp và pháp chấp, đưa con người vượt lên trên con người để vươn đến Phật tính ; thái độ ấy chuyển nhân bản thành Phật bản » (Thích Minh Châu, Tư Tưởng số 1 bài Thái độ tâm linh của đạo Phật).

Việc giáo hóa và tu dưỡng nhắm vào sự « tự thành toàn thể tiềm thể của con người trong toàn diện sinh hoạt trí thức và tâm linh của đời sống » và giữ cho « ngọn chân lý, tự do và nhân tính được cháy mãi mãi từ thế kỷ này đến thế kỷ khác. » Trong quan niệm ấy, « nền giáo dục không chuẩn bị cho con người rập theo khuôn thước của định thể xã hội, định thể truyền thống, định thể dân tộc, tôn giáo, tín điều, mà nền giáo dục phải đánh thức cá thể, gieo ý thức cá thể về sự tự do vô biên của tâm linh, của toàn thể khía cạnh đời sống » Sở dĩ Phật Giáo nhấn mạnh đến tâm linh và ý thức cá thể toàn diện là vì thế giới đã chứng kiến sự khủng hoảng và bế tắc của nền văn minh Tây Phương. « Nguyên nhân của thảm trạng ấy xuất phát từ văn minh Hy Lạp trong thái độ nhận thức sai lầm về thực tại và con người, sự sai lầm này khởi sự từ Socrate, thành hình cụ thể

với Platon và Aristote và phát triển suốt giòng lịch sử văn hóa Tây Phương để rồi chiếm ngự khắp thế giới ở thế kỷ XX này với sự tiến bộ vượt bậc của tất cả nền khoa học hiện đại, phân hóa toàn diện tính của con người... » (Tư Tưởng số 2 và 3; bài của T. T. Thích Minh Châu : Bản Thể, triết lý giáo dục).

Trong tinh thần Tứ Thánh Đế, khổ, tập, diệt, đạo, Phật Giáo đặt vấn đề suy tưởng, giáo hóa, tu dưỡng với những chủ đề tâm linh và ý thức ; sự liên tục của giòng sáng tạo mà chân lý, tự do và nhân tính là những nét thể hiện ; chân như và sự liên lạc của tri thức với chân như.

Đối với Tây học thì vấn đề thực tiễn con người, trước nguy cơ tiêu hủy đời sống chân thực và trước nguy cơ bảo thủ nếp sống giả tạo của nền văn minh vật chất, vấn đề ấy cũng là mối bận tâm của triết gia.

Nhìn quan hiện sinh của E. Mounier nhìn thấy việc thức tỉnh con người là trung tâm của triết lý, vào lúc « triết gia toa rập với bác học gia làm tiêu diệt sự hiện diện của con người trong đời sống » (Introduction aux existencialismes) người ta không giám nhìn người diên sáng suốt và tư mẫn, sống như một vật giữa những sự vật, sợ rằng sẽ thấy họ không có mắt thật, mà chỉ có mắt bằng thủy tinh và tóc bằng rơm rạ, họ chỉ là một sản phẩm giả tạo ». Họ chỉ suy nghĩ với những ý niệm máy móc và hành động theo sự đòi hỏi của thị dục, họ không « hiện sinh ». Đó là hình ảnh con người sống hơi hợt và khô cạn đời sống nội tâm, mà triết gia muốn tạo lại cho họ « một luồng sinh khí, nhờ đó sự sống tái sinh trong một vài lãnh vực tâm trí bấy nay héo hắt và gần như tan rã ». Nhưng trở về với đời sống nội tâm không có nghĩa là giam mình trong tháp ngà trầm tư mặc tưởng không bén rễ xuống cuộc sống, từ khước tính chất hiện sinh của con người. Giường máy xã hội với Giáo Hội, Nhà Nước, đảng phái, đoàn thể, đều tác động theo một chiều tiêu diệt ý thức chân thực về hiện sinh : hiện sinh chỉ có thể quan niệm là một nguồn khởi phát nguyên thủy (ursprung), cái khuôn mẫu của sự sống. Con người không thể

đứng ngoài ngắm nguồn khởi phát sự sống ấy mà mô tả ngoại vi, họ phải sống ở trong người khởi phát.

Nguồn khởi phát đó không thể mô tả hết bằng ngôn ngữ trần gian, « chúng ta bị bao vây bởi những thực tại tuy không hẳn là ở ngoài phạm vi ý thức của chúng ta nhưng không xuất hiện tỏ rõ trong ý thức. Những thực tại đó sẽ xuất hiện như những cảm tưởng nền móng (stimmung) mà khả năng khai mở bí mật vượt lên trên khả năng của tri thức, tri thức chỉ khai triển những cảm tưởng nền móng đó ». Đó là thái độ của Mounier đối với vấn đề tâm linh và tri thức.

Thái độ triết lý của ông không tìm lối đi trong hướng thực tại khách quan hóa, ông đảo ngược cách nhìn khách quan hóa để đi ngược trở lên tận nguồn sống. Tuy nhiên cách phá chấp của ông là « dựa vào thực tại khách quan hóa để có cái gì vững chãi, rồi chấp nhận dùng chủ thể eo hẹp của mình để đào sâu cho tới bản thể ». Dĩ nhiên, chấp nhận như thế có mạo hiểm, trong thế gian này tâm nguy đạo vi, tâm luôn luôn bị lạc vào khách quan giới hay rơi xuống chỗ hư vô nội tâm giới, như vậy cuộc tranh đấu hiện sinh để tìm sự thật là cuộc tranh đấu không ngừng. Hiện sinh không thể dừng lại cội nguồn một lần rồi yên chí ngồi tọa hưởng kỳ thành.

Đó là thái độ của một triết gia hiện sinh, một thái độ khiêm tốn, một vừa hai phải, không tham vọng tuyệt đối, « không đặt câu hỏi viển vông, không đi tìm Sự Thật, một sự thật vô nhân tính chẳng ai thiết, nhưng đi tìm sự thật của con người, trả lời vào khát vọng của họ, gỡ mối cho các vấn đề của họ. »

Triết sử gia Emile Bréhier đặt vấn đề dinh dưỡng giọng tư tưởng triết lý liên tục dưới hình thức « khái niệm phục hưng ». Triết lý cố gắng trở lại cái nhìn trực tiếp đề lý hội cái chân thực và thoát ly tình trạng triết học thế kỷ XIX Ông tự hỏi : « triết lý ngày nay làm cách nào để giữ được sự liên tục suy tưởng trải qua các thời đại, triết lý có ý định duy trì sự liên tục suy tưởng đó không ? » (Etudes de philosophie moderne, La notion de Renaissance).

Triết lý thế kỷ XIX chấp nhận rằng thời đại nào có nền văn hóa của thời đại ấy ; triết lý, khoa học, mỹ thuật cũng như chính trị, kinh tế và kỹ nghệ đều là phản ảnh của nền văn hóa. Quan niệm như thế người ta sẽ được yên ổn để ngồi diễn dịch những nguyên lý đã hình thành xuống lãnh vực hình nhi hạ học, nhưng hậu quả tai hại là tư tưởng ngưng đọng. Sự phục hưng triết lý của thế kỷ này cố gắng tránh sự ngưng đọng và tiếp nối giọng suy tư liên tục để đạt tới thực tại chân thực, để xác định thế nào là cái tinh thần chân thực ấy.

Câu hỏi trọng đại đặt ra cho triết lý vẫn là câu hỏi : lý trí con người có thể đạt được cái chân thực đó không ? Lý trí chỉ có thể đặt những quy phạm để suy tư và hành động, hay lý trí có thể đạt được chân tướng sự vật, đạt được cái chân thực ? Không ai có tham vọng trả lời câu hỏi ấy. Bergson đã minh thị rằng lý trí của con người chỉ có thể đem lại một hình ảnh lệch lạc về chân thực thay thế cho chân thực đích xác. Tuy nhiên người ta không thể cho rằng cả một lâu đài văn minh đồ sộ của nhân loại, ngôn ngữ, văn học, đạo đức, nghệ thuật, tôn giáo, tất cả chỉ là hư ảo !

Như vậy, trong điều kiện làm người, tri thức của họ bao giờ cũng chỉ có giới hạn, vấn đề tìm đến chân thực là một vấn đề khai mở lần hồi, tri khôn là công cụ để tìm đến những kiến thức đích xác hơn, thay thế cho những kiến thức khiếm khuyết mờ hồ, trong điều kiện giữ mối liên lạc với những hoạt động cụ thể của tinh thần là khoa học, nghệ thuật, tôn giáo. Qua giọng lịch sử tư tưởng người ta nhận thấy có thời đại tư tưởng hướng về sự mặc khải những giá trị mới, có thời đại hướng về những thực tại đã hình thành. Ngày nay triết gia không muốn tư tưởng bám chặt lấy thực tại cụ thể hình thành mà muốn hướng về sự mặc khải để tiếp nối giọng liên tục sáng tạo.

Đối với Merleau-Ponty thì ý thức về « phá chấp » và « khái thị » có thể hiểu qua đoạn văn sau đây trích trong cuốn *Le Visible et l'Invisible*.

« Nếu quả thực triết lý dự định tìm tới cái gì khi triết lý tự

nhận lấy vai trò suy tưởng, thì triết lý phải làm lại tất cả từ đầu, phải gạt bỏ tất cả công cụ đã tạo ra bằng lý trí hay trực giác, rồi bằng mình vào giữa nơi chưa phân định lý trí và trực giác, vào những kinh nghiệm chưa từng chiêm nghiệm, trong đó còn hỗn độn « chủ thể » lẫn « khách thể », hiện thể và tính thể (existence và essence), những kinh nghiệm đó sẽ đem lại cho triết lý phương tiện để suy tưởng. Trông, nói và suy tưởng đều là những kinh nghiệm thuộc loại ấy, vừa không thể loại bỏ được, vừa bí hiểm—trừ khi người ta phân biệt hẳn nói với suy tưởng; chịu khó phân biệt như thế đã là biết suy tưởng rồi. Tiếng nói nào cũng có danh từ để chỉ 3 sự kiện: trông, nói và suy tưởng. Nhưng những danh từ ấy đều rậm ý nghĩa, nghĩa đen và nghĩa bóng rậm rì như bụi cây. Thậm chí chúng ta thấy rằng ngay những danh từ khoa học chuẩn xác và giới hạn điều kiện sử dụng cũng không thể đem lại ánh sáng huyền cơ. Cái gì có thể đem lại ánh sáng huyền cơ chính là những danh từ xuất hiện như một dấu hiệu thể hiện một sự kiện bí mật tuy quen thuộc đối với chúng ta nhưng vẫn giữ tính cách bí mật. Sự xuất hiện này có giá trị một tia sáng giúp chúng ta hiểu thấu những sự kiện khác tuy nguồn gốc của tia sáng ấy vẫn không thể biết được. Có lẽ nhờ thế mà chúng ta học cách cấu tạo những công cụ mới để thăm dò, trước hết để hiểu công việc tìm tòi của chúng ta và để biết câu hỏi đặt ra có đúng cách không. »

Tuy ông chủ trương phá chấp như thế nhưng hình như ông vẫn lưu luyến « duyên », « nghiệp » và « sắc » khi ông viết những giòng sau đây (Eloge de la philosophie): « Một khi đã thấm một vài tư tưởng nào đó thì triết lý không thể xóa bỏ được, người ta chỉ có thể chạy chữa bằng cách sáng kiến cái gì hay hơn. Triết gia ngày nay nhớ tiếc Parménide và muốn trả lại cho con người mối liên lạc ban đầu với Bản Thể trước khi có ý thức về mình, thực ra cũng nhờ sự ý thức về mình đó mà nghĩ đến nền bản thể học tiên khởi và yêu mến nó (đây ông muốn ám chỉ Heidegger). Chấp ngã là một trong những loại tư tưởng khi đã bước vào đó thì khó mà ra thoát, mặc dù có vượt qua cũng vậy. »

Ông không có giọng quyết liệt dứt bỏ như Phật Giáo.

Chúng tôi không thể nói là ông có tư tưởng quân bình nhưng ông cảm thấy sự thiếu thốn của Tây phương và cần phải mở rộng nhãn quan của Tây phương: « triết thuyết không thể lấy khái niệm để diễn hết ý, nếu chúng ta có thể lý hội qua cái nội dung lịch sử và nhân tính của triết thuyết chúng ta sẽ tìm thấy một cách quan niệm liên lạc của con người với Bản Thể khác hẳn ta quan niệm đó rọi ánh sáng vào chúng ta như những phổ quát tính nhìn nghiêng. Triết lý của Ấn Độ và Trung Hoa không tìm cách ngự trị thiên nhiên mà chỉ muốn là tiếng vang hay tiếng cộng hưởng của mối liên lạc giữa con người và Bản Thể. Triết lý Tây phương có thể học hỏi họ để tìm lại mối liên lạc với Bản Thể, để ước lượng những tiềm năng mà chúng ta bỏ mất khi trở thành « người Tây phương », có lẽ chúng ta sẽ thấy lại được những tiềm năng ấy. »

Chúng tôi chỉ mô tả bằng vài nét sự thức tỉnh quốc gia trên đường xây dựng nền quốc học chứ không có tham vọng nhận định nền học thuật qua vài trang giấy. Vài nét thô sơ cũng đủ cho thấy Đông và Tây cùng đặt vấn đề như nhau, cùng muốn bỏ tùc cho nhau để đặt lại mối liên lạc giữa con người và Bản Thể và thoát ly sự bế tắc của nền văn minh cơ khí. Ngày nay chúng ta đặt vấn đề tự vấn và soát xét lại toàn bộ tư tưởng là một điểm mới trong lịch sử 4.000 năm của chúng ta. Chính trong ý niệm ấy mà có vấn đề đối thoại với Tây phương; tiếng vang dội của cuộc đối thoại ấy xuống lãnh vực hình nhi hạ học sẽ in hình vào thi, thư, lễ, nhạc, để rồi tạo nên bộ mặt xã hội.

Tới đây chúng tôi thiết tưởng cần ghi lại một cảm tưởng: hầu như sinh khí sáng tạo không bộc lộ hết tiềm năng trong sự chấp nhận thụ động những nguyên lý chỉ đạo để diễn dịch, như chúng ta đã thực hiện cái gọi là tam giáo đồng quy, mà nó là một vấn đề nhận định những mâu thuẫn như mâu thuẫn giữa tư tưởng Hi Lạp và tín điều Ki Tô Giáo đã làm thoát thai nền văn minh Âu Tây, theo sự nhận định của ô. Bréhier (Y a-t-il une philosophie chrétienne ?) Một cảm tưởng nữa là cuộc đối thoại ấy có thể

đảo lộn cách nhìn của xã hội học gia Bouthoul : trên thế giới ngày nay có nhiều sắc thái văn minh nhưng tựu chung vẫn là những biến thể của văn minh Âu Châu.

Thực ra, sự sáng tạo mà chúng ta có thể cho là có tầm quan trọng, không phải chỉ là sáng kiến ra giải đáp, mà còn là sáng kiến ra vấn đề ; vấn đề không in sâu vào sự vật cảm lạnh mà chúng ta tra hỏi, chính chúng ta sáng kiến ra cả vấn đề lẫn giải đáp.

Trong nhữn quan ấy dĩ nhiên chúng ta phải tự hỏi :

1) Những câu hỏi về Bản thể và sự bế tắc của nền văn minh cơ khí là sự sáng kiến của chúng ta khi chất vấn sự vật cảm lạnh trực hệ với chúng ta, hay là

2) Còn có ảnh hưởng của triết lý Tây Phương ? và nếu có, thì chúng ta phải xác định giới hạn và sự liên hệ ảnh hưởng ấy đến các đề thuyết triết lý của chúng ta.

Tự hỏi như vậy là có ý thức rằng những câu hỏi về Bản thể thích hợp với hoàn cảnh của chúng ta có thể khác Tây Phương ; phản ứng của chúng ta trước sự bế tắc của nền văn minh cơ khí cũng có thể khác.

Trong sự liên tục của giòng sáng tạo Tây Phương, họ có những yếu tố đã « xuất thế » hay còn là « tiềm thế » của họ. Chúng ta có « xuất thế » và « tiềm thế » của chúng ta. « Tiềm thế » đó cần hội nhập vào thực tại để thực tại nhích lên một bậc. Chính cái « tiềm thế » của chúng ta mới là cái quan trọng.

Bởi thế cho nên chúng tôi nghĩ rằng nên đặt vấn đề cách nào cho sát với thực tại của chúng ta, cho giòng sáng tạo thể hiện được qua cái « Không phải là tôn giáo mà cũng không phải là triết học, mà là hậu quả tất yếu của sự sinh thành biện chứng trong sinh hoạt tâm linh của con người » (Thích Minh Châu).

Nói khác đi, và nói trong ý nghĩa « những tiềm thế cần được hội nhập vào giòng suy tư » thì chúng ta nên đặt cách nào thuận lợi cho sự ý thức được những khuynh hướng thức tỉnh quốc gia và hiện đại hóa xã hội.

Chúng tôi sẽ gom góp những yếu tố đề phác họa một đề nghị thử trả lời trong những bài khác.

CHÚ THÍCH.

Ngôn từ phù hợp với tư tưởng triết lý là ngôn từ triết lý, nhưng ngôn từ triết lý với những khái niệm phổ quát quá trừu tượng, đã xa dần đại chúng. Những khái niệm : Bản Thể, tri thức, khái thị, kiến chấp, phá chấp v.v. đáng lẽ phải đủ sức mạnh để gây cho đại chúng những hình ảnh thực tiễn và thực dụng để đạt tới cái chân thực, tới chân tướng sự vật, để phá bỏ vọng chấp vọng động mà tự thực hiện trong sự ý thức rõ ràng ý nghĩa đời sống; nhưng trái lại, những khái niệm ấy chỉ tạo ra những hình ảnh hoang đường và sai lệch.

Chúng tôi nhận thấy những vấn đề trên đây có thể trình bày một cách sáng sủa và dễ lý hội qua sự nhận định của một nhà bác học bằng ngôn từ khoa học của ông. Đó là tư tưởng của Lecomte du Nouy trình bày trong cuốn *L'homme devant la science* (Flammarion, Paris).

« Chúng ta không biết được Bản Thể của vũ trụ. Chúng ta không hiểu được sự sáng tạo vũ trụ, sự tiến hóa của những loại vật có một tổ chức cơ thể, chúng ta cũng không hiểu thế nào là năng lượng, vật chất, lượng tử quanta và hạt mọc mầm. Chúng ta chỉ tri giác được thế gian qua sự trung gian của từ điện, âm ba, hấp lực, nọ tính. Nhưng thực ra giác quan của chúng ta đã làm sai lệch đi. Vũ trụ chân thực yên lặng và không màu sắc đã bị giác quan của chúng ta tái tạo lại làm hiện ra nét trắng lẹ của trần gian. »

« Tóm lại, chúng ta sống với ảo tưởng và chỉ biết có ảo tưởng, chúng ta lấy hư làm thực. Khi chúng ta có những ảo tưởng thường xuyên và nếu ảo tưởng ấy cũng là ảo tưởng của mọi người thì chúng ta bảo rằng đó là thực ; ảo đã là thực, khoa học lại tìm cách thống nhất những ảo tưởng, khoa học cũng trở nên thực. Chúng ta chỉ mắc lỗi lầm quan trọng khi chúng ta tự cao tự đại làm lẫn ảo tưởng với nguyên nhân của ảo tưởng, mà nguyên nhân ấy thì không bao giờ chúng ta biết được. »

« Không làm gì có « sự thật khoa học » hiểu theo nghĩa tuyệt đối. Trong một cuộc thí nghiệm chúng ta chỉ có một vài cảm giác tiếp tục nhau xảy ra theo thứ tự trước sau làm cho chúng ta tưởng rằng những cảm giác ấy cứ tiếp tục nhau xảy ra như thế trong

một tương lai giới hạn. Đó, xét cho cùng thì yếu tính của sự thật khoa học là như vậy ».

Thế nào là vật chất ?

« Trước kia chúng ta hình dung nguyên tử là những quả tròn nhỏ không thể cắt nhỏ ra nữa, rồi quan niệm ấy bị thay thế bằng hình ảnh một nhật thống hệ ly ty, mặt trời là hạt nhân ở giữa, các hành tinh xung quanh là điện tử. Nhưng nguyên tử ấy là nguyên tử giả mạo của loài người tưởng tượng ra, nguyên tử thật chẳng bao giờ giống con quỷ ấy cả. Còn điện tử, nói cho thật đúng thì cũng không phải là một vi thể, đó chỉ là cái may mắn để chúng ta thấy những đặc điểm mà chúng ta gán cho điện tử xuất hiện ở một điểm nào đó trong không gian. Muốn cho sáng sủa hơn, chúng ta sẽ nói : điện tử là sóng xác suất. »

Về thời gian của vũ trụ, chúng ta cũng không biết nó thế nào : « Chỉ có khái niệm về thời gian của con người tạo ra là có thể chỉ bảo cho chúng ta biết chiều của dòng thời gian, chúng ta chỉ căn cứ vào tâm thức và tri thức con người để suy ra thời gian của vũ trụ mà thôi ».

Đến toán học là một công cụ chắc chắn và đặc lực nhất của khoa học, « chúng ta cũng chớ nên quên rằng toán học không phải cái gì khác một hệ thống logic kỳ trí óc, theo cách nói của Pearson, dùng hết các phép tính trên hoàn cầu người ta cũng không thấy cái gì khác cái người ta đã để vào trong những phương trình khi khởi sự cuộc tính toán. »

Vũ trụ xuất hiện trước mắt chúng ta chỉ là ảo tưởng, vũ trụ mà ta biết bằng khoa học cũng là ảo tưởng. « Thiên nhiên cung cấp cho ta những hiện tượng còn « mớ mớ ». Chúng ta tiếp thụ các hiện tượng qua sự trung gian của giác quan hay nhờ dụng cụ làm nổi dài các giác quan. Tri thống minh nắm lấy những sự kiện ấy và cố gắng dựng đứng lên một truyện thần tiên nghe có lý, chúng ta gán cho mỗi biến cố một vai trò cần thiết trong sự xuất hiện những biến cố kế sau, và biến cố sau lại được coi là hậu quả của biến cố trước. Câu truyện thần tiên đó là giả thuyết, là khi cụ nền tảng của công việc nghiên cứu khoa học. Nó hoàn toàn dựa vào một

trong những đức tính kỳ lạ nhất của trí khôn loài người : sự tưởng tượng.. »

Thần phân làm người đã như vậy, thì con người phải có thái độ nào ? Dĩ nhiên, thái độ ngón ngoan hơn cả là không chấp nhất, là phá bỏ kiến chấp, tức là ngã chấp và pháp chấp, rồi luôn luôn thân thái những kiến thức mới, những khả thi mới để lập ra những giả thuyết khác. Từ nhà bác học triết gia cho đến người công dân trong lãnh vực đời sống bình nhật của họ cũng vậy.

Tất cả sự hiểu biết của ta đó là ảo tưởng thì thuyết nào, dù là thuyết khoa học hay triết lý, cũng chỉ là câu truyện thần tiên, nguyên lý chỉ đạo nào cũng là chỉ nên dùng tạm, miễn là biết dùng cách nào cho có hiệu quả, thế thôi, không nên đòi hỏi nhiều.

Cũng trong quan niệm ấy, Lecomte du Nouy nhận định thuyết Tất Định như sau : « Tôi thiết tưởng ngày nay không còn ai phủ nhận sự hiện hữu một loại tất định nào đó, sự tất định về tính cách liên tục trong thiên nhiên, nói khác đi, là sự liên tục đại vũ trụ, vũ trụ ở bình diện quan sát của chúng ta — có nhân thì phải có quả. Sự tất định ấy là căn bản của khoa học do con người tạo dựng, một căn bản vững vàng và cần thiết nhờ đó mà chúng ta thấy hữu lý và thỏa đáng khi dùng cách ngoại suy để tìm hiểu tất cả các hiện tượng và vũ trụ... »

« Khái niệm tất định cứng nhắc đã bị nguyên tắc bất định của Heisenberg đánh bại, trước kia nó đã bị đá kích toại bởi khi người ta nghĩ ra tính xác suất làm phương tiện suy diễn các hiện tượng »

« Tính xác suất có một ưu điểm lớn về phương diện thực dụng là triệt để giới hạn khái niệm tất định trong bình diện quan sát ở tỷ lệ loài người thôi (tức là đại vũ trụ, univers macroscopique), đối với cái gì xảy ra ở vũ trụ vi thể (dưới nguyên tử) thì phải hết sức thận trọng... »

« Tính xác suất cũng khởi sự từ sự ngẫu nhiên, nó gán cho sự ngẫu nhiên một vai trò hoạt động, nhờ thế mà người ta tìm ra gần hết các luật lý hóa của thế giới vật chất ; giả thuyết đã trở thành một công cụ tuyệt diệu, nếu không nói là phổ quát ».

« Một thuyết có thể coi như một cái bao để đựng một số công cụ khoa học rất phức tạp : cái bao phải làm theo hình dáng của công cụ và có thể dát công cụ vào trong ấy dễ dàng. Nhưng không bao giờ cái bao được lẫn lộn với công cụ ».

Sự nhận định của ông cho chúng ta biết một ấn tượng sáng sủa về hiệu năng của quan niệm kiến chấp và giới hạn của quan niệm kiến chấp, đồng thời chúng ta cũng nhận thấy hiệu năng và giới hạn của quan niệm phá chấp. Khi tìm hiểu đại vũ trụ thì cần có kiến chấp : dùng nguyên tắc Tất Định ; bước vào tiểu vũ trụ thì phải phá chấp ; tính xác suất trở nên công cụ đặc lực để bước vào cõi « bất khả tri luận » vậy. Nhưng có lẽ một ngày kia phải phá chấp cả tính xác suất để tìm nguyên tắc chi phối các vi thể của tiểu vũ trụ, để bắt cầu nối giữa đại vũ trụ và tiểu vũ trụ, giữa cái khả tri luận và cái bất khả tri luận.

Chúng tôi đã mượn lời một nhà bác học để nói lên cái gì không thể nói vẫn tất như trên đây bằng ngôn từ triết lý. Đã rõ là dưới mắt nhà khoa học thế gian « ngủ uẩn » của phạm nhân chỉ là vọng tưởng, chỉ là sản phẩm của mê tâm.

Những giọng trên đây chỉ có mục đích mượn ngôn từ khoa học để gây một ấn tượng, chứ không có mục đích dùng những sự kiện khoa học để biện minh cho những sự kiện ở một lãnh vực khác, và cũng không muốn gợi ý rằng lãnh vực khác có thể nhìn bằng cái nhìn tương tự.

vũ đình lưu

Kỳ sau : Triết lý một kích thước.

NGUYỄN NHẬT DUẬT

một mối bận khoăn

Trong một đêm trần trọc không ngủ được, hần bỗng nghe văng lại từ trên cao, rất xa, tiếng hót lạ tai của một con chim lạ loi, tiếng hót rúc lên từng hồi, buồn bã. Nỗi buồn thấm nhanh vào tâm thức hần. Hần vùng dậy, bước ra khỏi giường, tới bàn viết. Tiếng con chim lạ lạc lõng trong đêm trường, từng đập từng đập, như những tiếng kêu gọi nhắc nhở, làm bừng dậy nơi hần một sức mạnh ồn ào, một ước muốn từ lâu đã âm ỉ, qua bao nhiêu ngày tháng. Cái ước muốn làm một điều gì, một điều gì thật thích hợp với hần, hần : một thanh niên trí thức, có một tâm hồn nhạy cảm, hay xao xuyến, hay giao động trong những thoáng chốc sống rộn ràng vội vã. Cái ước muốn đó dần dần thành hình rõ rệt và trong cái đêm trần trọc ấy đã bị tiếng chim kêu khơi dậy, nó đẩy hần tới trước bàn viết. Cái ước muốn đã lộ chân tướng, vừa hân hoan vừa ngần ngại, đó là ước muốn sáng tác văn chương.

Nhưng ngời trước chiếc bàn nhẵn bóng rộng mênh mông, trước trang giấy trắng phẳng lì, hần chợt cảm thấy dâng lên tự đáy lòng hần một mối lo sợ mơ hồ, vu vơ. Hần lặng thinh nghe ngóng nơi hần và xung quanh hần, song chẳng thấy gì. Tiếng chim hót hồi nãy, cũng đã im bặt tự phút nào. Đầu óc hần đầy đặc sự tâm tảo, với muôn ngàn tiếng âm ỉ vô cùng nhỏ chỉ mình

hắn nghe thấy, xen lẫn với những thoáng chốc trống trải lạ kỳ. Hắn nhìn trân vào tờ giấy trắng, hắn muốn viết quá, muốn viết hết sức, muốn viết vắn, viết vắn ! viết vắn ! Mà viết gì ? Viết gì đây chứ ? Hắn bỗng nhận ra tất cả những điều hắn học được trong sách vở cho đến lúc này đều thật nhạt nhẽo, vô tích sự ! Kiến thức lý thuyết của hắn không giúp hắn gợi nổi một đề tài, hay chỉ một ý tưởng. Hắn đứng dậy, đốt một điếu thuốc và buông thả tâm hồn trong hương thơm về quá khứ. Hắn hồi tưởng lại những kinh nghiệm đã sống, hắn loay hoay, lục lọi trí nhớ, xếp đặt các hoài niệm, hắn dừng lại trước một biển cổ sôi nổi trong quãng đời đã qua của hắn. Hắn sắp xếp lại. Hắn ngồi xuống bàn viết, tay cầm lấy cây bút, lăm le định viết. Nhưng viết làm sao ? Bắt đầu như thế nào ? Câu khai mào phải nhẹ nhàng, đưa dần vào bầu không khí sôi động của biển cổ. Không ! Phải sôi nổi ngay từ câu đầu tiên mới được. Phải đáp ngay vào trí não người thường lẫn ! « A, người thường lẫn, độc giả thân mến, anh đang rình mò gì đây ? » Hắn hình dung một vẻ mặt tươi cười rạng rỡ, nhưng vẻ mặt này chập chờn lẫn lộn với một vẻ mặt khó khăn nhằn nhó, hai vẻ mặt gườm nhau và cùng ngó hắn. Hắn nhẩn mắt lại, cố xua đuổi hai hình ảnh tương phản đó. Hắn dần dần trở lại với vấn đề cụ thể trước mặt. Tờ giấy trắng đang chờ đợi hắn. Hắn xoay xoay chiếc bút trong tay. Những ý tưởng và những ý tưởng, những hình ảnh và những hình ảnh, chúng chen chúc, nhốn nháo, nhảy múa lung tung trong đầu óc hắn. Không thể định được đâu là khởi điểm của câu chuyện phải kể trên giấy. Hay là bắt đầu từ khởi điểm thời gian thực của câu chuyện mà hắn đã trải qua ? Câu chuyện hẳn sẽ lòng thòng, thế thì, chọn chi tiết nào trong cả một mớ những chi tiết sống ở khởi điểm thời gian thực đó ? Chi tiết nào đây ? Thật là rắc rối !

Hắn cứ luẩn quẩn với những ý nghĩ và hình ảnh rối loạn trong đầu, rồi một tiếng đồng hồ sau, không thể bằng lòng với bất cứ câu khai mào dự định nào hắn mệt mỏi, buông cây bút xuống. Hắn buồn bực, không làm sao viết được ; và rồi một lúc sau hắn đành trở lại giường, tìm giấc ngủ. Hắn thiếp đi.

Sáng hôm sau trở dậy, thật tỉnh táo, hắn nhớ lại đêm vừa

qua và cảm thấy thấm thía rằng không thể nào thực hiện được cái động tác văn chương căn bản là viết, nếu tâm trí đang dao động mãnh liệt, nếu mình đang đặt mình thụ động dưới sức thôi thúc của tâm cảm. Hành vi sáng tạo văn chương, hành vi của thi sĩ — con người văn chương đầu tiên và điển hình —, không thể là kết quả của một nguyên động lực tình cảm còn đang hiện diện. « Sự phấn khởi không phải là trạng thái tâm hồn của thi nhân », một nhà thơ suy nghĩ nhiều về việc làm thơ — Valéry — đã nói thế.

Nhưng dù sao, niềm khao xuyến, nỗi lo sợ kia, của nhà văn ở cái phút ban đầu bờ ngõ với văn chương, với đề tài và với việc thể hiện, chúng là dấu hiệu và bằng chứng của sự chân thành, của mối xúc động vụng về nhưng cần thiết. Chúng là những phản ứng sơ khởi nơi những nhà văn đã từng thực lòng băn khoăn về công việc viết văn của mình. Việc viết, như thế, không khởi đầu từ một toan tính lạnh lùng, từ một âm mưu lợi dụng văn chương, có chuẩn bị kỹ lưỡng chủ quan (tâm lý người viết) đến khách quan (văn chương như một đối tượng mà người viết nhắm khai thác). Có sự nghiệp văn chương nào mà không khởi từ một sơ ngộ bàng hoàng, ngây ngất, mà không bắt nguồn từ một quan chiêm choáng váng, ngần ngại ?

Tuy nhiên, để viết và tiếp tục viết, con người văn chương phải dứt bỏ được trạng thái run sợ lảo đảo của giây phút ban đầu ấy cũng như chàng kỵ mã muốn lên đường trước hết phải trị được con ngựa bất kham, phải làm chủ được nó đã. Phải bình tĩnh, để cho lắng xuống mọi cơn nôn nao.

Rồi văn chương sẽ mất tính cách xa lạ với người viết, nó trở nên thuần thực, quen thuộc, khiến anh không phải uốn mình theo nó nữa mà trái lại nó phải biến hóa theo anh. Khi đó, và chỉ khi đó, anh mới hình thành được vóc dáng của anh nhờ văn chương. Anh mới thực hiện nổi cái mơ ước được mọi người nghe ngóng giọng nói của anh và nhờ đó người ta mới nhận ra tiếng nói

của miệng anh. Nhưng đó chưa phải là sự viên mãn của văn chương và của nhà văn. Anh có một tiếng nói riêng, nhưng anh cứ nói mãi những câu nói cũ kỹ của anh, lặp đi lặp lại qua những tháng năm dài một tiếng nói quen thuộc đến độ nhàm chán, anh trở thành một người thợ văn càng ngày càng ít được quý chuộng. Văn chương vì thế không bao giờ là một «nghề» giống như những nghề kiếm cơm thông thường. Khi anh thành một người thợ giỏi rồi, anh chỉ thêm thất những chi tiết lặt vặt và giữ nguyên mô hình các sản phẩm anh chế ra, anh không còn quan tâm đến độ sự đổi mới nào nữa. Nhưng người văn chương thì không thế, hẳn luôn luôn nhìn ngắm mọi sự hay một vài sự càng ngày càng chăm chú hơn, để càng ngày càng sửa đổi sự diễn tả của hần, càng cho thấy những khía cạnh và những mô hình mới của các hiện tượng mà hần quan chiêm, để thể hiện chúng bằng một tiếng nói mỗi ngày một phong phú hơn. Sự cố gắng hóa thân, sự phức tạp và phong phú hóa nhãn thức là điều kiện căn bản của công việc làm văn chương. Ý thức văn chương thiết yếu là ý thức khổ nhọc, nó phấn đấu cho sự tự tồn tại nhưng chỉ tự tồn tại trong điều kiện phải biến hình, thoát xác. Viết văn là một cách tự làm khổ mình và tìm thấy khoái cảm trong niềm đau khổ đó. Một nhà văn hạnh phúc, là một nhà văn tự mãn, là một nhà văn đã dừng lại trên con đường tìm kiếm những hình thái diễn tả mới, như một người thợ lành nghề không còn tự bắt mình học hỏi thêm gì nữa là một nhà văn đã biến thành thợ văn rồi vậy.

Ngày lại ngày, hần viết hết truyện này đến truyện khác và truyện nào cũng vẫn theo một mô thức đã được kiến tạo từ tác phẩm đầu tay. Các tác phẩm liên tiếp được viết ra, chung quanh một đề tài, với những hồi những cảnh tương tự, chỉ cần thay đổi vài nhân danh, vài địa danh, là thành tác phẩm mới. Nhà văn thời thượng trở thành một cái máy sản xuất hàng loạt tác phẩm song song trên nhiều tờ báo, song song xuất hiện thành sách cuối mỗi tháng hay mỗi hai tháng. Những feuilletons nhan nhản trên các kệ sách, trên các vỉa hè đông khách qua đường.

Bằng chứng của tài năng phong phú? Dấu hiệu của sự làm việc hăng say — của sự «viết khỏe» như người ta vẫn đang khen lẫn nhau? Số lượng tác phẩm đó, kể ra, đủ dè bẹp một đàn chuột đói trong căn nhà của những nhà văn «ăn khách», nhất là những nhà văn «đang lên». Họ sẽ lên tới mức nào, tới khi Saigon bị nạn hồng thủy vì sách của họ. Họ sẽ ăn khách đến độ nào, đến cả những chị hàng rau cũng thuộc lòng một số câu văn điển hình của họ mà bao đầu chỉ một thiểu số người đọc trí thức trưởng giả dám tự nhận là đủ kiến thức thưởng lãm? Bao giờ nhà văn «đang lên» mới tạm dừng bút để tự hỏi: «Tôi đang viết văn thật đấy ư? Viết để diễn tả cái gì? Tôi có thực muốn diễn tả điều đó vì nhu cầu văn chương không? Tôi viết cho ai đọc đây?» Bây giờ họ mới trở về với những câu hỏi đích thực của văn chương, nhắm vào văn chương và cho văn chương? Bao giờ những nhà văn «ăn khách» mới bớt mặc cảm đối với «quần chúng độc giả»? Bao giờ họ mới thành thực với chính họ và với cái trạng huống bàng hoàng sợ hãi của lần đầu tiên cầm bút ngại ngần trước trang giấy trắng để tự vạch cho họ một tương lai nhà văn.

nguyễn nhật duật

DU TỬ LÊ

kể tậ nguyên

Như một con beo ốm kông kền và một mối, anh lừ đừ trở lại chỗ người con gái nằm. Thân thể anh vẫn là một thân thể bỏ ngổ,, hoàn toàn không có một mảnh vải.

Anh tần ngần đứng nhìn người con gái với hơi thở phập phều như đang lênh bênh trôi trong giấc ngủ.

Bên ngoài, trời sáng hơn nhưng không phải là thứ ánh sáng trong xanh của trăng. Trăng đã khuất từ bao giờ hay chưa mọc mà chỉ thấy những vì sao đứng cách khoảng không đều trong tấm thảm da trời màu tím thẫm. Gió lay động nhẹ nhàng như cánh lá vờn dài ngó vào lòng cửa sổ. Anh ngồi xuống bên cạnh người con gái và lục tìm trong đồng quần áo, vớt ra không xa lắm, lấy gói thuốc lá bao diêm, châm lửa hút. Không thể trông rõ gương mặt anh lúc đó vì ánh lửa bùng lên đã được anh che vén khéo léo bằng đôi bàn tay bụm lại. Hơi khói thở ra đầu tiên, cũng là hơi thở làm tắt ngúm đồng lửa khi những sợi thuốc vừa bén.

Anh duỗi thẳng chân ghé nằm sát bên cạnh cô gái. Người con gái tựa mình.

Nàng nói :

— Anh vừa làm gì cô ta ?

— Cô chưa ngủ ?

— Có, em mới chợp mắt.

— Thấy gì ?

Người con gái cười. Nụ cười để lộ ra đôi hàm răng trắng đều trong bóng tối nhờ nhờ. Nàng nói với nụ cười còn giữ nguyên trên môi :

— Thấy anh ôm em, và cả hai cùng nhảy xuống một cái hố.

— Sâu không ?

— Lút đầu.

— Thế là không sâu lắm.

Người đàn ông nói, giọng nhát gừng như ngái ngủ. Người con gái lặn người vào ngực anh. Nàng lặp lại câu hỏi vừa xong của mình. Có thể là nàng muốn bày tỏ thắc mắc về cô gái sau quầy hàng.

Người đàn ông cố tình thở những bụm khói cho ám lên da thịt cô gái, cũng để trần. Cô gái như bằng lòng với sự được trắng lên mình một lớp khói mỏng như sương. Lớp khói được thở ra, sau khi đã tụ lại ở trong ngực người yêu của cô.

Người đàn ông nói :

— Tôi làm cho nó tạm thời mất đi cái tò mò không đúng lúc của nó.

— Cô ta đâu rồi ?

Cô gái nói và nhòe dụi, nhướn đôi mắt ngái ngủ vào một góc nhà chỉ có một màu đen nhuyền. Người đàn ông đưa ngang cánh tay. Cô gái bị buộc phải nằm xuống.

— Thì tôi đã nói, rồi đó.

Sự thực không giản dị như vậy. Sự thực là anh đã xiết chặt hai bàn tay vào cổ cô ta và khi anh buông tay ra thì cô ta chỉ còn như một đụn cát đổ nghiêng vào thành quầy hàng phía bên trong.

Anh búng mạnh mẩu thuốc còn dụi về phía cửa sổ. Mẩu thuốc rơi xuống trước khi chạm tới thành cửa. Anh ngóc đầu lên, dùng một cánh tay, làm thành cái nạng, đỡ lấy chiếc đầu anh, bù sù tóc và chiu nặng. Anh nhòm xuống ngực cô gái. Bộ ngực cô trắng hồng như hai búp sen, dươn lên cùng nhịp thở.

Cô gái như biết được anh đang nhìn, trên gương mặt thoáng một vẻ gì vừa như ngưng ngáp thẹn thùng lại vừa sung sướng, hạnh diện. Rèm mi cô chớp động.

Bất thần người đàn ông vùi những nụ hôn lên bộ ngực đó và bàn tay anh bắt đầu ve vuốt khắp thân thể cô.

Người con gái như bị xúc động mạnh bởi cử chỉ vuốt ve này. Cô cong người với những tiếng kêu nhỏ không rõ trong miệng. Tay cô quờ quạng như tìm kiếm trong không trung một chỗ tựa, một điểm bám. Người đàn ông đã như một con thú lên cơn, anh bắt đầu trợn mắt hớn hờn, giữa lúc người con gái đã ôm được anh và xiết chặt người anh trong tay cô.

Họ thấp lại trong thịt da nhau, một lần nữa, ngọn lửa yêu đương rực cháy. Ở lần này, cô gái có cảm tưởng như có bị nhận chìm, bị kéo xuống sâu hơn nữa trong hố thẳm của cảm xúc không đáy. Hay cô đã được đưa lên cao, cao ngất và đang bắt đầu những vòng quay đầu tiên quanh mặt trời, quanh trái đất.

Cô gái nói; khi người đàn ông buông cô ra :

— Em tự hỏi, không biết những phút giây này có thực ?

Người đàn ông cười trong bóng tối :

— Đừng bao giờ tự hỏi như vậy. Sự thực không là một dấu chấm than.

Cô gái nắn cơ người như ôm giữ hạnh phúc trong lòng mình.

— Không lẽ sự thực nào cũng buồn thảm như nhau ?

— Phải. Như chính đời ta vậy.

Người đàn ông nói xong đứng lên đi về phía miếng trời vuông vức, màu xanh tro hiện ra nơi cửa sổ.

Cô gái mở mắt nhìn theo cái bộ dạng nặng nề một cách xa lạ trước khi khép mắt như trở về với giấc ngủ. Hình như lúc này cô mới cảm thấy những rã rượi đâm thẳm vừa thức lên cùng khắp thân thể cô. Cô khép hờ đôi mắt. Chợt những nếp nhăn kéo ngang trên vầng trán cô vuông nhỏ. Có thể trong

óc cô đang hiện ra những ý nghĩ, những hình ảnh đơn đau hay hoảng hốt. Cô rùng mình, lắc đầu và đưa cả hai bàn tay lên bưng kín mặt. Người đàn ông nhìn xuống thấp một hồi rồi quay lại cô gái. Em và anh cũng có một số những vấn đề tương tự giữ ở trong đầu. Anh lăm lăm một mình. Tiếng nói của anh, không ai nghe rõ, trừ chính anh...

... Tôi không tin rằng nàng đã không nhận ra rằng tôi chẳng phải là người yêu của nàng. Tôi không phải chính người mà nàng mơ ước trong bao năm qua. Bởi tôi nghĩ, nàng phải biết rõ hơn ai hết rằng y đã chết. Không lẽ tôi đóng kịch khéo đến thế? Không lẽ những năm ở trong tù đã biến cải, hóa thân tôi, thành một con người khác, con người với những nét, những bộ dạng giống như gã tình nhân óng chuốt của nàng. Tôi chẳng thể nào có được sự óng chuốt ấy. Trước sau gì tôi cũng chỉ là một con vật sần sùi, kệch cỡm và thô lỗ. Tôi chỉ có một khối óc với những mơ ước, những thèm khát, những thành thực đến đau xót, nhưng muôn đời tôi không thể diễn tả thành lời. Tôi là một kẻ câm, một người tật nguyền trong một số phương diện. Hiên nhiên là trong tình ái. Tôi có thể làm tình (à, điều này, có thể, bởi nó không cần đến ngôn ngữ. Nó là rung động. Nó là đòi hỏi. Nó tự nhiên. Phẳng lặng, lạnh lùng.) Nhưng thú thật, tôi đã không cảm thấy ham thích trong công việc này. Tất cả mơ ước thâm kín của tôi chỉ là một lần, một lần nào đó trong đời tôi, được ôm nàng. Được cầm tay nàng. Được đưa lên miệng. Được kéo sát nàng vào người. Tôi thường tưởng tượng tới lúc được thở những hơi thở thơm đầy mùi hương thịt da của nàng. Tôi nghĩ tới mùi phấn có trên những đài hoa lạ. Đôi khi tôi nghĩ, có thể, một cách gần gũi hơn như đó là mùi thơm của một củ khoai lang được vùi cháy trong bếp tro còn lẩn than hồng. Hay ít ra thì nó cũng sẽ có mùi của những lát hành quá lửa trong màu vàng đất của những quả trứng một buổi ăn sáng. Sở dĩ, tôi có những ý tưởng ngộ nghĩnh này, có lẽ tại tôi chưa từng gần đàn bà. Tôi không hề biết đàn bà là gì. Ngay cả mẹ tôi. Tôi không muốn nhắc tới mẹ tôi dù tôi không một lần

nhìn thấy gương mặt bà. Nhưng mỗi khi đi qua những khu xóm chơi bời, nhìn những cô gái điểm, tôi lại có ý nghĩ, ít ra, một trong những người đó, là biểu tượng gần nhất, đúng nhất hình ảnh của bà. Thật oan uổng và tội nghiệp cho bà, nếu quả thật bà không xuất thân, hay không sinh ra, từ mái trường, từ cái không khí đó. Tôi không hề mong mỗi được gặp mặt bà, dù một lần, để nghe bà cải chính hay xác nhận hay phân bua, với tôi về quá khứ của bà, về lai lịch của tôi. Tôi mong bà đã chết. Đã vậy, thân, đã nát thây ở đâu đó. Tôi có độc ác và khốn nạn quá chăng? Khi luôn mạng trong đầu óc cái ý nghĩ đó. Nhưng nào phải tôi muốn thế? Tôi cũng muốn có được những ý nghĩ khác hơn, tốt đẹp hơn về người đã mang tôi chín tháng trong bụng, dù giữa một không khí và trong một hoàn cảnh nào. Nhưng ai sẽ là người thương hại cho tôi, ở bên tôi, khi đám đông chung quanh xua đuổi, nguyên rủa, và không ngớt ném lên đời sống tôi những nhục nhã những đau đớn, đến bầm tím cả tâm hồn. Tôi không có lỗi gì, nếu quả thực tôi có là con của một con điểm và mẹ tôi cũng chẳng có lỗi gì nếu bà có là một con điểm, nhưng mọi người đã nhìn sự ô nhục và tôi như là một. Chính sự đồng hóa khốn nạn này đã cho tôi những ý nghĩ không bình thường, (làm sao có thể bình thường) về mẹ tôi. Mọi người đã nhìn tôi như một thứ ô nhục có mắt mũi, có tai mồm và biết đi động, biết lẫn lộn, lẫn khuất, chen vào giữa cái đám đông tuyết sạch giá trong. Sự xa lánh này có chăng đã là một thiệt thòi cho tôi. Và cho cả nàng nữa? Bởi tôi đã không thấy một chút hứng thú khi gần gũi với nàng. Tôi không nhận bắt được mùi hương có từ trí tưởng của tôi. Hơn nữa, sự giả bộ, tăng lờ của nàng, khiến tôi không thể không có ý nghĩ khinh bỉ và ghê tởm.

Người đàn ông trở lại chỗ người con gái nằm. Anh hút một điếu thuốc khác. Bước chân anh trên sàn cây đã đem người con gái ra khỏi giấc ngủ mơ màng, một nhọc của cô. Cô choàng mắt nhìn, với một chút ngỡ ngàng. Nhưng ngay sau đó, cô cười. Nụ cười vu vơ, như có thoáng một chút hài lòng, một chút ngượng ngập.

Cô đưa tay lên vén cổ người đàn ông xuống, cùng với đà tay đưa ra, cô dương người lên và hôn mặt người đàn ông.

Trên gương mặt người đàn ông, vẫn không có một biến đổi nào. Vẫn là cái vẻ phẳng lặng, lạnh lùng của một mặt tượng được nặn bằng đất sét và được nung già lửa, để có một màu sần, bóng láng.

Người con gái nói :

— Anh nằm xuống đây với em.

Người đàn ông vẫn không nhúc nhích. Anh nói :

— Hình như cô không thắc mắc về sự trở lại của tôi.

— Để làm gì? Người con gái nói và nằm ngay người, ngó thẳng lên những gỗ đỡ cái mái nhà lợp ngói. Giọng cô bình tĩnh và trong vắt.

Cô tiếp :

— Có cần thiết lắm không?

— Tôi chỉ muốn hỏi, thế thôi, chẳng phải là vì cần thiết.

Người con gái im lặng như đuổi theo những ý gì lung lăm. Một thoáng nhanh, cô nói :

— Ừ.

— Cái gì?

Người con gái đổi thế nằm, nghiêng người, nhìn vào mặt người đàn ông.

Anh gác cùi chỏ lên một đầu gối co lại và cánh tay đưa lên che một bên mặt, như luôn giữ điếu thuốc cho ngay ngắn ở trên môi. Có lẽ anh không muốn để người con gái nhìn rõ mặt anh. Trong khi người con gái, không có chủ tâm đó. Nàng nhìn cái bóng của anh, lơ mơ hắt xuống, ngăn ngắn và rúm co, sát bên cạnh anh.

Người con gái nói :

— Có lẽ anh cũng nên nghe em nói về anh, những điều anh không được biết, khi ở trong tù.

Người đàn ông thả lỏng cánh tay, nhìn nhanh người con gái;

— Họ nói gì?

— Họ nói anh đã chết.

Người đàn ông bật cười :

— Ừ tù chưa phải là đã chết sao?

— Không. Người ta nói anh bị giết.

Mặt người đàn ông đàn ông nhàu nhĩ lại. Đôi mắt anh mở hết khê và rực sáng trong im lặng.

Người con gái nói tiếp :

— Tin nói rằng anh bị giết vì một gia tài, lẽ ra anh được hưởng.

— Của ai ? Người đàn ông ngắt ngang lời cô gái.

— Của cha anh.

— Rồi sao nữa ?

— Sao nữa cái gì ?

— Thủ phạm ?

— Tìm không ra.

Người đàn ông bật cười lớn. Tiếng cười của anh như tiếng tru của một con thú dại, nhiều hơn là tiếng người.

Người con gái rung mình. Hình như tiếng cười của anh đã làm cô nổi gai ốc. Cô nói nhỏ, như muốn khỏi nghe chính tiếng nói của mình dội lại :

— Anh đừng cười nữa. Em sợ.

Người đàn ông cúi nhìn cô gái, vẻ thương hại Anh nói, giọng bình thản và chậm chạp :

— Không có cách nào tìm ra thủ phạm đâu.

— Tại sao ?

— Tại tôi không hề có cha.

— Thế anh ở đâu mà có ?

Người đàn ông bật cười. Hình như anh sợ nhỡ và gìm ngay tiếng cười của mình, nên nó chỉ còn là một chuỗi âm thanh lục đục trong miệng, nghe như tiếng sắc của một người bị trấn nước.

Người đàn ông nói :

— Từ viện mồ côi.

— Từ viện mồ côi ?

Cô gái hỏi lại với một giọng đầy kinh ngạc.

— Có àn bạn ?

Người con gái vội lắc đầu :

— Không. Anh đừng nói thế. Em chỉ muốn biết về anh, thế

thôi. Em yêu anh, mà em chắc anh chẳng bao giờ hiểu được tình yêu ấy thế nào... Nhưng đó là chuyện của lúc khác.

— Phải, đó không phải là chuyện để nói lúc này.

— Anh tiếp đi.

— Cái gì ?

— Đợi anh.

Người đàn ông ngập ngừng. Anh ném mẩu thuốc lên cao và nhìn nó rơi xuống ngay sát cạnh chỗ anh ngồi. Anh cầm lên và đi mạnh xuống sàn cây. Những tia lửa nhỏ xíu bắn tóe ra chung quanh và tắt lập tức.

Người đàn ông nói tiếp :

— Đợi tôi không có gì nói hết.

Nó vẫn vui và nhạt nhẽo. Hồ sơ về tôi ghi trong một tấm giấy vốn vẹn có vài giòng chữ viện mồ côi cũng chẳng còn lưu giữ.

— Những giòng gì ?

— Tên đứa nhỏ : Không. Tên cha : Không. Tên mẹ : Không.

Xuất xứ : ở một vỉa hè, trong một thùng rác, buổi sáng.

— Chỉ có thế ?

— Chưa đủ sao ? Người đàn ông hỏi lại. Thế là quá nhiều rồi đấy chứ.

— Có gái im lặng. Có lẽ sự thực phũ phàng và quá bất ngờ đối với cô, đã khiến cô không kịp có một lời gì.

Người đàn ông châm lửa hút thêm một điếu thuốc khác.

Cùng với sự im lặng tràn ngập và đè nặng, anh nằm xuống bên cạnh cô gái. Người con gái mở to mắt nhìn anh. Anh thản nhiên không tìm cách che mặt nữa. Anh nằm ngửa, thả thuốc như một chiếc vôi xẹt thẳng lên trần nhà.

Sự im lặng kéo dài có tới năm phút nhiều hơn. Lúc người đàn ông hút được quá nửa điếu thuốc anh đột ngột lên tiếng :

— Sự thực làm cô kinh ngạc ghê tởm và gớm ghiếc ?

Cô gái không phủ nhận, cũng không trả lời thẳng vào câu nói

có tính cách thăm dò của người đàn ông. Cô thở dài nhẹ nhẹ. Cô nói:

- Sự thực nào cũng giống nhau. Cũng như thế.
- Nghĩa là gì?
- Em muốn nói tới những sự thực em đang mang trong em.
- Như thế nào?
- Đã vừa nói.
- Có cách nào để biết?
- Không. Trừ khi em muốn nói.
- Bao giờ?
- Trước khi chết.
- Còn lúc này?

Người con gái nhồm người dậy, nàng gieo cả một nửa người lên thân thể người đàn ông.

- Lúc này à?

Người con gái khựng lại, nhưng rồi nàng tiếp ngay:

— Anh hãy yêu em. Hãy yêu em, thêm một lần nữa. Một lần cuối.

- Tại sao, lần cuối?

- Em sắp chết.

— Cái chết sẽ vô cùng dễ dàng với những người tha thiết sống, nhưng lại khó khăn với những người ngược lại.

Người con gái cười. Nàng kê một bên má lên ngực người đàn ông:

- Hãy cứ yêu em. Đừng lý luận.

- Tại sao?

— Tại em sẽ nói với anh, những gì em giấu kín bao năm qua trước khi trời sáng và...

- Sao?

Người con gái đáp nhanh, giọng bình tĩnh, lạnh lùng:

- Anh sẽ giết em, ngay sau đó.

Người đàn ông nắm chặt hai bàn tay. Hơi thở của người con gái làm lạnh buốt thịt da anh. Anh nhắm mắt.

Họ chìm vào những tầng bóng tối cuối cùng của một đêm đang tàn trên những thớ gỗ nháp dưới sức nặng của hai thân thể.

Bóng họ nhập một và như bị những tia sáng yếu ớt đầu tiên của ngày chưa rõ mặt, dát mỏng ra và nhét xuống những khe hở của sàn cây.

du tử lê

(7-71)

MAI THẢO

ghi nhận trong tháng

● Tháng bảy. Tháng bảy của ngày hai mươi tháng bảy, từ mười bảy năm nay được gọi tên là ngày quốc hận. Giòng sông Bến Hải, cây cầu Hiền Lương, vĩ tuyến mười bảy, cùng với cái rừng châu một triệu di chuyển ào ạt trên địa hình đất nước chia cắt, tháng này lại làm sống lại trong trí nhớ đau đớn, cái cảnh tượng lớp lớp người người của một tháng bảy nào đó về phi trường Gia Lâm, xuôi xuống cửa biển Hải Phòng. Chúng ta đi mang theo quê hương. Phi trường mưa bay. Những chiếc phi cơ cất cánh. Hải cảng mù sương chiến. Những đoàn tàu lìa bến. Chúng ta đi mang theo quê hương. Không gian và khơi xa. Những vì sao của đêm già từ theo đường của trời. Những hạt lân tinh của ngày lên đường, theo đường của biển. Thoát ly và khởi hành. Trong lịch sử dựng nước của một dân tộc, từ mấy ngàn năm lớn lao bằng thống nhất, bắt diệt bằng đoàn kết, vinh hiển vì đoàn viên, lần đầu tiên vượt tuyến đã trở thành hành động thiết yếu của con người thời đại mà tự do là ý thức thường xuyên phải được đặt ra giữa cá nhân với chính vùng trời sinh trưởng. Cho những con người có một đời sống hèn mọn, khổn cùng, sâu kiến nhất, cái quyền làm người đầu tiên là phải được lựa chọn một lối sống, một cách sống, một thể chế phù hợp với khát vọng và ý niệm của mình. Lựa chọn là tự do. Con người tự do là con người còn có cái quyền lựa chọn. Năm 1954, trong tháng bảy kinh hoàng, thê thảm, nhưng cũng là một tháng bảy cực kỳ hùng tráng, phẫn khởi, một triệu con người đã giản đơn thực hiện cho mình cái quyền căn bản ấy. Bằng một lên đường tập thể. Kháng chiến đánh

dấu cho một Việt Nam vùng dậy, cho thế giới nhìn thấy một Việt Nam đứng liệt. Vượt tuyến đánh dấu cho một Việt Nam giác ngộ, và trưởng thành trong ý thức. Cho nhân loại, không chỉ nhìn thấy một dân tộc Việt Nam bất khuất còn nhìn thấy những con người Việt Nam tự do. Tinh thần hai mươi tháng bảy bất hủ là vì thế. Nó phải là một ngọn đuốc cháy đỏ vĩnh viễn trong ý thức người, bây giờ, trong cuộc chiến, trong chia cắt, cả sau này, khi thống nhất và hòa bình trở lại. Kỷ niệm ngày hai mươi tháng bảy, do đó không phải là khơi dậy căm thù, hay thắp một nén hương tưởng niệm trên những mắt mắt lớn lao, những bất hạnh trầm đầu đã xảy đến một tháng bảy lịch sử, cho dân tộc này và đất nước này, mười bảy năm trước. Mà kỷ niệm trên một tinh thần, một ý nghĩa mới. Bằng nhìn vào hiện tại. Bằng hướng tới tương lai. Làm sáng rõ trong tâm hồn và ý thức cái tinh thần hai mươi tháng bảy, biến nó thành sức mạnh, thành kim chỉ nam cho hành động, mỗi con người Việt Nam, lúc này và ngày tới, trước mọi trở chiều đột ngột phản phúc, bất ngờ của tình thế chỉ rối, vẫn sáng suốt thực hiện được cho mình một thái độ sống thích đáng, một lẽ phải và một con đường riêng. Giải pháp đa đoan, công thức đa găm, mặc. Bảy điểm này, chín điểm nọ, mặc. Cứ để mặc xem sao, ch, bọn phù thủy bày trò ma quỷ. Điều cốt chính là cái tinh thần hai mươi tháng bảy đừng bao giờ để nó bị hủy hoại trong ta.

● Được coi là một trong những nghệ sĩ trình diễn lừng lẫy nhất của thế kỷ này, tài tử kêm ca sỹ Frank Sinatra vừa vĩnh biệt tiền trường trong một đêm ra mắt cuối cùng trên sân khấu một bý việp lớn ở California. Những cây bút phê bình nghệ thuật có thẩm quyền và ngót sáu ngàn nhà bình giả chọn lọc có mặt trong đêm trình diễn vĩnh biệt ấy, đã xúc động. Nhiều người chảy nước mắt. Không phải vì mất Sinatra. Thiếu gì những giải nghệ, những rút lui vào hậu trường như thế. Không một sự nghiệp nào không có dấu dứt. Và cuối cùng là màn buông, và đại lộ hoàng hôn. Trường hợp Frank Sinatra gây xúc động và có điểm nghệ thuật này đáng nói là hắn đã giải nghệ, đã vĩnh biệt vinh quang và tiền trường giữa lúc đứng trên chóp đỉnh danh vọng và làm

chủ một nghệ thuật trình diễn, một tiếng hát tuyệt hảo. Cuộc hôn nhân với nghệ thuật như thế đã được coi là đẹp. Cuộc đoàn tuyệt vời âm nhạc như thế đã được coi là đạt. Và khác thường. Sự thật là Frank Sinatra chỉ muốn dành hết phần đời còn lại để sống với những cái khác. Sống như một người thường, khi đã sống quá lâu như một thần tượng.

● Được nói đến thật nhiều, gọi được tò mò và chờ đợi ngay từ khởi sự vòng quay thứ nhất và trong suốt thời gian thực hiện, cuốn phim Người Tinh Không Chân Dung đã ra mắt ở nhiều rạp chiếu thủ đô. Cuốn phim được nói đến thật nhiều, gây được chấn động, trước hết vì người thực hiện nó là đạo diễn Hoàng Vĩnh Lộc. Điều thường làm cho người xem chán nản, thất vọng, khi, giữa những phim ngoại quốc, xem một phim Việt Nam, là đạo diễn tầm thường, thiếu kích thích, thiếu cá tính. Đạo diễn tầm thường làm cho tất cả cũng tầm thường theo. Từ cốt truyện, đến nhân vật, tài tử. Hoàng Vĩnh Lộc có cái hơn. Ông là một nhà đạo diễn có tham vọng, muốn đi mãi trên một con đường riêng, hoài bão sử dụng điện ảnh như một phương tiện biểu hiện nhận thức chủ quan trước những vấn đề, những hiện tượng diễn hình và chủ yếu nhất của đời sống. Từ tình thần làm phim này và qua Xin Nhận Nơi Đây Làm Quê Hương (đoạt giải thưởng phim hay nhất trong giải thưởng điện ảnh 1970), ta thấy Hoàng Vĩnh Lộc đã hướng ống kính vào cuộc chiến đang diễn ra trên đất nước. Cuộc chiến ấy, theo H.V.L. tạo ra những anh hùng, nhưng thực chất là một thảm kịch, một phi lý. Mặt trái của tấm mè đay. Những anh hùng thấm mệt. Những người lính không muốn làm lính. Thế nào là danh dự tổ quốc, ý nghĩa một lá cờ, sự thật một cái chết? Hết thấy phải được xét lại. Tất cả những linh tinh, tản mạn đó, từ tình đồng ngũ, tình bằng hữu, đến tình yêu, hạnh phúc chốc lát v.v... đều được Hoàng Vĩnh Lộc gói ghém trong một cuốn phim. Ở xin Nhận Nơi Đây Làm Quê Hương. Cũng như ở Người Tinh Không Chân Dung. Điều đáng tiếc là hai cánh tay muốn ôm hết củi khô một rừng lại chỉ là hai cánh tay hữu hạn. Đặc tính phim mang nhãn hiệu Hoàng Vĩnh Lộc là nửa chừng, bỏ dở, bất

thành và bất toàn. Muốn nói thật nhiều lại chẳng nói được điều gì đến nơi đến chốn. Có thừa cái sôi nổi, nhưng thiếu hụt cái chín vững. Gây được cái cảm tưởng đầy đặc. Nhưng không gây được cái cảm tưởng toàn vẹn. Tầm thường thì không đúng nhưng lớn lao cũng chẳng phải là lớn lao. Tham lam như thế, cho nên tất yếu và biện chứng Hoàng Vĩnh Lộc đã không thể thực hiện được một nghệ thuật trình bày nào khác là sử dụng những biểu tượng đã trở thành công thức. Một chiếc mũ sắt nằm trên cỏ hoang. Cho sự có mặt một người đã nằm xuống. Không mới đâu. Công thức đó. Một chai rượu, những cơn say, cho người lính chiến giao động. Công thức. Nghĩa trang cho hồi tưởng, giáo đường cho suy tưởng, một bài hát đầu phim để gây không khí, những chiếc xe thiết giáp lúc cuối chót để nhắc đến chiến tranh. Tất cả đều chỉ là một xâu chuỗi biểu tượng diễn hình tiền chế, rời lẻ, không ăn nhập. Phim nặng vì những cái lật vật đó. Không nặng vì trọng lượng đích thực của thảm kịch. Với tất cả quý mến dành cho Hoàng Vĩnh Lộc, phải ghi nhận ở đây Người Tinh Không Chân Dung là một thất bại. Nó là sản phẩm của một thứ điện ảnh không chân dung, đánh dấu cho một bước chân sa lầy nửa của Hoàng Vĩnh Lộc, sa lầy tự tạo ra và ở chết trong đó, không ra thoát. Suốt cuốn phim, tôi thành thực tội nghiệp cho Kiều Chinh. Có không làm sống lại được gì hết. Vì nhân vật chỉ là một hình nhân, một tên gọi, nhân vật không phải nên giản đơn là không có. Mà chỉ là một Kiều Chinh quần quai, chơi vơi, tan nát, đau đớn vô ích và vô nghĩa giữa những khoảng trống. Ở một đoạn trong phim, ông bác sỹ quân y quát hỏi Kiều Chinh một câu tôi nhớ đại khái như: « Có bày đặt và lôi cuốn mọi người vào cái trò kỳ quặc này để làm gì? » Cuốn phim Người Tinh Không Chân Dung không thuyết phục được tôi. Nó lướt qua, không bắt bám, ở ngoài không chiếm đoạt, không hòa nhập. Còn nguyên vẹn niềm tin tưởng nhiệt thành ở khả năng điện ảnh và con người đạo diễn của anh Hoàng Vĩnh Lộc, tôi vẫn thấy phải hỏi nhà đạo diễn một câu tương tự như câu vừa trích dẫn.

mai thảo

ĐẶNG PHÙNG QUÂN

sáng tạo, thơ

Vũ trụ của kẻ sáng tạo.

Viết cũng là một hành động để biến đổi thế giới. Nhưng thế giới nào? Biến đổi nào? — Đó mới là vấn đề.

Viết trước hết nhằm đem lại sự bất ổn cho đời sống. Nếu thực tại tràn đầy đặc chỉ có ánh sáng và không có bóng tối, chỉ có ngày và không có đêm, đơn nhất, không phân cực, chắc chắn chữ nghĩa không được nói đến, không được viết ra, không còn thành văn. Bởi vì viết là vạch lại đời mình — cuộc đời như một bản viết sống động. Người ta không viết để mà sống (ở đời; sống chỉ là phương tiện), nhưng sống để mà viết (viết như thể cứu cánh). Không có gì kỳ hơn việc phát kiến ra một thế giới hoàn hảo. Thế giới phát kiến chỉ là một thế giới được tư tưởng, không phải là một thế giới thực — hay chỉ là một niềm an ủi khác, một sự thỏa mãn tưởng tượng hơn lên.

Không, thế giới là cái gì tại hữu, có đó, ngay trong đời sống của những người không nghĩ đến điều đó bởi vì họ không có thời giờ nghĩ đến điều đó. Con người sống trong một thế giới của thân phận — và đó cũng là thân phận của thế giới. Nếu tất cả ngừng nghĩ, im lặng, không bạo động, không yêu sách, không hứa hẹn, không lên tiếng, không viết ra, tự chung,

vấn đề | 33

không hiện hữu. Vũ trụ phải được thức tỉnh và con người khỏi sự viết về điều đó. Phải biến đổi bộ mặt, phải kêu gọi đến ngày và đêm, phải trải qua bóng tối của ngày và ánh sáng của đêm. Và bây giờ thế giới này phải được suy tưởng, tư tưởng trong diễn ngôn của những người đã lập thành ra những diễn từ.

Trong bạo động, văn chương xuất hiện khi trong đời sống có một cái gì bất ổn; viết nhằm đánh bật dòng tự tại để có thể nhìn thực tại và cho nhìn thấy thực tại.

Thơ nói lên vận chuyển — và vận chuyển là khí hậu của thơ.

Con người trước đó ở trong thế giới được tư tưởng, nhưng chữ nghĩa còn đoạn lìa; khỏi sự viết, đến gần với chữ nghĩa làm quen với bóng dáng của chữ nghĩa, lời cuốn theo vận chuyển nhịp điệu của chữ nghĩa, viết để quên rũ, viết để dừng bước trước vực thẳm của lãng quên, viết để quên sự lãng quên của khám phá, viết để nhớ lại trí nhớ của tư tưởng và cảnh giới của vũ trụ nào không còn đó. Viết khi những dòng chữ thứ nhất trên trang giấy đã khép lại một thế giới khác bắt đầu.

Nhà văn thường chọn lựa viết nhật ký, đem nhật ký đời mình làm nhật ký đời người. Hay ít ra, tác phẩm thứ nhất là một tự truyện xuất lộ hay dấu mặt bởi vì viết trước hết là nhập cuộc của chữ nghĩa, nhập cuộc của sự vật vào trò chơi. Người viết mơ ước đem lại một chút gì của kỷ ức thường nhật (nhật ký), những chầm ngón của (riêng) đời, những suy tưởng (của) sống và chết, góp nhặt thành «tự tình khúc» — thành thân phận ở đời.

Phải chăng thân phận là một trong những khả hữu của thực tại mà ta phải đi khai phá.

Thân phận thi sĩ.

Tại sao lại có những thi sĩ? Khả hữu tính của thi ca là một khả hữu của con người như thể sự biểu lộ của con người — nhưng đã là khả hữu biểu thị tất phải đòi hỏi ý thức. Biểu lộ là sự thực hiện của ý thức này nơi chính nó, xuất hiện với chính nó. Biểu lộ diễn tả sự tự do trong khi chối từ điều kiện nội tại trong sự quyết định chỉ tuân theo luật lệ đạo đức của lý trí tự thân: thi sĩ.

Khi sáng tạo, người thi sĩ dựng lên tác phẩm, nhưng tác phẩm của thi sĩ như vậy không phải là tác phẩm thi tính. Đã có những bài thơ, nhưng không phải đã có những thi sĩ. Đã có những công trình thi tính, nhưng không phải đã có những dấu vết của người thi sĩ để lại với trần gian. Thi sĩ không phải là tiên tri — mang theo ngôn ngữ thuần khiết đến rao giảng cho công chúng. Thi sĩ không phải là kẻ quý ám, không phải là kẻ thiên tài. Thi sĩ là người ở trong thân phận bủa vây và chỉ trong thân phận này, là cơ hội đến với người thi sĩ để chối từ thân phận qua hành động tự do. Con người trong đời sống thông thường không cảm nghĩ đến sự thiết yếu của những cơ ngơi đó, họ cũng không tìm kiếm chúng. Con người của đời sống hàng ngày đã không có những dịp — may như thi sĩ. (Phải chăng thơ là lãnh địa của tôn nghiêm, của «cõi trời cách biệt» — chữ của Hàn Mặc Tử?) Con người dưới phố quá an tâm về tự do của họ nên không cần thiết phải cảm thấy tự do này bằng hành động. Khởi sự ly cách giữa con người của đời sống thông thường với con người thi sĩ từ đó. Cũng như con người triết lý, khát vọng tại hữu và tự do thúc đẩy thi sĩ dẫn thân vào biến đổi. Một khi suy tưởng tạo thành cơ bản của cá nhân đơn độc, những cõi đời đã qua, những khoảnh khắc trùng trùng đã sống lại hiện diện nơi tâm tưởng, con người nhìn sự quyết định, sự chọn lựa quyết định như thể của một ý thức mà những thúc phọc ngoại tại, những luật lệ của nhân giới không còn du dật được nữa, khi mà đời sống thường nhật không còn đáng chú tâm nữa, với công trình và những mối bận tâm đặc thù làm đầy ý thức kinh nghiệm của bộ diện hàng ngày, con người khám phá ra nhu cầu của ý thức kinh nghiệm này cũng là tự do, phải tìm đến một hình thái sống ở đó ý thức cũng thành cụ thể để có thể tự tàn phá, ở đó ý thức miên man trong tự do tiêu hủy một kiến tạo chỉ là kiến tạo của nó bởi vì nó tiêu hủy. Kiến tạo là kiến tạo của tiêu hủy. Ý thức tạo thành thi tính. Mang vận hội của poiesis, thơ đang vùng vẫy đập phá, thơ đang tạo thành, thơ là sự sáng tạo, thi sĩ là kẻ sáng tạo, thơ sáng tạo. Chọn lựa thi ca, bởi vì thơ trở thành một cái gì quan trọng đối với con người thi sĩ : con người phải là thi sĩ để sống cái gì con người

biết là nền tảng của chính mình. Con người tự biết mình là cái tôi, không còn gì dễ diễn tả, dễ nói nữa — cái còn gì dễ nói ở lại trong cuộc đời, nói như thế không nói đến. Chính vì điều đó một cách minh thị, thơ cung ứng phương tiện để người thi sĩ nhận thức được tự do phung phá thân phận khi sáng tạo ra những thể giới và những điều kiện trí tưởng, bởi vì những trí tưởng này cho phép thi sĩ chứng tỏ tự do của mình. Khó khăn khác làm thơ là khoảnh khắc giả tưởng. Sáng tạo như giả tưởng không tách rời với người sáng tạo. Một khi kẻ giả tưởng ra khỏi, thế giới trí tưởng không còn nữa, kẻ mộng du tỉnh dậy, giấc mơ biến mất. Đã đành là có thi ca, nhưng điều đó thuộc về quá khứ ; liệu có những thi sĩ, điều đó mới quan trọng. Có thể trước đây, người thi sĩ mang theo một sứ điệp, chiếm giữ một vai trò trong cộng đồng — là kẻ gìn giữ truyền thống, là người tiên tri báo hiệu những trách vụ, những mục đích cao cả của chúng dân, đem lại cho mọi người sự hiểu biết về tâm tính và trái tim của họ khi vén mở cho họ thấy những điều lành ấy ở trong một hiện hữu quyền năng hơn cuộc đời hiện hữu của họ. Sứ điệp, vai trò ấy không còn nữa. Bởi vì con người đã vượt qua thân phận, không tin tưởng vào truyền thống nữa, mọi quyền năng tuyệt đối ở ngoài con người cũng chỉ là sản phẩm của thân phận và trở lại thành thân phận. Ý thức đã chiếm hữu thân phận ; thi ca chỉ còn là hình thái lịch sử có một thời, tạo một thời đối với người thi sĩ và thuộc về quá khứ mà ý thức là chứng nhân quý báu. Ý thức về thi ca, ý thức sáng tạo, con người thi sĩ ý thức cái chết của thơ. Nhưng chính nơi cái chết của thơ là sự nảy sinh của thi sĩ : chọn lựa thi ca, con người tự thành thi sĩ để thực hiện tự do của mình đối với chính mình, hơn nữa, đối với con người làm thơ, chỉ còn lại khả hữu này trong muôn vàn những khả hữu quan trọng đối với con người. Khả hữu hàm ngụ ý thức, khả hữu đối với ý thức, khả hữu của một ý thức không dành phần một thể giới ở đó thi ca tưởng rằng diễn tả, chiếm hữu, mang những sứ điệp. Đối với ý thức thi sĩ, chỉ có chân lý duy nhất, là con người thi sĩ là cái tôi trong tự do của mình thoát ra khỏi thân phận, và điều nghiêm trọng duy nhất là cuộc chơi, là giả tưởng tự biết là giả, là cuộc chơi. Sự phân cách giữa con người thi sĩ và con người

thông thường chính là vì đời sống thường nhật là đời sống trong điều kiện, mang một thân phận bởi vì đời sống bận bịu, bị bủa vây bởi công việc làm và những mối bận tâm hàng ngày. Đối với cá nhân, thế giới là một ngoại giới bao dung lấy hiện hữu cụ thể mà con người gánh chịu và nếu cuộc đời có là môi trường của sự quyết định đạo đức, nó cũng không là môi trường tự do xuất hiện. Con người thông thường vung vẩy trong cần lao, tổ chức trong giới hạn, suy nghĩ một cách hữu lý, bận rộn với việc làm, tạo dựng những công trình. Nhưng chỉ có một sự việc duy nhất đáng kể đối với con người thi sĩ, đó là công trình của người phải là tác phẩm của riêng mình; trong tác phẩm người thi sĩ biết mình là kẻ sáng tạo. Kẻ sáng tạo đơn độc ở bên ngoài thân phận. Thi sĩ không muốn tự phản ánh trong thế giới nhưng muốn phản ánh thế giới nơi mình, cũng phòng phải phản ánh thế giới tại hữu hay phải trở thành, bởi vì trong tự do, thi sĩ không còn biết mình ở trong thế giới nên thế giới của thi sĩ đi tái lập là những thế giới khả hữu và chỉ khả hữu như những giả tưởng của riêng mình. Chính nơi những khả hữu, con người thi sĩ không nói gì về thế giới, không đợi chờ gì ở thế giới — không nói với tất cả mọi người.

đặng phùng quân

TRẦN HOÀI THƯ

Người con gái của nhà thờ đức tin

Những ngày đầu của một mùa đông rét mướt, tôi đã chịu đựng không nổi cùng ngọn lửa cô đơn. Đó là cơn bão lửa đã mang tôi dần đến bờ tuyệt vọng. Tôi thêm những viên thuốc ngủ. Tôi thêm một sự nhắm mắt thật dịu dàng. Tôi rửa rủa cùng những ý nghĩ bi quan và đen tối. Tôi chưa ý thức được nỗi hạnh phúc là nỗi đau khổ như một bài thơ nào đó trong the Prophet của Gilbran. Tôi chẳng khác là một đứa bé, bỗng nhiên bị giam cầm trong một buồng tối, thêm thấy biển, mặt trời, những ngọn sóng bạc đầu và những con còng dưới nắng. Vẫn căn phòng trên gác đường Đức Tin, xung quanh là vách đá, và chiếc nền xi măng ẩm ướt, cùng với tượng chúa khổ nhục trên cây thánh giá. Lẫn những song cửa sắt nhìn ra biển động, mà tôi muốn thét gào cho vỡ cả khoảng thinh không u uất ghê rợn, mà nước mắt tôi đã làm chứng cho những nỗi nhớ nhung chất ngất. Tôi đã như một con hổ sa vào bẫy, để đưa đôi mắt nhớ lại núi rừng. Ngọn lửa cô đơn thiêu đốt tôi bừng bừng trong những đêm tối, những ngày dài, trong khi mùa đông xám và lạnh rét run ngoài hàng hoa giấy và hoa tigôn dưới nhà thờ.

Ngày đầu, người bạn xách xe mua cho tôi vài ký gạo, vài bó rau muống, một chai xi dầu, một lọ chao và dăm trái ớt. Hắn hấp tấp đi dưới nền, chưa kịp chào hỏi, rồi lại ra đi. Tôi phải

cầm cùi nhen lửa, vo gạo, luộc rau. Tôi làm việc thui thủi. Tôi dọn chén ăn một mình. Tôi nấu cơm dành cho suốt ngày ăn. Đến ngày thứ hai, vô ý tôi làm rơi chiếc nồi gạo văng tung tóe trên đất, và tôi đã chấu nắn đến cực độ. Tôi đập vỡ chén, bẻ đĩa, rồi lại đi. Chỉ còn lại tôi, nằm trên tờ báo nhật trình, liên tưởng đến cái chết.

Vị mục sư đã đi vào Sài-gòn, và ngôi nhà thờ này chỉ còn lại Hải. Hải đã sống ở đây hai năm, chuyên phụ quét dọn nhà thờ, sắp xếp bàn ghế, hoặc phụ giúp vị mục sư trong việc truyền đạo. Hân bảo tôi, ông mục sư thật khó tính. Cậu ở đây một thời gian, mình sẽ tìm cách khác giúp cậu. Hân nhìn vào mắt tôi: Sợ cậu không chịu nổi cô đơn thôi. Tôi mỉm cười, khinh mạn. Nhưng bây giờ tôi biết tôi đã thất bại. Tôi đã chịu đựng không nổi cùng không khí tha ma như cõi chết của một ngôi nhà thánh. Tôi không thể can đảm nhìn bóng tôi chập chờn trên vách khi ngọn sáp hùn hắt bên quan tài tôi. Tôi đã nghe rõ tiếng thở dài của tôi nổi lên, và cần răng áp hai bàn tay vào tai, để khỏi nhớ khỏi nghe thời gian đang trôi qua. Ánh đèn mờ rọi vào bức tượng Chúa như hình ảnh khốn khổ tội cùng của thế gian. Còn tôi? cái quan tài đời sống đang rên rỉ, gào thét, đang vùng lên trơ trọi giữa chốn thế gian.

Ngày chủ nhật. Người yêu ơi chủ nhật buồn. Nhìn qua song là rụng rơi... Mà nơi đây không một người. Người yêu ơi sao chẳng đến. Ngày chủ nhật. Tiếng chuông nhà thờ đã bắt đầu ngân lên trong không gian lạnh của một ngày mùa đông. Những tiếng chuông báo một ngày lễ sớm thật dị dàng. Nhưng tôi nghĩ đến những tiếng chuông rung trong lòng nghĩa trang. Hay là một bài kinh cứu rỗi rồi cũng nên. Tôi đứng dậy, áp mặt vào khung cửa kính. Buổi mai xám cả bầu trời. Những cánh hoa tigôn li ti đã phủ ngập khắp sân. Và cánh cửa nhà Thờ đã mở rộng từ lúc nào. Chắc Hải đã sửa soạn từ sớm. Hân đã

quét dọn nhà giăng, lau chùi các bức tượng và các ô cửa kính. Lời hân vẫn còn vang bên tai tôi. Tôi mong cậu mỗi ngày chủ nhật nên xuống xem lễ, để lấy lòng ông mục sư. Biết đâu ông ta cho cậu trú ẩn. Tôi đã lặng thinh. Tôi muốn nói tôi là kẻ vô đạo. Tôi muốn nói Thượng đế nếu có, chắc sẽ khóc khi ngài nhìn tôi giữa giòng lênh đênh. Nhưng Thượng đế đã chết. Giọng Hải trầm trầm: Mình biết cậu khổ sở khi phải làm một việc mà cậu không ưa, nhưng cậu nhớ rằng mình còn có những năm dài đang chờ đợi. Tôi nói tôi đã ba mươi tuổi, mà tôi không mong làm tuồng. Tôi đang thấy mình già... Tuy nhiên, tôi cũng rán làm vui lòng ông mục sư. Hải cười: Số tin đồ ở thành phố này chỉ vai chực người. Ông ta sẽ vui khi thấy thêm một tin đồ mới. Cậu hãy can đảm chịu đựng. Và tôi đã chịu đựng. Mà chịu đựng từ 30 năm rồi. Ngày mới sinh, đã khóc thét trong cơn đau mật mớ, mà chưa ý thức được một cuộc chiến do đâu, bởi đâu, rồi đến bây giờ, đáng lẽ được hưởng một chút thanh xuân, thì phải bị tròng vào cổ một định mệnh phi lý. Tôi muốn nói cùng bạn tôi cái định mệnh khe khắc đã xô đuổi tôi trở nên một tên tội phạm đáng thương như thế này. Tôi muốn nói đến tuổi con ngựa, như một vi sao tai ương. Tôi muốn đóng cửa lại, cởi bộ quần áo, để dang hai tay ra, để kêu Chúa trở về nhìn tôi, xem tôi có khốn khổ hơn Chúa không? Tôi muốn trong một đêm bão bùng sẽ hét to, tôi đang thêm tự do, thêm nó quá sức. Đừng cho tôi nghe tiếng chuông cửa rồi tội nghiệp kia nữa.

Trời lại đổ một cơn mưa nhỏ. Một số người đã đến lễ. Nhưng chiếc dù đen nổi lên bên cạnh những chiếc dù màu. Những bộ quần áo mới và thật sậm hòa lẫn những tà áo hoa cà. Tiếng gõ của chiếc giày trên thảm nhà giăng, và tiếng xì xào của những người quen. Một ngày chủ nhật, đối với họ như thế. Có thể hạnh phúc và thỏa mãn. Có thể bình an nhắm mắt cầu nguyện. Lạy Chúa, chúng con cầu xin Ngài... và sau đó, họ sẽ đóng kín cửa sổ, kéo chiếc màn xanh. Sau đó là bữa cơm nóng chờ đợi. Một ngày có thể không luyến tiếc. Còn tôi, tôi còn lại những gì? Mắt tôi đã vô tình dán chặt vào ô kính đã nhòa nhạt nước mưa. Một khoảng

ánh sáng đủ cho tôi nhìn rõ xuống hành lang đầy hoa cúc vàng và những chiếc dù, áo mưa giăng mắc la liệt ngoài cửa chính. Làm sao đám người tín đồ ấy biết có một tên thanh niên đang lưu thả trên một gác chuông? Làm sao họ biết đôi mắt tôi đang mở trừng để thêm thường, ao ước? Và tôi chợt nhận ra trong đám tín đồ ấy, có một người nữ thật xinh đẹp. Nàng với màu đen tuyền từ mái tóc thề, đến chiếc áo dài đen, chếc quần đen, đã khiến đôi mắt tôi muốn chết đuối. Khi nàng hiu quanh từ chiếc cổng sắt, phủ đầy hoa tigôn hồng, cúi đầu bước vào, thì tôi đã sống sờ. Tôi biết tên tôi vẫn còn búa nhay, vẫn còn thừa xúc động và ủy mị. Điều này tôi phải thú thật. Sự lẩn áp tình cảm trên lý trí đã khiến tôi ra nông nổi này. Vàng tôi phải thú nhận một vụn lã, là tôi đã biết buồn từ lúc bé, biết tủi thê khi nhận ra tôi là một vì sao nhỏ quanh hui. Và ngay đến bây giờ, tuổi thơ ấu đã đem tôi vào một thế giới của ủy mị, cũng như nước mắt. Tôi phải thú nhận như thế. Tôi phải thú nhận thêm nữa, là cái thế giới cô đơn đã khiến tôi dễ dàng xúc động trước một hình ảnh đẹp để như hình ảnh của một người con gái mà tôi bắt gặp vào sáng chủ nhật này. Ở nàng, tôi liên tưởng đến một nỗi buồn bã, lẫn chết chóc. Có phải màu đen kia, và cái gương mặt lạnh lẽ, với mái tóc phủ một con mắt phải của nàng, quyến rũ tôi đến một bài nghĩa trang cô độc? Nhứt là đôi vai nhỏ bé mềm mại, dường như đã chịu đựng một định mệnh khe khắc? Lòng tôi tự dưng hồi hộp vô cớ. Rồi nàng bước lên bậc thềm, và khuất sau cánh cửa nhà giảng như một cơn gió chợt thoảng chút mùi hương trong không khí. Tôi vẫn lặng đôi mắt vào ô cửa kính. Nhưng đôi mắt tôi đã nhắm lại. Tiếng phong hồ cầm chợt vắng từ nhà giảng lên gác. Đó là bản thánh ca. Tôi lại nghe một giọng hát thật cao, vút hẳn những giọng hát của đám tín đồ. Tôi đoán là tiếng hát của một cánh chim lạc loài. Một vài chiếc lá muông bay vèo xuống sân rồi yên nghỉ ở đó. Có gì lưu luyến trong lòng tôi không? Có gì ngủ lại trên bờ thế giới tâm hồn tôi không? Hay một ngày chủ nhật trôi dần qua, mà một người thanh niên đang nằm những song sắt để chờ đợi.

Người yêu ơi chúa nhật buồn

Lòng rung rung như lệ tuôn ..

*thời gian đi trong tủi hờn
người có hay sao chẳng tôi?*

(nhạc H. Thi Thơ)

Như thế tôi đã có một hình ảnh để tạm gọi là một cõi nhớ nhung và ấp ủ. Như thế tôi đã có một giòng suối tóc đã phủ trọn bờ vai mềm và một con mắt phải lẫn một màu đen âm đạm dưới những hạt mưa lạnh để cho tôi đốt những điều thuốc tương tư. Như gương mặt thật đẹp, hay cúi xuống, để mỗi đêm tôi mơ đến nỗi phải bị xuất tinh. Hải đã biết tôi cô đơn, và bị hành hạ bởi sự sung tràn khí lực của một tên thanh niên nên đã giúp tôi giải quyết sinh lý ở một nhà chứa trong hẻm. Từ ngày gặp nàng, tôi đã bắt đầu đắm chìm trong cơn mê muội của tâm thần. Tôi đã mở mắt ráo hoành, trong bóng tối, trong cõi thình không nhỏ hẹp âm默默 và ghê rợn, để đốt hàng bao điều thuốc. Và đôi khi thêm lấy một mảnh chai cắt sợi gân dềc hợn một lối thoát cuối cùng. Có ở trong trường hợp và vị trí của tôi, họ sẽ tha thứ cho tôi. Bỏ và anh tôi sẽ thông cảm cho tôi. Có ở trong nỗi hui quanh vô cùng, và cái đói rách thê thảm, họ chắc sẽ có ý nghĩ như tôi. Nhưng cuối cùng, tôi đã gọi nàng về, cố lần lữa từng giờ từng ngày để thấy lại nàng vào ngày chủ nhật. Nhiều đêm, tôi tự hành hạ thân xác tôi, thủ dâm để cho thân xác tôi mệt mỏi quá độ, để ru một giấc ngủ. Quả thật tôi đã không có nghị lực. Hay chính vì bóng tối đã bao vây tôi nhiều quá. Mà trong bóng tối, tôi chắc con người sẽ phải buông xả. Tinh khí tôi dần dề cả tấm giấy nhựt trình. Rồi tôi lại phải hối hận vì có cảm giác mình đang gây nên tội. Trong ngôi nhà đạo, tôi đã làm nên trò bi đỗi ấy một cách âm thầm. Nhưng tôi biết đôi mắt Chúa đã nhận ra điều tội lỗi ấy. Tôi lại bị giảng co giữa nỗi cô đơn và tội lỗi, giữa sự lạnh và điều xấu. Tôi đã thấy mình đã thất bại. Cô đơn đã là một căn bệnh khủng khiếp nhất. Mà tôi thì cô đơn: Những giọt tinh khí không thể xô đuổi được hình ảnh người nữ.

Bạn tôi, thỉnh thoảng lại về rồi đi Nhà thờ đạo đóng cửa suốt tuần và chỉ mở cửa vào ngày chủ nhật thôi. Bởi thế tôi ít bị làm rộn. Tôi có thể nằm dài trên tờ báo, suốt ngày để đọc sách báo.

Trưa thì xuống bếp, làm một bữa cơm với xì dầu, rau muống luộc, hoặc thỉnh thoảng âm thầm ra phố vào những giờ tan sở. Tôi đã cố gắng tự bảo, khuyến khích tôi. Máy sắp lên thiên đàng rồi đấy. Nếu có kẻ tu hành nào khổ cực để chịu sự hành hạ của thẻ xác, thì mây đang đứng đầu. Tôi sẽ trở nên một tên nhà tu bất đắc chí. Điều này Hải đã cười khi nói với tôi như thế. Thật vậy, gia tài tôi, là khoảng nền lót bằng tờ giấy báo để làm chiếu và bữa ăn chỉ là cơm trắng, với xì dầu hoặc tương chao. Nhưng tôi đã lắc đầu. Tôi đã thú nhận với bạn tôi chưa bao giờ tình yêu lại bão bùng vào tuổi ba mươi như tôi và chưa bao giờ tôi lại được xúc động khi nhận ra một người nữ đã dẫn tôi đến một bến bờ mê muội : tình yêu và sự chết.

Tôi đã bắt đầu làm quen với vị mục sư trẻ. Vị mục sư này đang tập sự để thừa kế vị mục sư già khe khắc. Ông thật trẻ trung và có tư tưởng tiến bộ. Ông chấp nhận cho tôi được trú ẩn trên căn gác chuông với điều kiện phải luôn luôn ở lại trong nhà thờ. Ông sợ tôi ra ngoài, những kẻ hàng xóm láng giềng sẽ nghi ngờ và tố giác Ông không muốn nhà thờ bị mang tai tiếng bởi chứa một kẻ đào thoát. Tôi đã hứa với ông ta tôi sẽ cố gắng hết sức để làm vui lòng ông. Nhưng tôi biết tôi đã chịu đựng không nổi với bầu không khí khắc khe như một nhà tù và hơn nữa, tôi không thể mỗi đêm dằn tâm trí, nghị lực để cưỡng chế cơn thủ dâm đáng thương của tôi.

Một ngày chủ nhật nữa lại đến Cánh cổng nhà thờ đóng kín suốt tuần bảy giờ lại được mở ra. Tôi lại nghe tiếng chuông nhà thờ vang lên trong thinh không, hòa lẫn sự náo nức trong lòng mình. Những tiếng chuông ngày nào, khiến tôi liên tưởng đến một sự cứu rỗi, để đầu óc lạc vào một thế giới hư linh, xa cách thực tại khốn nạn của tôi, bây giờ đã trở nên những khúc nhạc thật đầy quyến rũ. Bởi lát nữa, người nữ có một mái tóc phủ hần con mắt phải, chảy xuống một bờ vai, và gương mặt buồn buồn của nàng sẽ hiện dưới sân nhà thờ, dưới những khóm hoa tigôn hồng thắm. Bởi lát nữa, tôi sẽ thấy lại con người trong

mộng của tôi. Thi ra, hình ảnh đen tuyền âm đạm ấy đã khiến tôi yêu mê muội rồi.

Hai tay khoanh trước ngực, tôi cố gắng dấn nổi xôn xao vô cơ. Dưới sân, tiếng lao xao đã bắt đầu vang lên. Đám con chiên thưa thớt bước lên hành lang nhà giảng. Và nàng, là con chiên cuối cùng hiện đến. Vẫn màu đen, vẫn cái dáng hiu hắt vẫn gương mặt bị mái tóc che khuất một phần, vẫn những bước chân nhỏ và mềm, vẫn cái lẻ loi quá đỗi tội nghiệp. Tôi như muốn nín thở. Đôi mắt mở trừng, qua khung cửa kính, như muốn nuốt tất cả thân thể nàng, muốn lột trần chiếc áo dài đen của nàng, cái nịt vú, muốn phả hơi, áp mũi vào ngực nàng, hôn hít nhử hoa của nàng Tôi muốn thỏa mãn niềm khao khát, đã hành hạ tôi trong những đêm cô đơn bùng bùng lửa. Tại sao, ở nàng, tôi vừa tìm ra một địa ngục và một thiên đường, tình thần hòa chung với thẻ xác. Tại sao ở nàng, tôi lại muốn nhìn rõ từng vuông da thịt, từng chiế: nút ruồi, và cái chết đang ám ảnh liên miên. Tôi phải thú thật thế. Bởi nàng đang bị Chúa, những bài kinh, những lời giảng của vị mục sư, giam giữ. Bởi nàng đang bị phủ kín bởi một màu đen chết chóc, trong khi tôi vẫn là tên đàn ông trần tục đang quá sức cô đơn ?

Và nàng bước lên bậc thềm, khuất sau cánh cửa gỗ trắc. Tiếng dao phong hồ cầm vang lên. Tôi vội vàng mặc quần áo, nhẹ nhẹ bước xuống thang lầu. Tôi đến cửa hông, và đứng lặng người ở đấy. Nhạc vẫn trôi. Những bài thánh kinh được hát lên. Lại giọng nàng tôi chắc thế. Bởi vì trong đám tín đồ ít ỏi đang quì trước những băng ghế, tôi không tìm ra một người nữ nào cả. Chỉ có những cặp vợ chồng già, hoặc những người đàn bà bả trải qua một thời con gái. Vâng, vẫn tin như vậy. Giọng hát thật đầy áo nấp, van lơn khẩn cầu. Giọng hát vút lên hần thế giới của thực tại, bỏ hết những băng ghế, những hành lang, con đường, chiến tranh, tai nạn nhều nhương Nó lạc vào một thế giới siêu hình, bay vào một bến bờ khác. Nó là tiếng gọi thống thiết nhất của một con người. Và tôi đã quì gối xuống nền, run rẩy nhìn trộm nàng qua ô khóa. Dù cánh cửa gỗ trắc ngăn chia hai người. Nhưng tôi vẫn ngỡ nàng đang ở sát bên tôi, cầu nguyện cùng tôi,

dọn đường dùm tôi về một bến bờ khác của thế giới. Tôi ngây ngất, nhìn gương mặt ngoan đạo của nàng, nhất là ở con mắt hơi nhắm lại, khi bài thánh ca cất lên trên đôi môi mọng. Đó là một hình ảnh đẹp nào nùng. Hai bàn tay tôi bấu chặt vào cánh cửa và nín thở.

Có nên nói một điều này không. Vì khi nàng quay mặt vào cửa, đối diện tôi, khi nàng len lén vén mái tóc phủ con mắt phải một cách sợ sệt, thì tôi đã nhận ra một con mắt sâu hoắc. Một con mắt mù thật tức tưởi, bên cạnh một vết sẹo dài láng bóng như in sáp. Gương mặt nàng bây giờ như một gương mặt xấu xí nhất thế gian. Tôi bắt đầu. Tôi nghĩ gì về một vẻ đẹp đã phôi bày sự thực. Tôi nghe chừng tìm tôi nhói lên, và người tôi lão đảo.

trần hoài thư

QYV Ban mê Thuật 6/71

PHẠM CAO HOÀNG

sương bên sông

gửi Bảo Khanh

1

Sương đã bắt đầu rơi mỗi sáng
Trắng cả bến sông xưa
Hình như có đôi mắt em
Hun hút trong khoảng không gian vô tận
Hình như có tiếng hát em
Buồn bã như những cánh chim hít-cô
Đang kêu mùa thảm thiết
Sương mây bay
Đời sao mà buồn quá
Bên sông không bóng người
Chỉ một mình anh
Và cát bãi trùng trùng

2

Mỗi sáng rồi mỗi sáng
Hoa gạo vẫn rụng trắng bên sông
Mà lòng anh quá hiu hắt
Như đã thấm tàn thu

Như đã nghe giá buốt
 Cửa chiều đông năm xưa
 Còn không em một chỗ ngồi trong quán cóc
 Khuya khoắt không một ai
 Còn không em những chiều trong thư viện
 Và tiếng phong cầm vang trong mưa
 Còn không em, những chuyến xe vòng thị trấn
 Đưa ta qua giòng đời xuôi ngược

3

Còn không em chiều tóc thu bay
 Chút mưa bụi rơi đầy trong mắt
 Cỏ hoa sương và khói
 Giăng đầy trong hồn anh
 Còn không em, áo đỏ bay đầy trời
 Áo đỏ hay áo vàng
 Mà lòng anh đau quá
 Chân em khua vang nhịp guốc hồng
 Mà đời anh thêm thấm thương
 Ba năm,
 Tóc anh thêm những sợi trắng
 Áo anh càng thêm rách
 Mòn mỗi cứ gỗ đều dưới gót giày
 Ba năm,
 Đời như là mây khói
 Sương sa như mưa bay
 Đời anh như hạt bụi
 Dập vùi giữa thu heo may

4

Mỗi sáng rồi mỗi sáng
 Sương lạnh cứ mù thêm
 Những cánh chim cứ bay đi
 Những bi thương cứ chuyển mình

Đó là lúc anh khốn đốn nhất
 Em ở xa đời anh quá
 Nên làm sao em biết
 Sương đã thành băng giá
 Trong lòng anh
 Những sầu muộn đã thành độc được
 Tăm suốt cả hồn anh
 Trí nhớ anh bắt đầu tàn tạ
 Theo nhịp quay đều của ngày tháng
 Anh chỉ còn trái tim
 Chối chứa đầy khổ lụy
 Gửi tặng em yêu ở xa xăm
 Ba năm,
 Có ba năm mà anh tưởng chừng mấy kiếp
 Em vẫn còn ở xa đời anh quá
 Nên làm sao thấy được
 Những giọt nước mắt đôn đau
 Nhặt nhòa theo nhịp sương rơi
 Sông sắp tới mùa nước lớn
 Mà sương ngày cứ mịt mù
 Và lòng của kẻ tình si
 Có khác nào bóng sương rơi hiu hắt trên sông.

5

Bảo-khanh ơi
 Anh sẽ nói em nghe
 Về cuộc đời của một tên lãng tử
 Tên lãng tử có trái tim màu hồng
 Nhưng có cõi lòng tan nát
 Suốt bao mùa thu vàng lá chết
 Suốt bao lần đông về.
 Có gió bắc lạnh se da
 Tên lãng tử có những ngày tháng hiu quạnh nhất
 Mà có ai hiểu được lòng mình
 Có ai nhìn thấu nỗi cô độc của mình

Ngoài đời mắt u sầu ma mị
Của khanh

6

Ba năm,
Không ai hát dùm anh
Đoạn đời một kẻ khốn cùng
Không ai giữ dùm anh
Trái tim sắp vỡ làm muôn mảnh
Chỉ có em
Mới có thể thấp cho anh
Chút hương tàn một thuở yêu em
Mỗi sáng rồi mỗi sáng
Sương cứ tan sương cứ tan
Sống vẫn đợi em về
Anh vẫn lặng thầm một bóng
Không ai nói với anh một lời
Chỉ một anh giữa mặt
Nhìn một trời mây trắng bay mau.

phạm cao hoàng

ALBERT CAMUS

chết sướng

Trong số những di cảo mà nhà văn A. Camus để lại, bà vợ ông và những thân hữu của ông vừa cho xuất bản một tập tiểu thuyết nhan đề là « *La mort heureuse* » (Chết sướng). Có thể coi như cuốn tiểu thuyết đầu tiên của Camus viết trong khoảng 1936 — 1938

Người ta nhận thấy rất nhiều điểm tương đồng giữa *La mort heureuse* và *L'Etranger*, tác phẩm nổi tiếng của Camus sau này. (Nhân vật chính trong *La Mort heureuse* là Mersault được đổi lại là Meursault trong *L'Étranger*). Và người ta có thể coi *La mort heureuse* như là một thử « bản nháp » của *L'Etranger*.

Và nếu cuốn *L'Étranger* đã biểu hiện được rõ ràng cái quan niệm về nhân sinh phi lý của Camus thì Mersault trong *La mort heureuse* đã gần với con người thật của Camus hơn. Đọc *La mort heureuse*, người ta sẽ có những khám phá bất ngờ về phương diện này.

Dưới đây, Văn Đề xin trích dịch một đoạn trong *La mort heureuse*, thiên II.

Mùa hè bến tàu ồn ào và nắng chang chang. Mười một giờ rưỡi trưa. Hơi nóng đang trưa đè nặng trên bến. Trước đây kho

của Phòng Thương mại Alger những chiếc tàu « Schiaffino » vỏ sơn đen, ống khói sơn đỏ, đang bốc những bao lúa mì. Nắng lửa khơi lên từng đám ngồn ngộn hơi dầu hắc trộn lẫn với mùi bụi từ những bao lúa mì bay ra. Trước một quán cóc sặc mùi sơn và mùi rượu hời, mấy người ngồi uống trong khi bọn làm xiếc ả-rập bận áo chềa đỏ uớt mình uớt éo trên mặt hè cháy bỏng hướng về phía mặt biển tương bồng ánh sáng. Chẳng nhìn ai, những phu bến tàu vác những bao lúa bước trên hai tấm ván nhún nhảy bắc từ bến lên tàu. Lên đến cao họ bỗng khựng lại lóa mắt trước ánh nắng chói, thân hình in lên nền trời biển, giữa những cần trục, những cột buồm, mắt loe sáng trên khuôn mặt trắng xóa những mồ hôi và bụi, rồi chạng vạng chui xuống hầm tàu nực mùi tiết nóng. Trong không khí nóng bức tiếng còi tàu réo liên hồi.

Trên tấm ván phu vác bỗng chen nhau đứng lại. Một người trong bọn té xuống nhưng ván bắc khít giữ lại được. Cánh tay vương sau lưng bị bao nặng đè giập, người đó đau đang rên la. Patrice Mersault vừa từ phòng làm việc chạy ra. Tới ngưỡng cửa trời hè nóng làm cho hắt ngột thở. Hắt há miệng rộng hít lấy luồng hơi dầu hắc làm khản cổ, tới đứng trước đám phu vác. Người bị thương đã được họ nhấc lên, đặt nằm trên tấm ván giữa đồng bụi, môi nhợt nhạt vì đau, cánh tay bị gãy bên trên khuỷu buông thõng. Một mảnh xương lòi ra ngoài, vết thương tèm lem đang rỉ máu. Chảy dài theo cánh tay những giọt máu lăn lượm nhỏ xuống mặt đá cháy bỏng xèo xèo bốc hơi. Mersault đứng lặng ngó đám máu bỗng có ai nắm lấy tay. Đó là thằng nhỏ sai vặt Emmanuel. Nó chỉ chiếc cam nhông đang chạy tới, tiếng máy nổ, tiếng xích sắt loảng xoảng. « Đi chứ ? » Patrice chạy lên. Chiếc xe vượt qua. Hai đứa vội đuổi theo, lẫn trong những tiếng động và cát bụi, hỗn hển, mù mịt, chỉ vừa đủ tỉnh trí để cảm thấy bị cuốn theo đi trong cái nhịp hối hả những cần trục, những máy móc, hòa theo với những cột buồm lay động trên nền trời, những thân tàu nham nhở lác lư dọc theo lề đường. Mersault bấu lấy trước vì tin rằng khỏe và nhanh hơn rồi nhảy vọt lên. Nó kéo Emmanuel ngồi lên, hai chân bở thõng. Trong làn bụi phấn trắng, trong hơi nắng oi

bức đồ xuống, giữa khung cảnh mênh mông quái dị của bến tàu đầy những cột buồm những cần trục đen ngòm, chiếc xe lao hết tốc lực, trên mặt đường bến tàu lát đá lồi lõm làm cho Emmanuel và Mersault nhảy tung lên, hai đứa cười không thở được, máu bốc lên say sưa.

Tới Belcourt, Mersault xuống cùng với Emmanuel đang hát. Nó hát sai ông ông. Nó nói với Mersault : « Mày thấy không, nó như căng lồng ngực lên. Những lúc tao thấy khoái. Những lúc tằm. » Đúng thế. Emmanuel vừa bơi vừa hát, tiếng hát của nó bị dồn ép thành ò ò, không nghe rõ trên mặt biển, làm nhịp cho hai cánh tay ngắn và nhiều thịt của nó. Hai đứa đi trên đường Lyon. Mersault rảo bước, vóc người cao, hai vai rộng, chắc nịch, lác lư. Cứ nhìn cái dáng nó đặt từng bước chân trên mặt hè khi đi lên, hay đưa đẩy cái mõng để lướt qua đám đông thỉnh thoảng vẩy bọc lấy nó, cũng cảm thấy thân thể của nó trẻ và mạnh lạ lùng, có thể đưa nó tới tận cùng của thú vui vật chất. Lúc đứng yên toàn thân nó tẩn xuống có một bên mõng, ra vẻ dẻo dai lắm, như kiểu người có dáng dấp vì chơi thể thao. Cặp mắt nó long lanh dưới đôi mày hơi thô, trong khi nó chuyện với Emmanuel, vành môi nó luôn luôn cong lên, còn tay thì cứ đều đều đưa lên kéo cổ áo. Hai đứa vào quán ăn quen. Chúng nó lặng lẽ ngồi ăn. Trong nhà không khí dịu mát. Có ruồi đậu, có tiếng đĩa chén va chạm, tiếng người nói chuyện. Céleste, chủ quán, tiến lại phía hai đứa. Cao lớn, rậm râu, lão kéo tấm khăn đeo trước bụng lên gãi rồi lại thả xuống.

Emmanuel hỏi :

« Vẫn mạnh giỏi chứ cụ. »

Họ nói chuyện. Céleste và Emmanuel thỉnh thoảng lại kêu lên với nhau : « Gớm ! bạn » và vỗ vai nhau. Céleste nói :

« Cậu thấy không, bọn già cũng đều lắm. Họ bảo năm mươi mới thật thành người. Vì họ đang năm mươi. Tôi có một ông bạn lại chỉ thú chơi với thằng con trai. Họ đi với nhau. Nhặt nhặt với nhau. Đến nhà xẹt với nhau, ông bạn nói : « Tại sao lại cứ phải chơi với bọn già. Ngày nào cũng kêu rằng phải uống thuốc xỏ, rằng đau gan. Đi chơi với con tôi còn sướng hơn. Nếu nó bắt được con

bỏ nào tôi giả vờ như không biết, chuẩn lên xe điện. Đi chơi cho vui nhè, rồi về. Tôi mãi nguyên lắm.»

Emmanuel cười. Céleste nói :

«Lão không phải là thứ gương mẫu, nhưng tôi quý lão lắm.»

Với Mersault :

«Tôi khoái lão hơn một lão bạn khác. Khi lão khá mỗi khi nói chuyện với tôi cứ vác mặt lên, làm điệu làm bộ. Bây giờ thì bớt lên mặt rồi, vì khánh tận.»

Mersault đáp :

— Đáng lắm.

— Ồ, ở đời không nên đều quá. Lão được thỏa thích một thời như thế cũng phải. Có lúc lão có tới chín trăm ngàn quan...Chà ! nếu vào địa vị tôi !

Emmanuel hỏi :

— Thì bố làm gì ?

— Tao sẽ tậu một cái nhà, bôi chút nhựa lên rốn để cấm cái cờ. Rồi nằm chờ thời.»

Mersault lặng lẽ ngồi ăn. Cho đến lúc Emmannel bắt đầu kể cho lão chủ quán nghe trận đánh nổi tiếng của nó trên sông bờ Marne.

«Bọn zouaves chúng tôi được lệnh dàn hàng ngang...

Mersault tỉnh khô nói :

— Thôi đi mày.

— Chỉ huy trưởng hô : Tiến ! thế là tụi tôi lao xuống, thung lũng sâu ghê lại nhiều cây. Lệnh bảo tiến, nhưng không thấy bóng địch quân ở trước mặt. Thế là mọi người cứ tiến lên khơi khơi vậy đó. Bỗng đâu súng máy bắt đầu lia thẳng vào bọn tôi. Tất cả gục ngã chồng chất lên nhau. Chết với bị thương ở dưới lòng thung lũng nhiều đến nỗi máu đọng lại có thể bơi thuyền qua. Có anh la lên : Má ơi ! con sợ quá.»

Mersault đứng lên, buộc một nút trên chiếc khăn áo. Lão chủ quán đi ra bên sau cánh cửa ghi thêm bữa ăn đó. Sở của lão đó. Có ai cự nự thì lão nhắc cánh cửa ra khỏi ổ, vác lên lưng tấm sớ đưa ra. Trong góc nhà thẳng René con trai lão ngồi ăn một quả trứng lòng đào. Emmanuel nói : «Tội nghiệp thằng nhỏ bị phôi.» Thật vậy. René lúc nào cũng lạng lẽ, đứng đắn. Nó không

gầy lắm, nhưng tia mắt sáng rõ. Lúc đó một khách ăn đang nói cho nó nghe bệnh lao «chịu khó giữ gìn lâu ngày cũng khỏi». Nó đồng ý, ngừng ăn để nghiêm trang đáp lời. Mersault tới đứng tựa vào quầy rượu ở gần nó uống cà phê. Người kia nói tiếp : «Cháu có biết Jean Pérez không nhỉ ? Y làm ở Công ty Hơi đốt. Mới chết. Y bị nám một bên phổi. Nhưng không nám nhà thương cứ đòi về nhà. Ở nhà lại có vợ y. Vợ y khỏe như vâm. Cái bệnh của y nó làm ra thế. Cháu biết không lúc nào y cũng treo lên mình vợ. Con vợ y nó không chịu. Nhưng y ghê quá. Thế là ngày nào cũng hai ba lần, rớt cuộc người bệnh chết.» René miệng ngậm một miếng bánh, không ăn, ngó chăm chăm người đàn ông. Sau nó nói : «Đúng, mắc bệnh thì mau, nhưng trị dứt phải lâu ngày.» Mersault lấy ngón tay viết tên nó trên lớp hơi nước đọng bên ngoài cái máy pha cà phê. Nó nheo mắt. Từ thẳng bé ho lao lạng lẽ tới Emmanuel ca hát tung bừng, cuộc đời của nó hằng ngày bị đưa đẩy giữa những mùi cà phê và dầu hắc, tách rời con người nó, không chút thiết tha, cuộc đời cách biệt hẳn với tâm tư nó, vô ý nghĩa. Cũng những sự việc mà thời nào khác nó thấy say mê, bây giờ nó không biết đến chỉ bởi nó đang sống trong đó, cho đến lúc trở về căn phòng riêng đem hết cố gắng và thận trọng giập tắt ngọn lửa sống đang cháy bên trong.

Lão chủ quán hỏi :

«Này, Mersault, cậu có được học.

Patrice nói :

— Đúng, không sao đâu, sẽ khỏi mà.

— Gớm, sáng nay trông cậu khỏe khoản quá. »

Mersault mỉm cười, rời quán, băng ngang đường, lên phòng mình. Căn phòng ở trên một tiệm bán thịt ngựa. Đứng trên bao lon cúi xuống nó ngửi thấy mùi tiết và đọc được bằng hiệu : «A la plus noble conquête de l'homme.» Nó nằm dài trên giường, hút một điếu thuốc rồi thiếp ngủ.

Nó ở trong căn phòng của mẹ nó. Đã từ lâu nó sống trong căn nhà nhỏ ba phòng này. Còn lại một mình, Mersault cho một người bạn làm nghề đóng thùng rượu mươn hai phòng ở với cô em gái, chỉ giữ lại một phòng tốt nhất. Mẹ nó chết năm bà năm mươi sáu. Xinh đẹp, hồi sinh thời bà tưởng có thể làm đáng,

sống một đời sống sung túc, rục rờ. Khoảng bốn mươi, bà mắc một chứng bệnh ngặt nghèo. Bao nhiêu áo đẹp, son phấn phải rũ bỏ, chỉ còn áo nhà thương, khuôn mặt bị sưng vù méo mó, gần như phải nằm một chỗ vì hai chân phù, không đứng vững, sau lại gần như bị mù, mò mẫm trong căn nhà u uất, không ai trông nom được. Bệnh đến bất ngờ và rất mau. Bà bị bệnh nước tiểu đường nhưng bỏ qua không chữa chạy và thêm nặng vì lối sống bất cần của bà. Nó phải bỏ học để đi làm. Cho đến ngày bà mẹ chết nó vẫn tiếp tục đọc sách và suy gẫm. Trong mười năm trường người đàn bà đau phải chịu cuộc đời như vậy. Cảnh khổ kéo dài quá đến độ những người ở chung quanh đã quen với bệnh tật và quên rằng bị bệnh nặng bà mẹ sẽ bất thần chết. Một hôm bà chết. Lối xóm ai cũng cảm thương Mersault. Đám táng được mọi người cho là quan trọng lắm. Sự hiếu thảo của người con đối với mẹ được nhắc nhở. Bà con xa được mọi người khuyên không nên khóc kéo làm cho Patrice thêm đau khổ. Mọi người van vì những bà con xa hãy dùm bọc, che chở cho nó. Trong khi đó, nó cố gắng ăn bận cho e hinh tề, tay cầm mũ, đứng ngó mọi chuẩn bị cho đám táng. Nó đi theo xe tang dự lễ tại nhà thờ, liệng nắm đất và bắt tay mọi người. Có mỗi một lần nó ngạc nhiên và tỏ ý không bằng lòng thấy có ít xe quá cho khách. Thế thôi. Ngày hôm sau người ta thấy treo bên ngoài một khung cửa sổ của căn nhà tắm bằng : « Cho thuê. » Bây giờ nó sống trong căn phòng của bà mẹ. Trước kia cảnh nghèo ở gần mẹ có cái dịu dàng của nó. Tối đến mẹ con gặp nhau lặng lẽ ngồi ăn bên ngọn đèn dầu, có cái hạnh phúc kín đáo trong sự đơn sơ, ăn dật. Khu phố chung quanh phẳng lặng. Mersault ngó cái miệng chân chương của mẹ và mỉm cười. Bà mẹ cũng mỉm cười. Nó tiếp tục ăn. Ngọn đèn hơi bốc khói. Bà mẹ vịn lại bấc, vẫn một cử chỉ mòn mỏi, riêng cánh tay phải đưa ra, người ngả về phía sau. Lát sau bà mẹ hỏi : « Con không đói nữa ư ? » « Không » Rồi nó đọc sách hay hút thuốc. Trường hợp thứ nhất, bà mẹ nói : « Lại hút nữa. » Trường hợp thứ hai : « Lại gần đèn con làm hư mắt mắt đó. » Bây giờ, ngược lại, cảnh nghèo trong cô độc thật là một cảnh khổ. Mỗi khi Mersault buồn bã nghĩ tới người đã khuất, thật ra cảm thương lại dồn về chính nó. Nó có

thể ở chỗ tốt hơn, nhưng nó thích căn nhà này và cái mùi vị nghèo của nó. Ít nhất ở đây nó gần gũi với dĩ vãng của nó, trong một cuộc sống mà nó cố tình tự che lấp đi, trong cuộc trực diện thâm hại và kiên nhẫn nó có thể tự tìm hiểu vào những giờ buồn khổ, tiếc nuối. Ngoài cửa nó vẫn giữ nguyên mảnh bia cứng màu sẫm, những góc cạnh đã mòn, trên đó bà mẹ viết tên nó bằng bút chì xanh. Nó giữ lại cái giường cổ gọng đồng nệm phủ bằng vải bông, tấm hình ông nội có tí râu và cặp mắt sáng bất động. Trên mặt lò sưởi những người chần chừ nam nữ bao quanh chiếc đồng hồ đã chết cùng với cây đèn dầu hơi nó hầu như không thắp tới nữa. Khung cảnh luộm thuộm những chiếc ghế nệm ngồi đan bằng rơm đã trũng xuống, cái tủ đứng với tấm gương đã vàng khè và cái bàn rửa mặt bị vệt mất một góc, hầu như không có đối với nó, bởi thói quen đã mài rũa đi mất hết. Nó qua lại trong cái bóng của một căn nhà không đòi hỏi ở nó một cố gắng nào. Trong một căn phòng khác có lẽ nó sẽ phải làm quen với cái mới, và ở đó nó còn phải gắng công. Nó chỉ muốn thu thật nhỏ lại cái bề ngoài thiên hạ nhìn thấy và ngủ vùi cho tới lúc tan biến hết. Có ý tưởng đó, căn phòng này rất thích hợp cho nó. Căn phòng một phía trông ra đường, một phía trông ra cái sân thượng lúc nào cũng phơi đầy quần áo, nhìn cái sân thượng thấy những mảnh vườn hẹp trồng cam kết giữa những bờ tường cao. Thỉnh thoảng, những đêm mùa hè, nó để căn phòng tối đen, mở khung cửa sổ về phía sau sân thượng và những mảnh vườn u tối. Từ đêm tối đưa vào đêm tối, mùi hoa cam thơm nức bao quanh nó như những tấm khăn mỏng. Suốt đêm mùa hạ, căn phòng và nó chìm trong làn hương vừa phảng phất vừa đặc nặng, nó có cảm tưởng như chết đi đã nhiều ngày bỗng lần đầu tiên mở mắt nhìn đời.

Nó tỉnh dậy miệng còn ngái ngủ và đắm mò hơi. Đã trễ. Nó chải đầu, vội chạy xuống, nhảy lên xe điện. Hai giờ tám phút nó tới nơi làm việc. Nó làm việc trong một gian nhòm lớn bốn bề tường là 414 cái hộp trên đó chồng chất những hồ sơ. Gian phòng không bẩn, không tối tăm, nhưng suốt ngày lúc nào cũng có vẻ như một thạch động chôn người trong đó thời khắc lần lần tan rã. Mersault soát lại những tài hóa đơn, phiên dịch những bằng

kê nhu cầu phẩm vật của các tàu hàng Anh và, từ ba đến bốn giờ chiều, tiếp khách hàng tới gửi những gói đồ. Chính nó đã xin công việc này tuy thật ra nó không thích. Nhưng hồi đầu nó thấy đó là một cánh cửa mở vào đời. Tại đó có những khuôn mặt thật sinh động, những người quen biết, một sự đổi thay và một không khí ít nhất trong đó nó còn thấy sống. Nhờ đó nó thoát khỏi phải chạm mặt ba nữ thư ký đánh máy và viên chủ sự Langlois. Một cô trong ba thư ký đánh máy khá xinh và mới lấy chồng. Cô thư hai sống với bà mẹ còn người thư ba là một bà già cứng cỏi và đường hoàng, Mersault ưa lối nói văn hoa và nét kín đáo về những « chuyện buồn riêng » của bà ta, như lời Langlois nói. Người này hay gây gổ với bà già Herbillon nhưng bao giờ bà ta cũng thắng. Bà khinh Langlois vì mờ hơi ướt cả quần áo vào móng và trước mặt ông giám đốc cứ cuống quýt cả lên, hoặc đôi khi nghe điện thoại thấy xưng danh một thầy cãi hay một cha nào có tên tuổi. Tội nghiệp thằng cha không có cách nào làm cho bà già dịu bớt hay tử tế lại cho hẳn. Chiều hôm đó hẳn ước ọ qua lại giữa phòng. « Bà Herbillon bà không thấy tôi để thương sao ? » Mersault đang dịch : « Vegetables, vegetables », bận ngâm ở trên đầu nó chiếc bóng điện và cái chụp bằng bia màu lục xếp lại. Trước mặt nó là một tấm lịch bằng bia cũng có in hình màu cuộc lễ tạ ơn của dân chài ở Terre Neuve. Cái đề nhúng nước vào đầu ngón tay, bàn thấm, lọ mực và cái thước kẻ sắp hàng trên bàn. Ngoài cửa sổ nó ngó thấy những đồng lớn gỗ sục từ Na Uy chở tới bằng những chiếc tàu sơn trắng và vàng. Nó lòng tai nghe. Sau bức tường, cuộc sinh hoạt thờ từng nhịp dài âm ỉ trên mặt biển, trên bến tàu. Thật vừa rõ xa vừa rất gần nó... chuồng tan sở lúc sáu giờ thả nó ra về. Đó là một ngày thứ bảy.

Trở về nhà nó đi nằm và ngủ cho đến giờ ăn bữa tối. Nó tráng mấy quả trứng rồi ăn luôn ngay trong chảo (không có bánh mì vì nó quên mua) rồi lại nằm và lập tức ngủ đi cho tới sáng hôm sau. Nó thức dậy vào lúc gần tới giờ ăn trưa, rửa mặt rồi xuống đi ăn. Trở lên, nó chơi hai bàn ô chữ, tỉ mỉ cắt một tấm quảng cáo thuốc tiêu Kruschen đem dán trong cuốn tập có đầy những hình ông nội chịu chơi đang tuột trên tay thang. Xong, nó đi rửa tay rồi ra đứng bên bao lon. Buổi chiều trời đẹp.

Nhưng mặt đường nhầy nhụa, người qua lại ít, và còn có vẻ vội vã. Nó đưa mắt dõi theo từng người, bỏ rơi khi xa quá tầm mắt, và quay lại tìm người qua đường khác. Trước hết là từng gia đình đi chơi mát, hai đứa trẻ bận quần áo kiểu thủy binh, quần trên đầu gối, lưng túng trong bộ áo cứng nếp và một cô gái nhỏ với mũi băng lớn màu hồng và đôi giày đen da láng. Theo sau là bà mẹ trong chiếc áo lụa màu hạt dẻ, như một con vật đồ sộ có quần thêm tấm lông thú, người cha bộ trang trọng hơn, tay cầm cái cần. Lát sau tới lượt bọn trai trẻ trong khu phố đi qua, tóc chải mượt, cà vạt đỏ, áo bó chèn với mảnh khăn thêu trên túi và đi giày mũi vuông. Họ đi coi chiếu bóng tại trung tâm thành phố, vừa cười lớn tiếng vừa vội leo lên xe điện.

Bọn họ đi rồi khu phố trở nên vắng bót. Khắp hơi các cuộc du hí đều đã bắt đầu. Bây giờ khu phố dành cho các chủ tiệm và lũ mèo. Nền trời tuy trong trẻo nhưng không chói sáng bên trên hàng cây sung hai bên hè. Đối diện Mersault, ông chủ quán thuốc lá xách cái ghế ra trước điện cửa ngồi lên như cỡi ngựa hai tay ôm lấy lưng ghế. Đoàn xe khi này gần như không có người. Trong quán cà phê nhỏ « Chez Pierrot », chủ bồi quét mặt cửa trong căn phòng vắng khách. Mersault cũng quay ghế lại như kiểu ông chủ quán thuốc lá và hút liên tiếp hai điếu thuốc. Nó trở vào trong phòng bẻ một miếng sô cô la rồi quay ra đứng ở cửa sổ mà ăn. Lát sau trời tối sầm và lập tức lại quang đãng. Nhưng ánh mây qua tường như còn để lại trên con phố như một hứa hẹn sắp mưa khiến có vẻ u ám hơn. Năm giờ, xe điện ồn ào trở lại, đưa về từ những vận động trường ngoại thành từng đám khán giả bu trên những bậc lên và bên thành toa. Chuyển xe sau đưa về những đầu thủ nhận thấy qua những chiếc va li nhỏ của họ. Họ la và lớn tiếng hát rằng hội của họ không bao giờ thua. Nhiều đầu thủ vậy gọi Mersault. Một người la : « Thắng bọn họ rồi ! — Thế hả », Mersault lắc đầu đáp vậy. Rồi xe hơi trở lại đông đảo. Có chiếc chất những bó hoa trên tai xe và trên vệ cần. Ngày còn

lại nhộn nhịp một chút. Trên mái nhà trời ửng đỏ. Tối đến đường xá lại ồn ào. Những người đi dạo chơi đã quay về. Mỗi một, trẻ con khóc hay để cho kéo đi xềnh xệch. Lúc đó các rạp chiếu bóng trong khu phố đổ ra đường một lớp khán giả. Mersault tìm lại trong những cử động rần rỗi và huynh hoang của đám tuổi trẻ từ các rạp chiếu bóng đi ra sự phẩm bình vô thức cuốn phim phiêu lưu mà họ vừa xem. Những người đi coi tại các rạp ở trung tâm thành phố lát sau mới về tới. Trông họ trầm mặc hơn. Giữa những tiếng cười và những trò tiêu lâm, trong mắt họ hiển hiện như một niềm tưởng nhớ những cảnh đời lộng lẫy mà điện ảnh mới hé lộ với họ. Họ đi qua đi lại ngoài đường. Thành ra trên mặt hè đối diện với Mersault có hai dòng người. Những thiếu nữ trong phố, tóc bỏ xỏa, nắm tay nhau thành một dòng. Những thanh niên, một dòng khác, thả những lời đùa cợt làm cho các cô cười nhưng ngoảnh mặt đi. Những người đứng tuổi vào các quán rượu hoặc đứng tụm lại từng bọn trên hè khiến cho dòng người đang chảy rẽ ra như nước trôi qua những cồn cát. Đường phố đã lên đèn, những bóng điện làm mờ đi những chấm sao đêm đầu tiên mới mọc. Dưới chân Mersault hè phố trải dài chứa đầy người và ánh sáng. Ánh đèn làm lóng lánh những viên đá lót đường nhẩy nhụa và những toa xe điện thỉnh thoảng từng chap đều nhau rọi ánh sáng lấp lánh trên những mái tóc bóng, một vành môi ướt, một nụ cười hay chiếc vòng bạc. Lát sau, với những chuyến xe điện thưa bớt và đêm đã đen bên trên những chòm cây và những ngọn đèn, khu phố lần lần hết người và chú mèo đầu tiên chạy ngang mặt đường đã vắng trở lại. Mersault nhớ tới bữa ăn. Tựa đầu quá lâu trên thành ghế nó cảm thấy mỏi cổ. Mersault xuống mua bánh và mì khô, nấu lấy rồi ăn. Nó lại trở ra cửa sổ. Có người ra đứng ngoài đường, trời đã dịu bớt. Nó ớn lạnh, đóng cửa kính, quay lại trước tấm gương treo trên lò sưởi. Trừ những đêm có Marthe tới chơi hay cùng nó ra phố, hoặc viết thư cho

những bạn gái ở Tunis, trọn cuộc đời nó ở trong khung cảnh vàng khè của tấm gương phản chiếu một căn phòng với chiếc đèn cồn câu bên bên những mẫu bánh mì.

Mersault nói : « Thế là lại hết một ngày chủ nhật. »

albert camus.

M. Đ. dịch

HOÀNG NGỌC TUẤN

trời hay mưa khi trở về

Mưa lất phất không lớn lắm nhưng không lúc nào chịu dứt hạt. Rong rã đã mấy ngày nay cho đến bây giờ, buổi sáng cũng mờ mịt như buổi chiều vì không có chút ánh nắng mặt trời.

Chiếc áo poncho trùm kín người đã ướt mềm và chàng cảm thấy những giọt nước lạnh bắt đầu thấm vào trên da thịt. Gió rừng quất từng ngọn như lần roi lạnh buốt vào mặt. Chàng run lẩy bẩy như đứa trẻ con mặc quần áo đã quen chịu lạnh, nhất là hai ông chân dính đầy sinh lý và ngập nước khi vô tình bước vào những đồng bùn ở đâu đó.

Chàng bặm môi, cúi đầu xuống để tránh gió, cố gắng dần những bước chân nặng trĩu trên đường đèo. Đôi botte de saut có sửa dưới đế nhưng vẫn không bám vững được trên lớp đường lầy trơn trượt, và chàng đã té nhào một lần ở đầu dốc đèo, tóc tai áo quần bết đầy bùn đỏ.

«Ráng thêm chút nữa, linh tráng ai mà lại ngán đi bộ». Chàng cứ lẩm bẩm nói thầm cho đỡ lạnh và đưa mắt nhìn xuống con đường đèo ngoằn ngoèo, và vội mắt hút sau dãy núi. Từ trên đỉnh xuống dưới chân núi có gần đến 10 km, và chắc có lẽ chàng phải lội bộ suốt cả đoạn đường gập ghềnh này, vì bây giờ sớm quá nên không có xe nhà binh nào xuống núi để đi quá giang. Trên đường đèo vắng vẻ chỉ có mình chàng và lúc đặc vài ba người

Thượng gánh củi. Qua khỏi một khúc quanh, chàng như nhìn thấy mơ hồ trong làn mưa, xóm nhà nhỏ bé dưới chân núi.

« Xuống dưới đó, mình sẽ phốc lên xe đồ ra Đông Hà... Rồi từ Đông Hà đón xe lần nữa, chạy chừng hơn hai giờ là về đến Huế. » Huế... trời ơi trở về Huế một lần rồi chết cũng được.

Mưa thêm nặng hạt. Xóm nhà gỗ tời tàn của dân định cư hiện ra dần rõ hơn. Chàng nhìn thấy một chiếc xe đồ mui chở đầy củi đang chạy rề rà dọc theo con đường đỏ, còi xe thỉnh thoảng kêu ròi rạc vài tiếng gọi khách.

Chàng bước vội vã hơn, bắt chấp trượt té trên đường sinh lý. Và chàng đã được dân địa phương cho biết xe đồ cứ cách hơn một giờ mới có một chuyến ra Đông Hà.

Và lúc này, thì giờ của ngày trở về quê nhà, là thì giờ bằng vàng bạc.

Khi chàng bước xuống khỏi chiếc xe đồ, ở bến xe Phú Văn Lâu, chàng nao nao gặp lại những hình ảnh quen thuộc của Huế. Ngay từ phút đầu tiên, những cô gái bán hàng chạy lại vây quanh hành khách, mời mua mè xừng và nem, quán bún bò ở đầu bến xe tỏa ra mùi khói thơm quyến rũ.

Trời đã bớt mưa, nhưng vẫn còn những hạt đen mông trong không khí. Chàng bước vội vàng ra khỏi bến xe, đi dọc theo con đường bờ sông. Chàng hơi ngượng khi thấy nhiều người đều chú ý đến bộ áo quần nhà binh dính đầy bùn khô của mình, và chắc bộ mặt cũng lem luốc lắm.

Nhưng chàng vẫn sung sướng ngắm nhìn mọi người, phố xá, con đường sống nước với những chiếc xe xích lô bít bùng qua lại chậm chạp. Như một đứa bé lần đầu tiên được dẫn đi dạo phố, chàng bồi hồi chiêm ngưỡng thành phố xưa cũ này, trước đây quen thuộc biết bao đối với chàng như những đường chỉ tay.

Trước đây, nghĩa là cách lâu lắm rồi, hơn năm sáu năm. Từ ngày chàng giả từ Huế ở vào tuổi thanh niên mới lớn, rồi không hề trở lại một lần. Ở giữa những đô thị huyền ảo, cuộn cuộn với những công ăn việc làm vô tích sự hay những ngày lê la, chàng quên bằng Huế đi mất. Chỉ đôi khi trong một chút mơ mộng, hình

ảnh của quê nhà, mái ngói, vườn cây, con sông, cây cầu... mơ hồ chợt đến trong tâm hồn, mờ nhạt và yêu kiều như một chuyện tình thơ ngây đã mất.

Giờ đây, Huế trước mắt chàng, nhưng lạ lùng quá. Không có một người que 1 mỉm cười chào, không một tiếng nói mừng gặp gỡ. Tất cả như thu gọn trong một tấm hình trước mắt chàng, cảm lạnh và lạnh nhạt.

Cả thành phố cũng gần như nhỏ lại đi. Những dãy phố và con sông trước kia chàng thấy bao la biết bao, nay bỗng thu mình lại như những chiếc hộp giấy bé nhỏ. Nhưng bé bỗng đã mang nhiều nét xinh xắn đáng yêu. Chàng như muốn chạy một mạch về đến nhà để xem ngôi nhà cổ kính có thay đổi gì không. Chàng sợ nhất là nó bị tàn phá hay xây lại theo kiểu mới.

Chàng nóng ruột bước vội vã, quên cả gió lạnh thổi mạnh vào người. Mỗi bước chân như bàn tay nong nân vuốt ve thân thể của thành phố. Huế như là thân thể của một thiếu nữ mềm mại, bàn tay chàng chỉ mới vuốt ve mái tóc, khuôn mặt, chiếc cổ và giờ đây đang nồn nóng chạy lần xuống làn ngực trắng hồng.

Có tiếng còi ré lên làm chàng giật mình quay lại. Từ dưới hiên một rạp chớp bóng, viên quân cảnh này giờ đứng núp mưa hăng hái tiến đến phía chàng. Có lẽ vì chiếc *poncho* của chàng quá tồi tả và dơ bẩn và vẻ mặt đang ngơ ngáo vội vàng của chàng.

Chàng lúng túng luồn tay vào trong túi quần đưa giấy tờ ra cho viên quân cảnh. Y hỏi thêm :

— Giấy phép đâu, ông ?

Y nói chữ « ông » có vẻ đùa cợt thân mật nhưng chàng biết y rất sẵn sàng mời chàng về quán trấn nếu chàng đỡ chuyện luật lệ ra nói với y.

Chàng mỉm cười, nói với giọng hơi bông đùa :

— Chỉ có « phép miệng » thôi. Lâu lắm mới có dịp hành quân ngoài vùng này một lần, ông Tiểu Đoàn Trưởng cho về thăm nhà một hai ngày.

Viên quân cảnh có vẻ chú ý nhìn râu tóc bệ bối của chàng. Nếu chàng là lính trú đóng ở đây, chắc thế nào y cũng làm khó dễ ngay. Nhưng xem chừng y có vẻ thông cảm, ái ngại nhìn bùn lầy dính đầy từ đầu tới chân của chàng.

Y mỉm cười, trả giấy tờ và nói cho có chuyện.

— « Lội » trên đó chắc cực lắm hả.

Chàng nói với y một câu xã giao và tiếp tục đi, băng qua đường, lên cây cầu mà ngày xưa đã đi qua nó cả ngàn lần.

Cầu Trường Tiền, sáu vài mười hai nhịp... giờ đây đã không còn nguyên vẹn. Chỉ còn năm vòm cầu, và ở giữa trơ trọi một vòm gãy đổ từ chiến cuộc Tết Mậu Thân. Cầu Trường Tiền, thừa nhỏ chàng đạp xe đạp co ro đi qua nó trong những chiều mùa đông trắng xóa. Gió từ dòng sông thổi lên lạnh muốn chết, và biết bao cô cậu bé phải nghiêng răng giữ chặt « ghi đông » xe để khỏi bị cuốn bay đi mất.

Dòng sông Hương giờ đây man mác trong màu mưa, lặng yên nhẩn nhục như một cuộc đời an phận, sóng sánh trên mặt nước những con đò nằm san sát bên cạnh nhau, nối kết như trong một thế giới nhỏ nhoi nghèo nàn. Khi đêm âm u xuống mờ thấp sáng trong khoảng đỏ tiếng cười rã rời của những kỷ nữ.

Ngược chiều với chàng trên cầu, những thiếu nữ nắm tay nhau đi học về. Kín đáo trong chiếc nón lá, màu áo mưa đỏ hay tím và bên trong thấp thoáng những tà áo lụa trắng. Trời giá lạnh nên không thấy những đôi môi hồng, những đôi má xanh xao đáng yêu biết bao và ánh mắt nào cũng óng ánh đen như chôn kín ước mơ sâu thẳm nào đó.

Áo dài Đồng Khánh. Ngôi trường mỗi chiều thả ra cho con đường bao nhiêu là áo dài trắng, rợp mát bờ sông. Và trên bậc thềm của lăng miếu trước trường, thuở mới lớn chàng đã ngồi đó mấy trăm lần, ngây dại ngắm nhìn đoàn thiếu nữ rộn rịp xuống đò qua sông. Ở cái thời nhỏ mơ mộng ấy, thông thường chàng vẫn « chọn » một cô gái nào diễm lệ dài các nhất, lớn tuổi hơn chàng càng tốt, để tưởng tượng « nàng » là người yêu của mình, rồi đêm đêm thao thức vẽ vời nên biết bao thiên tình sử đắm nước mắt mà chàng nhất định phải đóng vai chính trong đó. Một vai thật hào hùng lãng mạn cỡ như *Roméo* hay *Hamlet*.

Giờ đây, chàng nhìn thấy những thiếu nữ ấy mỏng manh như cánh chim trên cõi thiên đàng. Nhưng cửa ngõ thiên đàng dường như lúc nào cũng đóng kín trước mặt chàng. Vì nếu bây giờ có

một thiên tình sử nào, chắc là chàng chỉ được đóng vai phụ. Áo lính dày thô kệch, đen đũi, túi rỗng và lê la trên những miền khô cạn... những thứ đó bây giờ dính liền với con người chàng, ai mà cho giữ một vai chính hào hoa phong nhã được.

Chàng đi qua hết những nhịp cầu, nhưng vẫn đi trên bờ sông mưa xanh mượt.

Chậm rãi trên con đường nhỏ khuất lấp bởi hai hàng cây, và dừng lại. Ngôi nhà xưa chàng đã ở, giờ đây đang trước mặt chàng.

Tâm hồn chàng rung động êm ái khi nhìn thấy lại. Thấy hình ảnh tường chừng như đã đổi vở.

Ngôi nhà còn đó. Lặng lẽ, cô tịch, thêm một chút già nua của rêu xanh bám trên nóc. Nhưng vẫn còn đứng vững như một hòn đá cuội bên bờ suối. Cổng vào vẫn vương vãi lớp sỏi trắng, nhưng trong sân tiêu điều xơ xác hơn thuở trước, không còn vườn khoai sắn, không còn những bồn cỏ đầy hoa hồng và hoa huệ trắng. Trên bao lơn, giàn hoa giấy trái tím vỡ cũng tan biến đi đâu mất. Chàng không còn được nhìn thấy màu đỏ lấm tấm rực rỡ của loài hoa đó, và cả những nhánh hoa công chúa màu tím cũng đã tàn tạ từ thuở nào.

Nhưng dù sao, chàng vẫn thấy mình nao nức sung sướng, nghe bước chân đập ngấu nghiêng rợn rã trên lớp đá sỏi. Hai cây tùng già cổ thụ lá vẫn còn trước nhà, và chàng đi theo con đường nhỏ vòng quanh ra phía sau, dưới bóng mát của những cây nhãn lồng nhưng chưa đến mùa hè trái chín.

Ra phía bên hông ngôi nhà, chàng đưa mắt tìm kiếm một người. Chàng như mừng tượng thấy bà ngoại chàng đang ngồi trên tấm « phẳng » rộng, ôm lồng ấp trong tay, đang lăm nhăm đọc bộ *Nhạc phi diễn nghĩa* và lồm bồm nhai trầu. Cảnh tượng êm đềm ấy đã ghi sâu vào đầu óc hồi còn non nớt của chàng và chàng ao ước được nhìn thấy lại. Nhưng không thấy bóng dáng ai trong nhà cả. Vắng vẻ, lặng thinh đến nỗi chàng có thể nghe được tiếng chim sâu nhảy nhót riu rít trong khóm tre, và mơ hồ một trái sung chín nào đó vừa rụng trên mặt nước ao.

— Ông tìm ai ?

Chàng giật mình. Mãi nhìn quanh quẩn trong vườn, chàng không nhìn thấy một người đã xuất hiện trong nhà. Từ những bậc thềm của nhà trên bước xuống, không khua vang một tiếng động nào.

Một người, nhưng không phải bà ngoại chàng hay là một người bà con quen biết nào. Một người hoàn toàn xa lạ, một thiếu nữ.

Nàng bước ra khỏi bóng tối âm u của ngôi nhà, đứng trên sân, để một chút ánh sáng hiem hoi của buổi chiều lúc 4 giờ soi rõ mặt nàng.

— Xin lỗi, ông tìm ai ở đây ạ ?

Rõ ràng đó là giọng nói rất ít thiện cảm đối với một người lạ mặt, nhất là một người đàn ông ăn mặc dơ bẩn luộm thuộm và mới nhìn qua bề ngoài, chắc chỉ thấy những dấu hiệu không mấy hiền lành.

Chàng lúng túng nói :

— Xin lỗi cô... bà ngoại tôi có nhà không ?

Chàng chợt nghĩ là mình ngốc hết sức, thiếu nữ lạ này làm sao biết bà ngoại chàng là ai. Nhưng thiếu nữ đứng lặng yên quan sát chàng một chút có vẻ suy nghĩ.

— Thế ông là cháu bà cụ à ?

— Vâng.

— Bà cụ đi Sài-gòn cách đây hai ngày rồi, có lẽ tuần sau mới về.

Chàng như rơi vào một cõi trống rỗng khủng khiếp. Thế là bà ngoại chàng, người duy nhất thân thuộc còn sót lại trong ngôi nhà này đã đi vắng. Và chàng đương nhiên trở thành một kẻ qua đường xa lạ đối với chính mái nhà xưa của chàng.

Chàng đứng lặng yên không nói gì và cũng không biết làm sao cả. Giọng nói trầm ấm của thiếu nữ bỗng vang lên, lần này đã bớt vẻ e dè.

— Gia đình chúng tôi thuê nhà của bà cụ đã một tháng nay. Bà cụ ở một mình nên muốn có thêm người cho vui.

Chàng thấy mình có vẻ sợ, một cách vô lý, khi đã đứng trong sân nhà mình. Cơn mưa lất phất làm chàng run mình.

— Mời ông vào nhà chơi một lát, trời bắt đầu mưa lớn rồi, chàng giật mình nhìn người thiếu nữ, ngập ngừng bước vào trong nhà. Chàng bỗng mỉm cười.

Thật kỳ cục. Được một người lạ mời vào nhà của chính mình, rụt rè đứng nhìn quanh căn nhà mà mình đã thuộc lòng từng ô mục trong cột sần, từng lò bếp, từng khoảng sân phơi áo quần.

Chàng ngồi trên chiếc ghế trường kỷ, trên thành ghế đen bóng. Mặc dù trời chưa chiều lắm, nhưng trong nhà đã nhá nhem tối. Thiếu nữ bật sáng ngọn đèn. Ánh sáng bùng lên ấm áp như cách biệt hẳn với màu mưa buồn bã bên ngoài.

Chàng đã nhìn thấy rõ thiếu nữ. Có lẽ không biết gọi nàng là gì. Nàng khoảng trên hai mươi tuổi, tóc vấn cao để lộ chiếc cổ trắng, mắt đen sâu có một vài điều gì u buồn nào đó. Chiếc áo len màu đen quàng lên vai áo lụa trắng, nàng là một người nữ ở giữa biên giới của thiếu phụ và thiếu nữ. Mối hồng của trẻ thơ nhưng đáng diệu chậm rãi êm đềm của một người đàn bà.

— Anh vào trong nhà rửa mặt, có nước nóng.

— Cảm ơn cô.

Chàng đứng dậy. Thiếu nữ định hướng dẫn chàng nhưng chàng mỉm cười :

— Tôi biết nhà này rõ hơn cả cô nữa.

Chàng lách mình qua cánh cửa nhỏ, thay vì vào phòng tắm có bồn nước ở nhà trên, chàng đi ra phía sau sân, tìm một vài dấu vết của ngày xưa. Chàng lại lu nước nhỏ đặt trên bệ đá, thích thú dùng chiếc gáo dừa múc nước đổ ào lên đầu mình. Khoảng sân mềm ướt nước mưa và lấm tấm những trái trứng cá chín mùi đã rơi theo gió. Chàng trở vào nhà, chú ý để khỏi té trên mặt đất trơn tuột, thừa nhận chàng đã nghịch ngợm chạy nhảy và ngã nhào trên sân này biết bao nhiêu lần.

Thiếu nữ đang ngồi đan chiếc áo len, những sợi len màu xanh thoăn thoắt trên tay nàng trông vui mắt như một điệu vũ. Chàng thầm mong là không phải nàng đan áo cho chồng. Chàng nhìn lên, bắt gặp ánh mắt của nàng nhìn chàng thêm một chút nụ cười mơ hồ nào đó trên môi. Chàng lưỡng lự tưởng chừng như nàng vừa đọc thấy ý nghĩ của chàng.

— Mời anh uống một chút cà phê.

Tách cà phê đen bốc khói lên bàn trông thật quyến rũ. Chàng sờ túi mình và mới biết đã hết thuốc lá nên định đứng dậy :

— Gần đây có sạp bán thuốc lá nào không cô ?

— Xa lắm, gần chợ mới có. Nhưng trong nhà có sẵn thuốc rồi

— Mong là không phải thuốc lá dành riêng cho cô.

— Của anh tôi, trại anh ấy ở gần đây.

Nàng tìm loay hoay ở đâu đó một bao thuốc lá. Chàng cũng không muốn khách sáo làm gì trong khi miệng thấy thêm hết sức hấp một tí cà phê đen đặc thơm nóng và rít một hơi khói thuốc. Chàng hình như hơi đuối người trên lưng ghế, cảm thấy sáng khoai một cách rõ ràng. Tách cà phê chậm chạp trôi từng ngụm trên miệng.

Thật tuyệt. Đây không phải là thứ cà phê bột pha với nước lạnh trong «bi đông», uống với vàng co ro trong một hốc đá trên đỉnh núi, ngồi bệt trên bùn đất với những thứ súng đạn, ba lô, dây ba chạc, lựu đạn, dao găm đeo lĩnh kính nặng nề quanh người.

Và giờ đây, thoáng nhìn ra ngoài. Mưa đang xanh trên khóm lá cây non, những tàu lá chuối rũ nước trông mềm như mái tóc đàn bà. Bên tai là tiếng rào rào của những giọt mưa trên sân đất, trên mái ngói, hòa với tiếng côn trùng kêu và thỉnh thoảng một chú ếch ương ngoài bờ ao ngập lên vài tiếng thật buồn cười.

Đây không phải là lon cà phê uống trong hầm trú ẩn bị nước dột, nước lạnh lảng ngập dưới chân khiến mọi người phải leo lên ngồi trên bao cát. Nhìn ra từ lỗ châu mai đặt súng, trời cũng mưa nhưng mưa âm ỉ buồn bã biết bao trên tháp canh của những lỗ cốt có người lính ngồi co rút nắp mưa, trên những hàng rào kẽm gai giăng đầy lựu đạn, trái sáng và mìn Claymore. Cũng có tiếng mưa rơi nhưng bị che lấp trong những tràng đạn đại bác bắn liên hồi vào trong núi, tiếng súng cối thật thình thịch hàng trăm quả về bốn phía, tiếng gầm thét của pháo lực trút bom nổ cháy rền trời sau dãy núi. Và thỉnh thoảng, tiếng rú ghê rợn của những quả trái phá địch bay xệt trên đầu, tất cả nhào xuống hầm cát hồi hộp chờ đợi một tiếng ầm nổ xé tai trên đất.

Chàng uống cạn tách cà phê, hút điếu thuốc ngon lạ thường và điếu này chưa tàn đã mời thêm điếu khác.

— Bà cụ thường nhắc đến anh luôn.

— Chắc là phải kèm theo mấy lời trách móc.

Chàng mỉm cười, nhưng đôi môi thiếu nữ vẫn khép kín với vẻ cảm lạnh. Nàng có vẻ phải miễn cưỡng tiếp chuyện khách trong lúc hai bàn tay vẫn không rời mũi kim và cuộn len.

— Bà cụ nói anh không hề viết thư cho bà.

— Đó là lỗi nhỏ nhất. Tội nặng nhất của tôi đối với bà, là học hành không đi đến đâu, và phải đi lính.

Thiếu nữ thở dài :

— Rồi cuộc ai cũng thế cả. Lính tráng, chiến tranh...

Nàng chợt ngừng đầu nhìn những vết bunn trên áo quần anh. Nàng hỏi :

— Chắc anh ở « ngoài đó ».

— Vâng.

Chàng hiểu cái chữ « ngoài đó » của nàng. Đó là miền giới tuyến, đánh nhau dài dài từ năm này qua năm khác và cho đến bây giờ.

— « Ngoài đó » chắc vẫn cứ giặc giã hoài.

— Cũng như thường lệ. Có người chết, người bị thương và người sống sót.

Nàng chợt mỉm cười, một lần đầu tiên.

— Mong rằng anh thuộc vào loại thứ ba.

— Thì bây giờ tôi ngồi đây là đã thuộc vào loại đó rồi, nhưng chỉ tạm thời thôi.

Thiếu nữ bỏ cuộn len, đứng dậy lấy chiếc tách không, rồi thêm một tách cà phê khác. Nàng nói :

— Đừng dùng chữ tạm thời.

— Nhưng ở thời buổi này chỉ còn cái chữ ấy là đúng hơn cả. Cái gì cũng tạm thời, sự sống, tình cảm, vui đùa...

— Tôi thích chữ vĩnh cửu hơn.

Cả hai đều im lặng giây lâu. Chàng nhìn thấy những người khác tan biến mờ mịt trước mắt chàng, và khuôn mặt của thiếu nữ tưởng chừng như cũng biến mất. Giọng nói của nàng, chợt vang lên có một vẻ gì cổ làm ra vui vẻ.

— Thôi đừng nói những chuyện ấy nữa.

— Đồng ý. Nói chuyện gì vui hơn. Ví dụ như... trên trần nhà chỗ gần cây cột kia, có rất nhiều tổ chim sẻ.

Chàng mỉm cười ngược mắt nhìn lên. Nàng ngạc nhiên :

— Sao anh biết ?

— Trần nhà là giang sơn của tôi hồi nhỏ. Trèo lên đó bắt chim, cắt đầu trái cây trộm và hút lên thuốc lá.

Nàng bật cười. Thật kỳ lạ. Chỉ một tiếng cười nhỏ cũng đủ xóa tan hết những nét phiền muộn của nàng, như ánh nắng mặt trời làm tan rã lớp tuyết. Nhưng chỉ một khoảng thời gian ngắn ngủi thôi, rồi nàng đã trở lại với nét lạnh lẽo cố hữu.

Chàng vẫn chưa biết tên nàng, nhưng chàng không muốn hỏi vì sợ thất vọng. Một thiếu nữ kiểu điển như nàng, mà lỡ có cái tên Hoa hay Liễu màu mè gì đó thì thật vô vọng. Chàng chợt nghĩ nàng có lẽ sẽ thích hợp hơn với một cái tên có âm thanh mềm dịu một chút, như Thúy hay Thụy gì đó cũng được.

Thiếu nữ chợt ngừng đan, bỏ cuộn len trên chiếc bàn máy may. Bàn tay nàng đặt duỗi dài trên thành ghế, nên bây giờ chàng mới thấy rõ. Một chiếc nhẫn vàng trên ngón tay áp út của nàng, dấu hiệu của một người đã có hôn phu hay chồng. Chàng cảm thấy khó chịu thật vô lý, nhìn chiếc nhẫn ấy bằng đôi mắt thù ghét. Không biết nàng có chồng thật không hay chỉ đeo chơi cho vui chiếc nhẫn để ghét ấy.

Chàng dụi tắt điếu thuốc, đứng dậy.

— Có lẽ tôi phải đi.

— Sao thế ? Tối nay rồi anh ở đâu ?

Chàng nói dối :

— Ở nhà người bạn.

— Anh cứ ở lại đây đi, nhà của anh mà.

Chàng nhìn quanh nhà, những dấu hiệu quen thuộc nhưng bây giờ đã như một người lạ khó tính mà chàng không có quyền nói ý một điều gì hết.

— Tôi thấy... hơi bất tiện.

— Không có gì đâu. Mẹ tôi qua phố có việc, đến tối sẽ về. Mấy đứa em đi học cũng sắp về rồi, và anh tôi nếu tối nay không trực cũng sẽ ngủ nhà. Ban đêm ở nhà tôi vui lắm.

Chàng biết. Về lạng lẽ âu sầu của buổi chiều trong nhà này chỉ ngán ngủ thôi. Đêm đến, bên mâm cơm nghi ngút khói và lò củi đốt tí tách, cả gia đình nàng sẽ quây quần bên nhau, quên hết trời đêm lạnh buốt bên ngoài. Mai nhà sẽ rộn rã tiếng cười đùa, và những đứa em của nàng, hay có lẽ là cả nàng nữa, sẽ vang vang tiếng học bài và lao xao trò chuyện. Chàng sẽ thừa thãi trong khung cảnh ấy.

Chàng mỉm cười tỏ ý cảm ơn với nàng, về lời mời, về bao thuốc lá và tách cà phê. Và nhất là về những thứ mà chàng không thể trả ơn được, đó là một thời khắc ngập tràn niềm vui lạ lùng của một chiều quen biết thật vô tình.

Thiếu nữ tiễn chàng ra cổng. Nàng cúi đầu nói:

— Hay là tuần sau anh trở lại đi, chắc lúc đó bà ngoại anh đã về nhà.

Chàng mỉm cười lắc đầu. Một thứ người như chàng, chưa bao giờ dám hẹn ở ngày mai chớ đừng nói là đến tuần sau. Nàng không nhớ cái chữ *tạm thời* mà chàng đã nói sao, hay là vì suốt đời yêu bình dưới mái ấm gia đình, nàng đã tin những điều vĩnh cửu, lâu bền là có thật. Chàng thành thật mong nàng giữ mãi niềm tin ấy vì chàng đã đánh mất.

Đêm nay có lẽ chàng sẽ xuống một con đò bành bồng trong mưa và sóng nước, ôm ả giang hồ rẽ tiền đề cho chắc là mình vẫn còn ở một nơi bình an. Sáng mai có lẽ chàng sẽ đón xe về chỗ đóng quân trên núi trở lại. Huế là thiên đàng cho những ai có bạn bè hay người thân. Và là một địa ngục kinh khủng đối với kẻ cô độc. Sáng một mình ở đây thà lao đầu xuống dòng sông Hương tự tử còn hơn.

— Chúc anh đi bình an.

Chàng không dám nhìn nàng một lần cuối, không dám quay đầu nhìn lại ngôi nhà mà chàng tưởng đêm nay sẽ đánh một giấc ngon lành như trẻ thơ, trong vòng tay ấm cúng của nó.

Trời đã bớt mưa, ánh sáng hồng mờ màng khẽ thoảng một chút sau màu trời xám. Mặt trời đến quá muộn. Cho dù mưa ngừng rơi, nhưng trời đã chiều và mặt trời say ngủ. Buổi tối, thời gian của bóng đêm và giá lạnh.

Theo vệ đường, dưới những tàn cây còn chan chứa nước.

Chàng đi qua giữa phố quê nhà, mà thấy mình như kẻ lạ.

hoàng ngọc tuần

6 - 71.

MUỜNG MẢN

luồng khói

Người đàn bà đứng tựa vào khung cửa, khuôn mặt gần như nhuộm bệnh ngược lên nhìn vờ vẩn, có ý lảng tránh đôi mắt kẻ đối diện. Kẻ đối diện người đàn bà là một gã đàn ông có gương mặt hơi choắt, nhưng không phải vì thế mà gã thiếu vẻ dịu dàng. Người đàn bà tiếp tục cái giọng trầm trệ của mình:

— Mời anh vào nhà uống nước, chẳng lẽ đứng đây mãi sao ?
Gã đàn ông cười, không nhiệt thành lắm:

— Cũng được.

Hai người bước vào nhà, căn phòng tương đối mát mẻ với những tấm màn cửa hồng nhạt, một bình hoa không có hoa trên chiếc bàn con. Người đàn bà ngồi lọt thỏm trong chiếc ghế bành màu gụ. Người đàn ông ngồi ở chiếc ghế màu cam, người đàn bà lên tiếng:

— Anh đang ngồi chiếc ghế ngày xưa anh ấy thường ngồi đó.

— Sao chỉ riêng chiếc ghế này màu vàng ?

— Anh ấy thích như vậy và không bao giờ ngồi chiếc ghế nào khác trong nhà này.

— Kỳ cục.

Người đàn ông buông thõng hai tay về thoải mái

— Dạo sau này anh ấy còn hút thuốc nhiều không ?

— Bỏ hẳn.

Người đàn ông trở mặt không dấu ngạc nhiên:

— Ủa lạ, hồi trước anh ấy hút dữ lắm mà.

— Tôi hỏi tại sao không hút nữa, nói không thích nữa thế thôi.

Người đàn ông đưa mắt ngắm chiếc ảnh chụp khuôn mặt một người trung niên treo trên tường. Đôi mắt ấy, cái miệng rộng ấy giúp gã mừng tượng được dáng người dong dong cao người bạn cũ của mình. Người đàn bà ngồi im trong lòng ghế, khuôn mặt cúi, điệu e dè.

— Châu Thái mấy giờ mới về chị ?

— Chắc cũng gần rồi, cỡ mười một giờ.

— Châu có biết chuyện đó không ?

Người đàn bà ngược nhìn gã đàn ông vẻ van nài rồi chợt rá xuống buồn bã, chậm rãi:

— Anh bỏ cái lối nói lạnh lùng với em đó đi.

— Em nên nhớ trong phòng này còn có mặt của người chết.

— Vậy em phải làm thế nào ?

— Em cứ tiếp tục là vợ của Thịnh, bạn anh.

— Và đề anh tiếp tục gọi em bằng chị ?

— Ừ, như vậy anh mới có đủ kiên tâm đợi Thái đi học về.

— Quan trọng đến thế cơ à ?

Người đàn bà bật khóc ngon lành. Người đàn ông bình thần lấy gói thuốc trong túi ra nhóm một điếu, bật lửa.

Người đàn bà vụt đứng dậy rời chỗ ngồi, dáng vẻ quả quyết nhưng thiếu bình tĩnh, chậm chạp kéo lê chiếc ghế tới chỗ treo bức ảnh người trung niên.

Nàng leo lên ghế nhón chân, vươn tay gỡ xuống, đoạn đem khung ảnh úp mặt lên bàn trước, dưới tầm mắt người đàn ông.

Người đàn bà vẫn vờ vẻ buồn rầu lúc đầu.

Người đàn ông giữ im lặng.

Khi bước vào căn phòng này, tôi khựng lại lúc ngó thấy chiếc ảnh Thịnh, Thịnh ở trên cao phóng cái nhìn xuống như muốn

nung chín hết thảy mọi thứ, kể cả những ý tưởng trong suốt trong óc tôi.

Điều tôi có thể làm bây giờ là cố dìm mình xuống im lặng, tôi ngo ngoay cái đầu nhiều lần để trốn đôi mắt Nguyệt. Tôi chú mục vào khoảng tường trắng toát trước mặt để tin rằng mọi sự đều giữ nguyên hình nét bình dị. Tôi sợ cái nhìn của Nguyệt. Nó sắc quá nhọn quá u buồn quá. Người đàn bà trước mặt tôi thật chín mùi trong vóc dáng thiếu phụ. Một đóa hoa nở hết cánh, những cánh lớn trải xuống lòng tôi mênh mông, mênh mông đến nỗi tôi không thể chịu đựng nổi. Vâng, đúng thế, tôi cố dìm mình xuống tận đáy im lặng. Càng sâu càng tốt, và nếu mất biến được càng hay.

Trở lại thành phố này. Tôi không nghĩ rằng mình còn có thể tìm gặp Nguyệt nữa. Nguyệt, viên sỏi ném mất tâm xuống hồ Tịnh tâm đêm nào xa lắc. Nguyệt, những trái chanh xanh của biết bao chiều đạp xe ngược dốc Nam giao, trong khu vườn vắng hoang ngôi chùa miệt núi. Nguyệt, tiếng hát giữa vùng khói sương mù mịt sớm mai nào nâng vạt áo qua sông. Nguyệt tiếng cười trong vạt và ánh trăng tan dưới làn cây leo công viên trước trường Đồng Khánh. Tường vách đá xám ướt men hơi mưa trái mùa, xanh mùi rêu rong mềm lòng rủ tóc, Nguyệt, quá khứ tôi. Nguyệt, khuôn mặt thon, miệng chúm mũi thẳng mắt đen to (tấm gương biết bao lần in bóng). Nguyệt, ngực mông manh treo lủng lẳng một trái tim biết yêu thương cuồng nhiệt.

Nguyệt, thiếu nữ trở thành đàn bà đang khóc, đang ngồi trước mặt tôi. Nguyệt vợ cố trung úy Thịnh. Nguyệt mẹ của cháu Thái. Nguyệt, gần bó rời rạc chia cách cam chịu tội nghiệp? Nguyệt ở đâu trong cái phần hồn chói chang tôi lúc này. Nguyệt mang ý nghĩa nào trong sự ra đi của tôi. Ở mỗi khuya nhìn về. Nguyệt, không biết ông bố của nàng nghĩ thế nào mà lại đặt cho nàng cái tên đó. Nguyệt là trắng. Nhưng trắng có lúc khuyết lúc đầy, thiệt một chuyện. Chiếc ảnh của Thịnh đã được hạ xuống, không còn nhìn thấy nữa. Như thế có ích chi đâu. Tại sao Nguyệt lại gỡ xuống đặt Thịnh nằm cạnh tôi thế này. Nguyệt thật u mê nếu nàng nghĩ rằng khi không còn thấy Thịnh, tôi sẽ gần nàng hơn. Không, vẫn còn một khoảng cách không thể nào hiểu được.

Nguyệt đang khóc, phải thú nhận rằng chưa bao giờ nàng đẹp bằng lúc này. Vẻ đẹp của thiếu phụ đêm đứng bên lầu trông trăng thổn thức.

Tại sao không đứng anh lại im lặng thế kia. Không còn điều gì để nói nữa, hay có nhiều điều để nói mà chẳng chịu nói ra. Sao anh có bộ mặt đứng đưng như ông ấy. Tôi, Nguyệt 29 tuổi: thiếu nữ thời anh mới gặp mới quen, thiếu phụ lúc anh bỏ đi, và góa phụ khi anh trở về Tôi, con Nguyệt đã không tiếc rẻ gì với anh hết. Hiểu chứ? Nhưng xin anh đừng hiểu lầm tội nghiệp. Tôi hạ chiếc ảnh Thịnh xuống không phải để tỏ ra rằng tôi vẫn còn thương yêu anh đến độ liều lĩnh như xưa đâu, không hẳn thế. Tôi sợ đôi mắt Thịnh anh à. Nhiều đêm tôi không ngủ được vì đôi mắt lờng trong khung kính ấy. Mỗi lần ra vào căn phòng này tôi đều cúi gằm mặt, không dám ngẩng đầu lên. Vâng, từ 3 năm nay. Đôi mắt Thịnh là cái ám ảnh không nguôi. Tôi sợ nhưng tôi nào có đủ can đảm giấu biến đôi mắt ấy đi. Lúc này, tôi vừa làm xong việc đó. Bây giờ tôi không còn sợ đôi mắt Thịnh nữa. Nhưng sao tôi lại run lên thế này, tôi khóc nữa. Đôi mắt Thịnh không có trên cao nhìn xuống. Đôi mắt Thịnh bây giờ úp trên bàn, ngay trước mặt anh. Cả hai, anh và tôi chẳng ai thấy được đôi mắt ấy nữa.

Anh già đi nhiều. Anh mất hẳn vẻ tự mãn bảy năm về trước.

Chính vẻ tự mãn đó giúp anh nổi bật trong đám thanh niên chạy theo tôi. Tôi yêu cái dáng vẻ rất đàn ông đó ở anh. Vâng đàn ông phải có vẻ tự mãn mới đàn ông, tôi thích như vậy. Nhưng dáng vẻ đó thật sự mất hẳn rồi. Anh toan tính gì mà chẳng chịu nói câu nào với tôi. Anh toan tính gì mà chẳng chịu nhìn thẳng ngay mặt tôi. Tôi, con Nguyệt, là mẹ của Thái, con anh. Anh dư sức biết điều này rồi mà. Cả Thịnh cũng biết nữa đấy, Thịnh biết con bé là con anh Thịnh vẫn chẳng tỏ ra hờn ghen chút nào. Tôi yêu lòng bao dung của Thịnh, yêu gấp ngàn lần vẻ tự mãn của anh ngày xưa.

— Chú tên gì hở chú.

— Tên Thái.

— A, chú giống tên cháu.
 — Cháu giống tên chú, cháu thích không ?
 — Thích chứ.
 — Cháu học lớp mấy rồi ?
 — Dạ lớp nhì, cháu làm toán chia giỏi nhất lớp.
 — Còn cái gì tệ nhất lớp ?
 — Dạ cũng toán chia luôn.
 — Ừ.
 — Thế này nhé, toán chia một con số thì cháu làm nhanh và đúng nhất lớp, toán chia hai con thì mười bài trật hết chín.
 — À à thế thì tệ thật.
 — Đâu có tệ, chia một con cháu giỏi nhất lớp mà.
 — Ừ, như vậy coi như huê, chú sẽ dạy cháu cách chia cho đúng.
 — Chú đừng quên nhé.
 — Chú là người lớn, nói cái gì rồi không thể quên được.
 — Còn bé như cháu thì dễ quên lắm hả chú ?
 — Ừ.
 — Cháu không tin, cháu còn bé nhưng cháu không mau quên đâu, bằng chứng là mỗi buổi sáng thức dậy cháu đều nhớ rửa mặt đánh răng trước khi ăn sáng, mỗi chiều chú nhật cháu đều nhớ nhắc mẹ cháu cho đi xinê.
 — Thế thì cháu có trí nhớ nhất thế giới, chú xuống hàng thứ nhì.
 — Còn mẹ cháu ?
 — Mẹ cháu đứng hàng thứ ba.
 — Mẹ cháu sức mấy đứng hàng thứ ba, mỗi tuần cháu nhắc mẹ cho đi xinê mẹ đều nói nếu cháu không nhắc mẹ quên mất đấy.
 — À vậy thì mẹ cháu có trí nhớ đỡ nhất thế giới.
 Người đàn ông và cô bé đi dọc đường mòn dẫn vào rừng cây trước mặt. Cô bé thỉnh thoảng nhảy tung tăng. Chốc chốc dừng lại ngắt một cụm hoa bên đường. Cô bé ngây thơ và tươi mát như một đóa bạch lan. Sự linh động của cô bé làm nổi bật vẻ khô đét cứng nhắc của người đàn ông đi bên cạnh nó. Người đàn ông thích nghe giọng nói của cô bé hơn là những điều nó diễn đạt.

Hai người không đi vào rừng cây. Họ bẻ ngoặc qua phía thung lũng bên trái. Người đàn ông dừng lại lúc cô bé kêu mỗi chân.

Buổi chiều lẳng xuống trong rừng cây. Nắng đẹp như thơ của Huy Cận, (nhưng nắng không hề chia nửa bãi). Nắng kết trên tóc cô bé những chùm sáng tuyệt vời. Nắng sục xuống trong đôi mắt gã đàn ông những chấm nhỏ li ti đậm nhạt. Người đàn ông nằm dài trên mặt cỏ mượt xanh, hai tay vòng kê dưới đầu, điều thuốc gần đứng lên môi nhả luồng khói mù mịt. Cô bé đứng sau lưng khói đó, giọng đều và rõ như học trò trả bài cho thầy giáo :

— Trông chú ý hết chiếc tàu thủy đang nhả khói và sắp rời bến, chỉ thiếu tiếng còi hụ.

— Cháu cũng biết tàu thủy nữa à ?

— Hè vừa rồi mẹ dắt cháu về Nha Trang thăm ngoại, ở đó tàu nhiều lắm.

— À à, cháu còn nhớ mặt ba cháu không ?

— Nhớ chứ, ba cháu không có râu như chú.

— Cháu thích có râu như chú không ?

— Thích chứ, có lẽ lớn bằng chú cháu cũng sẽ có râu.

Người đàn ông cười ngật ngoẻo. Điều thuốc cháy dở trên môi rơi xuống cỏ. Gã nhặt lên gần vào môi :

— Lơ a bằng chú cháu cũng không có râu được đâu.

— Có phải vì cháu là con gái không chú ?

— Ừ.

Im lặng một lát. Người đàn ông châm điều thuốc khác. Cô bé không còn đứng nữa, nó quỳ gối bên người đàn ông, trên cỏ mịn.

— Cháu gọi chú bằng ba nhé ? Người đàn ông nói giọng đồ dành.

— Không được đâu.

— Tại sao ?

— Bởi chú không phải là ba của cháu.

— Nhưng chú là ba của cháu thật đấy.

— Cháu không tin, ba của cháu không có râu cơ mà.

— Thì chú cạo râu đi nhé.

— Cũng không được đâu.

— Tại sao hở con ? Người đàn ông đổi cách xưng hô bất chợt, từ cháu đến con.

— Mẹ cháu nói ba cháu chết rồi mà.

Người đàn ông thần thờ nhìn những cụm mây pha ráng hồng trôi trên nền trời, buông thông :

— Ừ nhỉ.

Cô bé tỏ vẻ không hiểu gì hết. Người đàn ông lẩm bầm một mình : ba cháu đã chết, tôi đã chết.

— Thái ơi.

— Dạ, cháu vẫn ngồi bên chú đây.

Người đàn ông nhấn nhó :

— Cháu thử giả vờ gọi chú bằng ba coi.

— Thử thôi nhé, chú không thể là ba của cháu được đâu.

— Ừ.

Cô bé bặm môi cố nuốt một tiếng cười :

— Ba ơi con đói bụng.

— Con ăn bốn cái bánh kem trước khi đi sao bây giờ chóng đói thế hở sói con ?...

Cứ như thế, người đàn ông và cô bé tiếp tục câu chuyện lần thân của họ. Cô bé gọi gã đàn ông bằng ba và lẩm lúc nó có cảm tưởng như đang nói chuyện với ba nó thật. Người đàn ông chỉ muốn có thế. Trong suốt cuộc đời gã, chưa bao giờ cảm thấy hạnh phúc bằng lúc này. Nghe giọng nói êm đềm và ngọt ngào của cô bé và thả trí theo những cụm mây trôi. Tôi trở về, lòng nguội lạnh, Nguyệt có biết như thế không ? Thái, con tôi. Nguyệt chẳng là vợ tôi. Sao thế nhỉ ? Đời sống ngược xuôi ngược, lộn đầu lộn đuôi, rồi tới đâu. Quả thật lắm lúc tôi cũng mù tịt chẳng biết phải chiều chuộng mình cách nào cho phải lẽ, lắm lúc tôi tham lam như một con heo, tôi già nua lẩn thẩn như một ông cụ, tôi lỗ bịch như tên mửa rối, tôi hung bạo như một tên giặc dẫu. Nhưng tôi không hề là một kẻ lãng mạng để có lần dút đầu vào chiếc giấy thông lọng quên hết mọi sự. Tôi là tôi đã thôi là người tình của Nguyệt. Đàn bà chỉ có một thời để làm tình nhân, chẳng thể có lần thứ hai. Nghĩ như thế có kỳ cục và độc đoán lắm không ? Nguyệt khóc nguyệt cười Nguyệt nói năng bây

giờ không còn Nguyệt xưa. Tôi sợ, sau này Thái nó lớn lên, cũng có một gã đàn ông đồn mạt nào đó nghĩ về nó như tôi đang nghĩ về mẹ nó lúc này thì tội nghiệp con tôi biết mấy...

— Con trông ba còn giống chiếc tàu biển không ?

— Còn chứ, nhất là lúc này trời gần tối, đèn thuốc của ba càng giống ống khói hơn.

— Ngày mai ba sẽ dắt con đi chơi nhé.

— Đi đâu ba ?

— Đi đến một nơi thật xa, xa hẳn mẹ con.

— Không được đâu, để mẹ ở một mình buồn chết.

— Con không tin con là con của ba thật sao ?

— Nhất định như thế rồi.

Người đàn ông im lặng thở dài.

Nguyệt đang làm gì ở nhà lúc này. Trời thật đẹp, thật giống buổi chiều tôi chưa tay nàng. Thái chẳng thể hiểu và tin tôi, đến cả đứa con nít cũng không còn tin tôi nữa sao ?

Bóng tối bắt đầu lan nhanh trên mặt cỏ. Gió thì thầm rơi lá dẫu đó trong rừng cây.

Thái ơi. Thái Thái ơi.

Tiếng kêu khuất bật trong gió. Cô bé lay vai người đàn ông :

— Ba có nghe mẹ kêu con đó không ?

Người đàn ông gật đầu nhưng vẫn nằm yên trên mặt cỏ.

Thái ơi... anh Thái ơi, Thái ơi... ơi..., Tiếng kêu khuất bật trong gió. Người đàn ông vẫn im lặng không lên tiếng trả lời.

Cô bé rón rén đi về phía rừng cây, phía tiếng gọi, người đàn ông không hề hay biết. Đèn thuốc trên môi gã tiếp tục nhả những luồng khói mù mịt. Sau luồng khói bóng cô bé và tiếng kêu mất hút.

mường mán

VIÊN LINH

tiệc khó

Sáng nay tôi thức dậy
Nghe nổi nhớ quanh quanh
Một chút gì lay động
Ngoài cửa kính mưa hoen
Một chút gì đang tới
Trong cuộc đời mong manh.

Đêm qua mưa thăm hỏi
Mộng tôi có thấy nàng
(Ôm trái tim rạn vỡ
Bầy bình hoa lãng quên?)

Một chút gì đang rớt
Trong ngực tôi ấm nồng
Một chút gì, một chút
Đang tan ngoài Hư không.

Đêm qua mưa muốn nói
Cuộc tình như bóng mây
Phút nào trong cửa sổ
Phút nào rời nơi đây
Phút nào tan thành lệ
Trên dung nhan héo gầy

Phút nào gieo thánh thót
Van nhịp đời khoan thai.

(Một chút và một chút
San cho bằng hai vai
Gánh đời ta nặng lắm
Cất hoài hoài không vơi

Sáng nay tôi đã thấy
Ngoài cửa kính mưa hoen
Khuôn mặt em thâm lặng
Tựa gương soi chiều tàn

(Tôi nhìn ra cái muộn
Như nhìn mình trong gương)

Đêm qua mưa đã đổ
Lệ ràn đôi mắt em
Tôi tưởng mình lại khóc
Sau nhiều năm đứng dừng.

Có hay lòng đã cạn
Ngực là chiếc ly không
(Ôm trái tim kiệt nước
Bầy tiệc khó tặng nàng.)

Sáng nay tôi đã thấy
Em đến trên thềm sương
Mặt trời tôi bỗng mọc
Em bật cửa bình minh,

Chúng ta, hòn đảo nhỏ
Đời vui chôn đất liền.

cõi đời tôi

Chiều nay tôi tỉnh hay mê
Ở đây hay đó mới về hay đi
Đời nay tôi lỡ xuân thì
Soi gương lệch mặt khác gì nhân gian

Mưa reo theo mái buồn vàng
Nhân, sinh những bóng điều tàn nghiêng nghiêng

Chiều nay tôi đó ưu phiền
Ngón tay dài ngắn xui tiền bể đời
Sống tôi này chết như tôi
Thịt xương của quỷ xui đời gian tham

Mưa reo, thấm giọt xô đàn
Thu đông cuộn cuộn tiếng hàn kêu lên,

Giờ đây này mắt lão liên
Ban đêm trắng sáng ngày kiêu mặt trời
Ở đời, địa phủ cho tôi
Về đâu kẻ lạ, đứng ngồi loanh quanh

Mưa reo, tâm trí tan tành
Chiều nay con thú soi hình tượng tôi.

viên linh

VĨNH LỘC

tàn cơn gió loạn

(tiếp theo)

Đạo nghe thật dễ chịu khi qua khỏi quãng sân hực nắng bước vào gian từ đường mát dịu, chàng đặt sắc tay xuống bậc cửa, lấy khăn lau những giọt mồ hôi trên mặt và cõ Ông cụ ngồi nơi xập gu giữa nhà, lúi húi chiết rượu thuốc vào ngâm trong một chiếc hũ sành, bàn tay run rẩy nhưng thận trọng. Đạo đứng lặng lẽ quan sát gian nhà quen thuộc, không một dấu vết thay đổi từ hơn mười năm nay, trong khi những người trong gia đình thì đã phân tán đi sau mỗi cơn bão bão thù sâu xé. Căn nhà như trống vắng âm đạm hơn mỗi lần chàng trở lại đến nỗi nhiều lần chàng tưởng rằng không bao giờ còn dịp nhìn ngắm nó thêm một lần.

— Ủa, thằng Tư. Mày về hồi nào vậy?

Một chút rượu sòng ra ngoài khi Ông cụ ngược lên, giọng lạnh lùng ấy khiến Đạo muốn quay gót. Nhưng chàng nghe mệt mỏi hết sức, tất cả những phản ứng giận dữ như chùng xuống, chàng chỉ muốn ngồi xuống một chỗ nào đó chờ đợi sự xuất hiện của vợ con như đứa nhỏ sau cơn ốm dai dẳng ngật nghèo chờ bàn tay mẹ hiền chăm bẵm.

— Ba vẫn mạnh chứ?

Chàng cố gắng làm cho không khí giữa hai cha con bớt lạnh nhạt, nhưng nầu hời của chàng như rơi giữa khoảng không.

— Thăng cháu Sinh với má nó đâu cả rồi ?

Chai rượu bị dần xuống mặt gù, ông cụ nhìn Đạo như sắp sửa bắt đầu trận đòn và rửa xã.

— Tao tưởng mày đi luôn không bao giờ trở lại nhà này nữa chứ. Mày đã trưởng thành, mày chống đối tao, bỏ ra đi biệt, vợ mày, con mày mày cũng không lý tới. Bây giờ Hùng về đây hỏi vợ hỏi con mày. Mày cho là tao có bốn phận phải nuôi chúng nó sao ?

Đạo nín thinh, nhìn ông cụ, trong cơn giận dữ đột ngột mặt ông cụ tái xạm, chàng đề ý đến mái tóc bạc trắng và đôi má hóp sâu mệt mỏi như của một người nghiện. Ông cụ đã già yếu đi nhiều, những bình rượu thuốc không ngăn được sự già nua mà chỉ có tác dụng nhất thời bên người đàn bà vào những cơn dục tình ngắn ngủi. Bất giác chàng nhớ đến cô Út.

— Mày đi biệt, vợ mày thì nó còn trẻ, nó đâu có ở vậy nuôi con cho mày...

— Chắc lại cũng vì con heo nái mà ra?

— Mày đừng có hỗn, chẳng gì bây giờ nó cũng là Di Út của chúng mày, mẹ mày chết, chúng mày bỏ đi hết chọi, bây giờ còn con vợ mày nó cũng đi nốt, không có con Út tao còn trông cậy vào ai ?

— Ba sống ích kỷ, có bao giờ ba nghĩ đến vợ con, ba chỉ tối ngày quanh quẩn đám gà chọi, hũ rượu thuốc và cái phòng Cô Út...

— Tao có tiền, cả cái cơ nghiệp ruộng rẫy này tao phải đồ mồ hôi ra để gầy dựng nên, tao có quyền hưởng, và chẳng may chúng bay khi sanh bay ra thì ốm đau liên liền, bà ấy ăn chay trường đi chùa lễ bái quanh năm, tao là người trần, tao đâu có thể sống bên cạnh một bà thánh... Còn chúng bay cũng lại bắt tao phải ăn chay niệm phật đi tu nốt sao ?

— Ba lấy một vợ, chứ đến mười cũng chẳng ai cấm cản, nhưng ba đã để cho những người đàn bà bên cạnh ba tác yêu tác quái đến nỗi con cái phải bỏ gia đình mà tha phương cầu thực hết.

Đạo nói như một người đương buộc tội, chàng thấy cần phải nói ra cho hết một lần chót. Bây giờ vợ chàng bỏ ra đi, cái giây cuối cùng buộc chàng ở lại đã đứt. Chàng nghe phần uất tột độ như người có thể sắp đập phá, sắp giết người.

— Tao biết, mày trở về lần này là lại sắp moi tiền tao, xong rồi là bước, vậy tốt hơn mày nên biết điều...

— Tiền của ba không đưa cho tôi bây giờ, mai mốt ba đâu có đem theo được

— Mày cố cầu nguyện cho tao chết sớm đi, chừng đó tha hồ tiêu. Nhưng bây giờ thì tao cho mày bao nhiêu được bấy nhiêu. Tao đối với con cái vấn đề tiền bạc xưa nay rất rộng rãi, mặc dầu chúng bay không đáng được hưởng, chúng bay bỏ đi hết, ngoại trừ thằng Sinh, tao sẽ cho mày số tiền mày cần, nhưng tao nói đây là lần chót. Tao không nuôi con hoang. Mày nhận hay không thì tùy, còn muốn nhiều hơn, hãy đợi khi tao nằm xuống.

Đạo nín thinh, chàng đương bị dồn vào chân tường, chàng nổi nóng lúc này hoàn toàn bất lợi. Chàng không biết ông cụ sẽ đưa cho chàng món tiền bao nhiêu, chàng đương cần nó như người đau nặng cần thuốc chữa. Cho nên Đạo đành nhẫn nhục :

— Ba cho tôi mười ngàn, tôi sẽ đem thằng Sinh đi khỏi đây. Vậy là ba rảnh nợ...

— Tao cho mày món tiền đó thì được rồi, nhưng thằng Sinh thì phải ở lại, tao muốn nuôi cho nó nên người, chứ không để cho nó sống hoang đàng như lũ chúng bay.

Ông cụ quay qua tìm xâu chìa khóa mở tủ. Xấp bạc vát trên mặt gù, Đạo nhìn lên đó trần trần, ngày mốt chàng sẽ phải có món tiền đó hoặc, chàng sẽ mất việc và tệ hơn thế, có thể sẽ bị đưa ra tòa về tội bội tín.

— Thăng Sinh cũng sắp về. Nó đi thu tiền cho tao. Từ ngày con vợ mày nó bỏ đi, giấy tờ, tiền bạc thu góp tao chỉ còn trông cậy vào nó. Nó ở với tao không có khổ. Nó ngoan và dễ bảo, tao cũng mừng. Tao đã gieo toàn những hạt giống xấu tao không ăn hận, nhưng bây giờ tao nghe trong người đã yếu nhiều, tao rằng gieo lấy một hạt giống tốt cuối cùng, tao không muốn nó sẽ bị sâu, mày hiểu chứ ?

Ông cụ hợp một ngụm rượu, nhìn ra khoảng sân chói chang, nét mặt gầy guộc, mái tóc bạc, như vị đạo sĩ, đương ngồi suy gẫm vào lúc hoàng hôn của một đời người. Đôi mắt ông cụ chợt sáng khi cái bóng nhỏ bé thoăn thoắt từ cổng ập đi vào sân. Thăng nhỏ ôm cặp sách khệ nệ như ở trường về. Nó đứng khựng

lại trên bậc cửa khi thấy Đạo. Nó mừng đến sa nước mắt nhưng nó nem nép đi lại phía ông cụ :

— Thưa Nội con đã về.

— Thăng bố mày đã về đấy, bố con lại mà nhìn nhau...

Thăng bé đứng sững hồi lâu mới phát ra được tiếng Ba... nghe ngao.

Thăng Sinh đứng đó, trước mặt Đạo, chàng nghe lòng đau xót khi nghĩ đến sự vắng mặt của chàng trong hai năm dài đằng, khoảng cách biệt bây giờ không thể lấp đầy. Chàng đã bỏ Tâm để đi vào một thành phố ảo vọng với những đam mê cuốn xó chàng vào cơn bão lốc. Bây giờ đã quá muộn để làm lại. Không những thế Đạo cũng chẳng còn phương tiện nào để đem vợ con ra khỏi đây. Đạo nhìn con, nó không còn là đứa trẻ đã khóc khi chàng ôm nó vào lòng, hôn lên má lên giòng nước mắt ấm chảy ròng buổi sớm nào Tâm đưa chàng rời khỏi ấp Tân Trụ. Nó đã lớn nhiều, khuôn mặt đen sạm vì đầy nắng gió, làm đôi mắt sáng lên dưới vầng trán thành một vẻ dày dặn, bước g bình đến gần như lì lợm.

Nó mở cặp đưa giấy tờ và xấp bạc cho ông cụ, giáng điệu quan trọng như người lớn đương bàn giao công việc :

— Bác Quán chưa có tiền, bác bảo chưa lấy được thóc, về khát nội cho tới cuối tháng... Nội đếm lại tiền dùm con.

— Mày đưa cho thăng bố mày. Nó đang cần muốn chết. Cả xấp kia nữa, là mười ngàn chẵn ..

Ông cụ gạt xấp bạc ra góc xấp như người chút được gánh nặng, rồi không buồn nhìn Đạo, thu giấy tờ cho vô tủ.

— Bây giờ-tao hỏi thăng Sinh : Mày ở với Nội có hay phải đón không ?

Thăng nhỏ lăm lét nhìn ông cụ như dò xét phản ứng. Ông cụ la lên :

— Tao muốn cho bố mày biết là tao nuôi mày rất đàng hoàng. Tao không để cho mày thiếu thốn một chút gì. Bây giờ tao muốn biết mày có chịu ở với nội hay đi vào Sài Gòn với ba mày ?

Đạo nhìn ra ngoài cửa, chàng không muốn thấy sự chọn lựa đau xót, khó khăn này trên khuôn mặt một đứa trẻ thơ. Chàng

thương con, nhưng hoàn cảnh chàng thật thảm hại. Nhưng rồi không thể chịu được sự im lặng kéo dài, chàng bảo :

— Ba muốn con ở đây với ông nội. Ông nội chỉ còn có mình con. Con ráng giúp ba...

Chàng nói như với chính mình, không phải sự lựa chọn của con mà điều chưa xót nhất lại là sự lựa chọn giúp cho chàng ra khỏi khúc đường cùng quẩn.

Tiếng cười khàn khàn, đặc thảng như những nhát búa tàn nhẫn giáng lên đầu Đạo. Chàng cắn môi để khỏi hét lên : Một lần chót thôi, mày hãy ráng nhẫn nhục. Mày sẽ thanh toán xong nợ nần, may ra sẽ khá hơn... Chàng đợi gì ở cạnh bạc đời ? Chàng đã thua cháy túi. Người đàn bà chấp nể với chàng, như một định mệnh tàn khốc đương đợi chàng nơi thành phố cuồng nộ kia với những mắc xích trên tay, trong căn nhà vách gỗ, neeo nhốc một đàn con. Chàng nghĩ đến Tâm như một thoáng mặt trời sau mây mù mùa đông. Mây mù đã dày, mặt trời đã khuất. Chàng có cảm giác uất nghẹn như đương tính toán xong một cuộc mua bán bí ẩn, khi chàng nhận món tiền của ông cụ và thỏa thuận để cho con chàng ở lại

Hai cha con thức rất khuya với nhau đêm hôm đó. Đạo hỏi con như người đương khao khát một vuốt ve, an ủi :

— Tại sao ông nội hỏi con không chịu trả lời : con ở với ông nội có hay bị đòn không ?

Giọng thăng bé buồn buồn :

— Thỉnh thoảng cũng bị đòn chứ, những lần thầy giáo gửi giấy phạt về nhà thôi.

— Còn Di Út đối đãi với mẹ ra sao để đến nỗi mẹ phải bỏ nhà mà đi ?

— Di Út đâu có dám động đến mẹ. Nhưng bà ấy lười chẳng chịu làm gì, tối ngày ăn xong ngủ như con heo. Mẹ làm việc nhiều quá, con bảo mẹ đi cho rảnh...

— Tại sao con lại sui mẹ như vậy ? Con không nghĩ rằng mẹ đi con sẽ chỉ còn bơ vơ một mình sao ?

— Mẹ dặn chỉ đi ít lâu rồi sẽ trở về đón con...

Thăng bé nói với giọng đầy tin tưởng, nhưng Đạo nghe dậy

lên trong lòng một đau xót thấm thía, chàng có linh cảm Tâm sẽ không bao giờ trở lại ấp Tân Trù, nơi đã xảy ra những thảm kịch không dứt giữa chồng, vợ, cha, con...

Gian phòng nhỏ dường như lạnh lẽo khôn cùng, với bóng tối dày đặc khiến Đạo có cảm tưởng như đêm dài không dứt.

— Ngày mai ba lại đi Sài-gòn hở ba ?

Đạo ôm sát đứa nhỏ vào vòng tay, vuốt ve mớ tóc mềm mại :

— Con có muốn ba đi không ?

— Con muốn ba ở nhà. Ông nội lúc này không còn được khỏe như trước. Những lúc trở trời Di Út phải đắp búp cho ông nội cả ngày, đi đấm ra bực bội gắt gỏng om sòm...

— Di có đập con lần nào không ?

— Có một bữa, anh Tư đi vắng, di bắt con dọn cơm, con không chịu. Con bảo mâm lớn quá bụng không nổi lỡ đồ bát đĩa nội đập chết. Di bảo ông nội cũng không bằng tao. Rồi di xia sới vào mặt con : Cái giống mày lì như con mẹ mày, lì thì tao đập cho hết lì. Con giận hết sức, la lên : Di đâu có hơn mẹ tôi bao lâu, di không có quyền sỉ nhục mẹ tôi. Bây giờ mày có chịu dọn cơm không thì bảo ? Con lắc đầu, thế là di vớ luôn cây gậy của nội quất luôn. Con ù té chạy một mạch ra cổng...

Thằng bé kể chuyện rành mạch như người lớn. Đạo có cảm tưởng như thời gian đi quá mau, bỏ chàng ở lại với những ràng buộc phiền lụy càng ngày càng vây bủa chàng thêm chặt chẽ.

— Chiều tới ông nội gọi lên con tưởng sẽ ăn trận đòn nữa. Nhưng con cứ đi lên, định bụng hễ ông nội bệnh Di Út mà đập con thì con sẽ trả sổ sách lại cho nội...

Đạo bật cười, khi nghĩ thằng nhỏ thật có giồng bướng bỉnh. Chàng liên tưởng đến anh Ba và những trận đòn ác liệt anh chịu đựng một cách hết sức ngang tàng, can đảm. Bao nhiêu sự chống đối quyết liệt chắc bây giờ đã làm chùn bước cơn giận bướng bỉnh như lửa của ông cụ. Chàng thành thật khen con :

— Chà, con bướng quá. Vậy ba hỏi lỡ ông nội bệnh Di Út thì con tính sao ?

— Con sẽ vào Sài-gòn ở với ba.

Đạo giật mình, không ngờ đến mức táo bạo đó. Tuy nhiên chàng vẫn thấy thích thú mà hỏi nó :

— Con làm sao mà vô Sài-gòn một mình được ?

— Con sẽ mượn anh Tư đưa ra ga lấy vé tàu...

Ba có chịu cho con vào Sài-gòn với ba không ?

Câu hỏi đột ngột đưa Đạo vào một tình thế khó khăn. Chàng trả lời lúng túng :

— Ba rất muốn cho con đi theo nhưng ba nghĩ con ở đây với ông nội con sẽ được sung sướng hơn là ở với ba. Ba làm việc ở Sài-gòn vất vả lắm, ba lại nghèo ..

— Nếu còn mẹ thì con cũng bằng lòng ở với nội. Nhưng mẹ đi lâu quá không có tin tức gì. Hay ba ra Nha-trang kêu mẹ về với con ?

— Ba sẽ cố gắng tìm mẹ về...

Chàng nghẹn ngào bảo con :

— Thôi khuya rồi, con ngủ đi mai còn giấy sớm đi học.

— Ba đi nhớ viết thư về cho con luôn nhé ?

Chàng có cảm tưởng như lời dặn dò vĩnh biệt. Chàng không còn gì trong cái gia đình tan rã này nữa, Tâm đã bỏ đi. Thằng Sinh còn lại như một hạt giống éo uột. Chàng không thể đem nó đi mặc dầu thương con. Chàng nhớ lại lúc ông cụ vất cho chàng xấp bạc mười ngàn đồng, cuộc mua bán bí ối, chàng nhận món tiền đó trước vẻ mặt lạnh lùng khinh thị của ông cụ, như miếng xương thừa mà người ta ném cho con chó đói.

Chàng vờ mừng rón rén ra ngoài, đốt thuốc hút. Khói thuốc làm chàng cay mắt. Chàng muốn thức trọn đêm để nói chuyện và nghe tiếng nói đáng yêu của thằng Sinh, nhưng chợt nhớ tới hoàn cảnh khó khăn của mình, chàng nghe lòng xót xa vô hạn.

8

Út nằm thao thức, cảm giác mệt mỏi với nỗi khắc khoải không rời. Gian phòng chìm ngập trong bóng tối quánh đặc lạnh lẽo, chỉ còn nghe hơi thở đứt quãng nặng nhọc và tiếng mền sột soạt mỗi lần con bệnh trở mình. Đôi lúc ông cụ bật ho, cơn ho làm hai vai co rút, khuôn mặt nhăn nhúm lại như người bị

xiết cổ. Sau đó ông cụ nằm suôi đuột rên rĩ và thở như người hấp hối.

Ông cụ nằm bệnh đã hai tuần nay, Út bận rộn và mệt nhọc hơn những ngày thường, chỉ được thoát cảnh dầy vò thể xác vào mỗi đêm khi ông cụ xong cử rượu và bữa cơm kéo dài gần hai tiếng đồng hồ. Út thấy sức khỏe ông cụ giảm sút rõ rệt. Buổi sáng ông bỏ rượu ngồi dựa lưng vào tấm nệm nơi sập, uống trà và nhìn mông ra ngoài sân, khoảng sân rục rịch như người đương hồi tưởng lại thời xung mẫn. Thăng Sinh phải làm việc nhiều hơn và đôi khi nhăm lẩn thì bị ông cụ rầy la om xòm. Cả đến Út là đứa chỉ nghe những tiếng dịu dàng cưng chiều cũng không tránh khỏi bị gắt gỏng, khó chịu. Ông cụ gọi anh Tùng lên và giao đứt công việc săn sóc đám gà chọi, mà ông cụ không thể bỏ mỗi ngày hàng tiếng đồng hồ ra ngắm chúng quần thảo trên sân rộng. Hũ rượu thường châm đầy mỗi tuần bây giờ cả tháng chưa vơi. Một cút rượu nhỏ trong bữa ăn, nhưng những cơn nhức mỏi không vì vậy mà bớt, trái lại ông cụ bị mất ngủ nhiều đêm với những trăn trở đau đớn và lồng ngực như vật nặng đè lên đến ngộp thở. Những giờ nằm nghỉ kéo dài và Út phải dấm bóp liên liên đến rã rời cả hai cánh tay. Bây giờ ông cụ không còn cảm xúc gì nữa, ngay cả những lúc chỉ có hai người trong căn phòng trống vắng với thân thể ngồn ngộn dục tình của đứa con gái cũng không làm người được cơn đau nhức dằn vặt cơ thể. Ông cụ nằm duỗi dài, hai mắt bắt đầu như giếng sâu lơ lơ nhìn lên khuôn mặt thân yêu. Giọng ông cụ buồn buồn, tiếc nuối :

— Ông nghe trong mình mệt lắm, không chắc có qua khỏi mùa đông này...

— Ông đừng nói gở. Ông có tuổi rồi nên trở trời như thế mới khó chịu trong người, làm gì đến nỗi bệnh nặng.

Út nói an ủi nhưng trong bụng thì không tin tưởng bao nhiêu. Giọng nói yếu ớt và thần sắc đổi khác của ông cụ kèm theo những cơn thịnh nộ bất thường như người trong trạng thái thần kinh giao động cùng cực đã khiến cho nó linh cảm thấy buổi hoàng hôn không còn xa với đời ông cụ nữa.

— Ông chết thì cái gia đình này... không còn gì nữa. Phải chi

mày ráng cho ông một đứa con. Một giòng con cuối cùng, thì cái địa vị của mày sẽ khá, mà ông cũng nhắm mắt được yên.

Ông cụ không nói hết nhưng Út cũng đoán ra, ông cụ đương nghĩ đến cảnh tượng khi ông nằm xuống, những đứa con thì nghịch ngày nào sẽ kéo về chịu tang, đồng thời cũng đề chừa kiến sự suy sụp bi thảm của một đời người, người đó đã tác o tác họa trên đầu họ và giờ đây đã buông xuôi hai tay.

Ngày bà Hai chết đi được ít lâu Út được gọi lên để hầu ông cụ. Ông cụ chỉ uống rượu tối ngày, rồi quanh quẩn bên bàn gà chọi. Người vợ kế thương yêu chết đi đột ngột đã để lại một khoảng trống không thể lấp đầy trong tâm hồn người đàn ông ngoại ngữ tuần nhưng còn dầy xung mẫn. Người đàn ông giàu có sống trên sự đóng góp mồ hôi của những nông dân cần cù chăm sóc, quanh năm chỉ biết cày sâu cuốc bẫm và ngoan ngoãn đón góp huê lợi mồ hôi của mình cho cuộc sống phóng túng xa hoa của vị điền chủ. Rồi không bao lâu hình ảnh bà Hai đã dần dần tan biến, đứa con gái giấy thì có đôi mắt lá dăm tình tứ đương hầu hạ bên cạnh ông đã làm cho ông nghĩ ngợi rất nhiều đến sau cử rượu mà thân thể bắt đầu giao động bởi những đòi hỏi dục tình chưa dứt. Nhiều lần ông cụ gọi nó lại, nói với nó những câu rất ngọt ngào, soa má nó, cầm tay nó khiến nó nhột nhạt và hoảng hốt. Nhưng ông cụ đã dừng lại ở đó. Ông cụ giàu có, tiền bạc ông cụ vung ra, cái gì mua mà chẳng được, hưởng hờ một đứa con gái như con Út. Một chút liêm sỉ còn lại khiến cho ông suy nghĩ nhiều ngày. Sau rốt bố mẹ con Út được gọi đến.

— Này anh chị Khán, anh chị nghĩ sao nếu tôi đề nghị xin con Út về hầu hạ... luôn cho tôi?

Vợ chồng người tá điền ngạc nhiên trong một giây, nhưng vì ảnh hưởng một mối lợi không nhỏ đã khiến họ khấp khởi vui mừng.

— Thừa cụ, nhà chúng cháu nghèo, con Út thì xấu xí ngu dốt...

— Anh chị đừng có ngại, ở đây ngoài tôi ra không còn có ai dòm ngó, lời qua tiếng lại. Tình cảnh của tôi, anh chị cũng biết cái số không may vợ con không ở được với mình. Tôi cũng muốn có người đàn bà bên cạnh cơm nước hầu hạ cho... vui tuổi già. Vậy anh chị nghĩ sao thì cho tôi biết?

Ông cụ hỏi cho có lệ, chứ ông cũng thừa biết câu hỏi đó!

một mệnh lệnh, vợ chồng anh tá điền chắc sẽ không thể suy tính lâu, lại càng không thể từ chối.

Nhưng người đàn bà mẹ con Út cũng còn một điều thắc mắc trong lòng :

— Chả nói đầu gì cụ, chúng tôi được cụ thương tới mà con Út nhà tôi đã hầu cụ bao lâu nay, chắc đã được cụ ưng ý rồi nhưng ngặt cái cháu nó còn nhỏ quá...

Tiếng cười vỡ ra như bão táp.

— Chà, chị lo chi mà quá đáng vậy. Con nhỏ đó cũng không còn dại khờ gì đâu, có phước ra, anh chị gả bán sớm cho nó thì đã thành ông bà ngoại cả rồi...

— Thừa cụ, xin cụ cũng thư cho chúng tôi về bảo qua cho cháu nó biết.

— Được rồi, anh chị cứ về đi. Nếu cần tôi sẽ làm đám cưới đường hoàng cho anh chị được mát mặt với hàng ấp. Tiện thể tôi cũng cho anh chị biết là mấy thửa ruộng cấy rẽ sẽ thuộc về anh chị, ngoài ra tôi còn biếu thêm căn nhà đang ở với khoảng vườn trái cây. Lúc này vườn trái có sai tốt không nhỉ ?

Vợ chồng anh Khán liu riu ra về, hôm sau con Út được nghỉ một ngày về nhà với cha mẹ. Nó được ăn một trận đòn trước khi kịp nhận lời gả bán ngang ngược của cha mẹ.

Tuy nhiên Út cũng khóc hết nhiều đêm. Nó nghĩ đến anh con trai vẫn từng theo đuổi nó một cách thâm lén là anh chàng Tùng. Tùng là con một người tá điền xấu số trong ấp ông cụ. Bố mẹ anh ta chết lúc anh đang còn học trường làng. Anh phải bỏ học thay cha làm mấy sào ruộng của cha mẹ để sinh nhai tự túc. Tùng không giỏi trai, lại hơi nhút nhát, nhưng ăn nói dễ thương và trong đám tá điền anh là người học hành khá hơn tất cả.

Khi nghe tin bố mẹ Út gả nó cho ông cụ thì Tùng hoàn toàn thất vọng. Anh thương con nhỏ đã lâu có lẽ vì trong đám con gái trong ấp nó có nhan sắc dễ coi nhất. Nó cũng có ăn học chút đỉnh và hai đứa tuy chưa tỏ tình với nhau nhưng qua những buổi trò chuyện gặp gỡ trong những ngày mùa, ngày hội, một mối tình đơn sơ đã bắt đầu chớm nở. Tùng tìm hết cách để gặp Út và hỏi cho ra nhẽ sự việc nó đã ưng thuận lấy một ông già đáng tuổi ông nội nó như vậy, nhưng anh không làm cách nào

để được thấy mặt người yêu. Út bị nhốt trong nhà ngay từ hôm nó bị trận đòn của anh Khán. Anh đánh nó nhưng thực ra trong bụng rất buồn. Rõ ràng là một cuộc mua bán hi đời. Nhưng người đàn bà thì lại lý luận một cách hết sức thực tế như sau : Con Út nó cũng đến tuổi giẫy thì, tánh nết nó đã bắt đầu có mùi thay đổi, mà con trai hàng ấp thì cứ nhìn nó hau hau như mồi ngon lờ ra lấy phải thằng nào trong số đó thì cuộc đời không khá được lại chỉ đi cày thuê cuốc mướn mòn đời mà thôi. Chi bằng gả cho ông già, ông góa vợ, nó sẽ trở thành vợ chính thức, chắc chắn là nó sẽ được sung sướng hoàn toàn về vật chất, mà phần vợ chồng anh Khán thì lại được thừa ruộng, mảnh vườn, cuộc sống mát mặt và có bảo đảm cho tuổi già hơn.

Vậy là đám cưới con Út được tổ chức linh đình. Dân hàng ấp được ăn uống thỏa thuê, lại nghĩ rằng ông cụ cưới vợ vui vẻ thì kẻ ăn người làm cũng được một thời gian dễ thở hơn. Không ai để ý đến gã thất tình là anh chàng Tùng. Anh cáo bệnh, ngủ vùi trong góc lều tranh nghèo nàn cơ nghiệp nhỏ nhoi của bố mẹ. Anh oán trách cuộc đời, anh thù ghét bọn nhà giàu ý tiền mua bán người ta như mua một món đồ rẻ rún. Anh biết con Út không thể nào chịu lấy ông cụ, nhưng bố mẹ nó đã bán nó cho ông cụ, một cuộc mua bán bán thiếu, khốn nạn mà nạn nhân như một con vật yếu đuối không có một phương tiện nào để chống cự lại.

Con Út khóc ròng trong đêm tân hôn, nhưng ông cụ thì thừa khôn ngoan để không vội vàng. Ông cụ an ủi nó suốt đêm và để cho nó ngủ một mình, nghĩ rằng không có sự đau khổ nào mà không người ngoại với tuổi trẻ. Dần dà Út bớt buồn, cuộc sống trở lại như hồi nó còn hầu bà Hai, nhưng dễ thở hơn nhiều vì không có bà Hai với những hạch sách khó chịu, trái lại, nó chỉ được nghe những lời dịu dàng của ông cụ và ông cụ thì chờ nó như người ta chờ một trái chín.

Út ái ngại nhìn người đàn ông bệnh hoạn rầm đó, bất lực trước nỗi thèm khát nồng nã của nó trong nhiều đêm trần trọc không ngủ đã qua. Nó nhớ lại đêm đầu tiên khi ông cụ bỏ qua giường nó rón rén như một tên ăn trộm. Hơi rượu nồng nặc khi

người đàn ông lại gần. Nó nằm co rúm lại trong góc giường, cố gắng thu mình lại như con sâu trong vỏ kén. Người nó nóng ran và tim đập hồi hộp, nỗi sợ hãi lẫn tò mò làm giác quan nó căng thẳng. Khi bàn tay người đàn ông đặt lên ngực nó thì nó kêu lên giọng thất thốt như người ngủ mê gặp cơn ác mộng : Ồi giới ơi, ai... đây ? Tiếng nói hồn hồn, thì thào lại gần đến sát bên mặt nó cũng hơi rượu nồng nặc : Ông đây mà...

Tiếng nói nghe ngào : Con dậy ông, con... sợ lắm...

Bàn tay sờ soạng gấp rút hơn trên thân thể nó : Ông thương một tý, chóng ngoan... Giọng nói khàn khàn khiến cho đứa con gái càng hốt hoảng thêm, nó lăn mình vào tận trong cùng tấm ngựa, nhưng tấm phản bỗng rộng mênh mông mà người đàn ông thì đang lấn tới như một cơn bão. Nó nằm úp sấp trong tư thế tự vệ, bây giờ nó hoàn toàn tuyệt vọng, nó biết rằng điều nó chờ đợi lo sợ bao nhiêu đêm nay đã đến, như người phải vào một khu rừng thú dữ với hai bàn tay không. Bàn tay rắn chắc bấu lấy vai nó kéo ngược nó trở lại, hơi rượu nồng phả đầy lên mặt lên mũi khiến nó gần như ngộp thở. Nó vùng vẫy tuyệt vọng nhưng những ngón tay bấu riết lên mình nó như con bạch tuộc. Trong cơn vật lộn, người nó nóng ran dần, cảm giác nhột nhột lẫn lộn với những bứt rứt, tê dại như đầy nó vào một vùng nước thủy triều cuộn cuộn. Những vuốt ve nhẹ nhàng trở thành nỗi thúc giục nồng nóng kỳ dị đồng thời da thịt nó gợn gợn nổi gai. Nó không còn trong thế nằm co quắp nữa, chân tay nó như mệt mỏi rời rã, cuối cùng nó nằm buông xuôi để cho bàn tay người đàn ông lần gỡ những nút áo trên người nó, đặt lên những phần thân thể nhạy cảm nhất và nó nhắm nghiền hai mắt, cố gắng tưởng tượng đến Tùng, anh nông dân trẻ dễ thương với vòng tay dịu dàng đương vuốt ve nó trong đêm tình tự đầu đời.

9

Tiếng đàn chó ọ ạt sủa ngoài vườn đánh thức Út dậy. Nó đã ngủ chợp đi một chút và bây giờ nghe tỉnh táo trong người. Ông cụ nằm giường bên bất động như một xác chết, Út rón rén bước xuống đất lại bên nhìn sát vào khuôn mặt hốc hác, cái miệng

há hốc, thở một cách khó nhọc. Những viên thuốc an thần buổi tối Út lén hòa vào chén trà, sau mỗi ngụm thuốc bắc làm ông cụ quên được cơn đau nhức dần vật đồng thời cũng giúp cho nó được gặp Tùng dễ dàng mỗi đêm. Nó cần thận lay khẽ cánh tay ông cụ trước khi thoát ra ngoài.

— Tuổi em ngủ rồi. Anh định trở về...

Bóng Tùng cắt nét trên đầu hồi, khoảng sân vắng để sợ. Hào xoa đầu con chó còn quanh quẩn, bèn chân rời nắm tay Út níu lại, cái nắm tay bao giờ cũng làm nó xốn sang lên tuổi tới buổi đầu khi nó hẹn với người yêu ở cuối khu vườn rộng mênh mông có những bóng lá đầy hết sức kín đáo. Ban đêm mọi người say ngủ ngoại trừ tiếng sữa loáng thoáng của đàn chó nhưng Tùng thì đi như một tên ăn trộm. Nỗi lo sợ lẫn vui mừng khiến hắn có cảm tưởng như đứa trẻ vào ngày tựu trường lần tiên trong đời. Và khi thấy Út hiện ra giữa bóng tối những lùm cây thì Tùng bỗng đứng sững, hai chân như trồng xuống đất. Út chạy ủa tới, bàn tay nó bị chụp trong bàn tay của anh con trai.

— Làm gì mà anh run dữ vậy ? Như thể người ta xấp á thết...

Tiếng cười tình tứ của con Út không làm Tùng bớt băn khoăn. Nhưng bóng tối và khoảng im lặng của hàng cây trong vườn nhàn nhàn tỏa sáng và làm cho Tùng dần dần vững bụng. Hắn thoáng ngửi mùi hương nồng nàn từ thân thể Út.

— Em xúc dầu thơm đấy à ?

Út hứ một tiếng : Bộ không chịu sao ?

Bàn tay Út bị níu kéo bất chợt khiến nó đổ về phía Tùng, ngực và má nó áp lên thân thể nóng rần của gã. Nó cần mẫn vào vai Tùng khiến anh kêu lên khe khẽ. Tiếng đứa con gái nũng nịu :

— Có đau không ?

vĩnh lộc

(còn nữa)